

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT



NGUYỄN THỊ THẢO VI

**PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG NHẬN TIỀN GỬI TẠI
QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN, TỰ THỰC TIỄN TỈNH
LÂM ĐỒNG**

**ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
LUẬT KINH TẾ**

Lâm Đồng - 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT**



NGUYỄN THỊ THẢO VI

**PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG NHẬN TIỀN GỬI TẠI
QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN, TỪ THỰC TIỄN TỈNH
LÂM ĐỒNG**

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ

MÃ SỐ: 8380107

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

TS. VÕ THỊ DUNG

TS. PHẠM NGỌC THẮNG

Lâm Đồng - 2026

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	1
LỜI CAM ĐOAN	2
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	3
MỞ ĐẦU.....	4
1.1 Tính cấp thiết của đề tài.....	4
1.2 Tình hình nghiên cứu.....	5
1.3 Mục tiêu của đề án.....	6
1.4 Đối tượng nghiên cứu.....	7
1.5 Phạm vi nghiên cứu	7
1.6 Phương pháp nghiên cứu	7
1.7 Kết cấu của đề án.....	8
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG NHẬN TIỀN GỬI TẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN.....	9
1.1. Một số vấn đề lý luận về hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân.....	9
1.1.1. Khái niệm về nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân	9
1.1.2. Đặc điểm của hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân	12
1.1.3 Phân loại các hình thức nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân	13
1.1.4 Vai trò của hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân	14
1.2. Pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân.....	17
1.2.1. Khái niệm pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân...17	
1.2.2. Nội dung pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân19	
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1.....	30
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG NHẬN TIỀN GỬI TẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN, TỪ THỰC TIỄN TỈNH LÂM ĐỒNG	31
2.1. Ưu điểm và hạn chế của pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi của Quỹ tín dụng nhân dân	31
2.1.1. Về ưu điểm.....	31

2.1.2. Về hạn chế.....	33
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi của Quỹ tín dụng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.....	37
2.2.1. Khái quát tình hình hoạt động của hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân tại tỉnh Lâm Đồng	37
2.2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về chủ thể trong quan hệ nhận tiền gửi	39
2.2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật về thủ tục nhận tiền gửi.....	43
2.2.4. Thực tiễn thực hiện pháp luật về lãi suất trong hoạt động nhận tiền gửi.....	49
2.2.5. Thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền.....	52
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2.....	57
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG NHẬN TIỀN GỬI TẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN	59
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân	59
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân	62
3.2.1. Sửa đổi quy định về điều kiện gia nhập của thành viên Quỹ tín dụng nhân dân.....	62
3.2.2. Linh hoạt hóa tỷ lệ tiền gửi của người không phải là thành viên đối với Quỹ tín dụng nhân dân quy mô nhỏ	65
3.2.3. Hoàn thiện quy định về cơ chế lãi suất tiền gửi đối với Quỹ tín dụng nhân dân.....	66
3.2.4. Chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ và hệ thống biểu mẫu nhận tiền gửi.....	68
3.2.5. Tăng cường quy định về bảo vệ người gửi tiền	71
TIỂU KẾT CHƯƠNG 3.....	75
KẾT LUẬN	77
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	79
PHỤ LỤC.....	81

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến TS. Phạm Ngọc Thắng – giảng viên Trường Đại học Phan Thiết, người đã luôn đồng hành, định hướng học thuật và tận tình hỗ trợ tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thiện đề án. Sự hướng dẫn tận tâm và những đóng góp quý báu của thầy là nền tảng quan trọng giúp tôi hoàn thành công trình này.

Bên cạnh đó, tôi xin trân trọng cảm ơn Trường Đại học Phan Thiết cùng tập thể quý thầy, cô đã tạo môi trường học tập nghiêm túc, hỗ trợ kịp thời và điều kiện thuận lợi để tôi có thể hoàn thành chương trình Cao học Luật Kinh tế cũng như đạt được kết quả nghiên cứu như hiện nay.

Lâm Đồng, ngày 05 tháng 01 năm 2026

TÁC GIẢ ĐỀ ÁN

Nguyễn Thị Thảo Vi

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng đề án này là công trình nghiên cứu do chính tôi thực hiện. Các số liệu, tài liệu, trích dẫn được sử dụng trong đề án đều có nguồn gốc rõ ràng và được dẫn chiếu đầy đủ theo đúng quy định. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực của nội dung và các kết quả nghiên cứu được trình bày trong khuôn khổ đề án.

TÁC GIẢ ĐỀ ÁN

Nguyễn Thị Thảo Vi

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
QTDND	Quỹ tín dụng nhân dân
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
BHTG	Bảo hiểm tiền gửi

MỞ ĐẦU

1.1 Tính cấp thiết của đề tài

Trong tiến trình phát triển của nền kinh tế Việt Nam theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, các tổ chức tín dụng giữ vai trò trung gian tài chính quan trọng trong việc thu hút và luân chuyển các nguồn lực tiền tệ trong xã hội. Quỹ tín dụng nhân dân được hình thành và phát triển như một mô hình tổ chức tín dụng hợp tác, gắn trực tiếp với cộng đồng dân cư và nhu cầu vốn của các hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh quy mô nhỏ, đặc biệt tại khu vực nông thôn. Hoạt động nhận tiền gửi là một trong những hoạt động cơ bản, quyết định trực tiếp đến khả năng tồn tại, phát triển cũng như mức độ an toàn tài chính của QTDND. Thông qua hoạt động này, QTDND tạo lập nguồn vốn để thực hiện hoạt động cho vay, cung ứng dịch vụ tài chính, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế – xã hội tại địa phương. Tuy nhiên, đây cũng là lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro, đòi hỏi phải được điều chỉnh bằng hệ thống pháp luật chặt chẽ nhằm bảo đảm an toàn hệ thống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền.

Thực tiễn hoạt động của các QTDND trong thời gian qua cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động nhận tiền gửi vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế như phạm vi và hình thức nhận tiền gửi còn bị ràng buộc; cơ chế bảo vệ quyền lợi người gửi tiền chưa thật sự toàn diện; công tác quản trị và kiểm soát rủi ro tại một số QTDND chưa đáp ứng yêu cầu; việc tuân thủ pháp luật về nhận tiền gửi trong một số trường hợp chưa nghiêm. Đặc biệt, trong bối cảnh Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 có nhiều điểm sửa đổi, bổ sung quan trọng liên quan đến hoạt động của QTDND, yêu cầu nghiên cứu, đánh giá và hoàn thiện pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi càng trở nên cấp thiết.

Tại tỉnh Lâm Đồng, QTDND có vai trò quan trọng trong việc cung ứng vốn và huy động tiền gửi phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và kinh tế hộ gia đình. Tuy nhiên, do đặc thù địa bàn rộng, hoạt động kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, thu nhập của người dân còn phụ thuộc nhiều vào yếu tố thị trường và thời tiết, nên hoạt động nhận tiền gửi tại các QTDND trên địa bàn tiềm ẩn nhiều rủi ro, đòi hỏi khuôn khổ pháp lý phù hợp và cơ chế thực thi hiệu quả.

Xuất phát từ những vấn đề lý luận và thực tiễn nêu trên, việc nghiên cứu đề tài “*Pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân, từ thực tiễn tỉnh Lâm Đồng*” không chỉ có ý nghĩa về mặt khoa học, góp phần làm rõ các quy định pháp luật hiện hành, mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, nhằm đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại các QTDND cơ sở trong giai đoạn hiện nay.

1.2 Tình hình nghiên cứu

Từ trước đến nay, dưới góc độ nghiên cứu pháp luật, vấn đề huy động vốn của các tổ chức tín dụng, đặc biệt là thông qua hình thức nhận tiền gửi, đã được đề cập trong một số công trình khoa học ở các cấp độ khác nhau. Ở bậc đại học, có thể kể đến một số khóa luận tiêu biểu như:

- “*Pháp luật về huy động vốn của Quỹ tín dụng nhân dân từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên*” (2019) của tác giả Nguyễn Thu Phương, tập trung vào các rào cản pháp lý trong việc thực hiện quy định về địa giới hành chính khi nhận tiền gửi.

- “*Pháp luật về hoạt động huy động vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay*” (2021) của tác giả Lê Thị Lan Anh, phân tích sâu về các điều kiện nhận tiền gửi tiết kiệm theo các thông tư mới của Ngân hàng Nhà nước;

- “*Hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi nhằm bảo vệ quyền lợi người gửi tiền tại các tổ chức tín dụng hợp tác xã*” (2022) của tác giả Trần Thị Bích, nghiên cứu này có giá trị tham khảo lớn về cơ chế hậu thuẫn và tạo niềm tin cho người dân khi gửi tiền tại QTDND.

Nhìn chung, các nghiên cứu nêu trên đã đóng góp những giá trị lý luận và thực tiễn nhất định đối với hoạt động của hệ thống QTDND. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, các công trình này vẫn tồn tại những "khoảng trống" nghiên cứu mà đề tài cần giải quyết: Thứ nhất, về tính thời điểm của pháp luật: Các nghiên cứu trước đây chủ yếu dựa trên nền tảng Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017). Trong khi đó, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 mới ban hành đã có những thay đổi mang tính bước ngoặt về quản trị, kiểm soát rủi ro và các giới hạn trong huy động vốn mà các công trình trước chưa thể cập nhật. Thứ hai, về tính đặc thù địa phương:

Hoạt động nhận tiền gửi của QTDND phụ thuộc chặt chẽ vào đặc điểm kinh tế - dân cư của từng địa bàn. Cho đến nay, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống về pháp luật điều chỉnh hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND gắn với thực tiễn áp dụng tại tỉnh Lâm Đồng – một địa phương có đặc thù về kinh tế nông nghiệp phát triển và mạng lưới QTDND hoạt động rất năng động.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề tài “*Pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân, từ thực tiễn tỉnh Lâm Đồng*” có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, góp phần bổ sung khoảng trống nghiên cứu, đồng thời đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật phù hợp với yêu cầu thực tiễn hiện nay dưới tác động của các quy định mới.

1.3 Mục tiêu của đề án

- Mục tiêu tổng quát: Mục tiêu bao trùm của đề án là nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện các quy định của pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND. Trên cơ sở đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật tại tỉnh Lâm Đồng và những điểm mới của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, đề án đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, bảo đảm an toàn hệ thống và quyền lợi người gửi tiền.

- Mục tiêu cụ thể: Để đạt được mục tiêu tổng quát, đề án tập trung vào các mục tiêu cụ thể sau:

Về lý luận: Làm rõ bản chất pháp lý, đặc điểm và vai trò của hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND; phân tích nội dung pháp luật điều chỉnh hoạt động này, qua đó chỉ ra sự khác biệt so với hoạt động nhận tiền gửi của ngân hàng thương mại.

Về thực tiễn: Đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về nhận tiền gửi tại các QTDND trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; phân tích một số vấn đề, rủi ro phát sinh trong thực tiễn áp dụng nhằm làm rõ những hạn chế, bất cập của pháp luật hiện hành.

Về giải pháp: Xác định các vướng mắc giữa quy định pháp luật và thực tiễn thi hành tại Lâm Đồng trong bối cảnh thực hiện Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; từ đó đề xuất các kiến nghị hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND.

1.4 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề án là các quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND. Cụ thể, đề án nghiên cứu tập trung các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, các văn bản hướng dẫn thi hành của NHNN Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan trực tiếp đến việc điều chỉnh hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND.

Bên cạnh đó, đề án nghiên cứu thực tiễn tổ chức và triển khai hoạt động nhận tiền gửi tại các QTDND trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, qua đó phân tích những kết quả đạt được, những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân phát sinh trong quá trình áp dụng pháp luật, làm cơ sở đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi trong thời gian tới.

1.5 Phạm vi nghiên cứu

Về phạm vi nội dung, đề án tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND, bao gồm các hình thức nhận tiền gửi, điều kiện, nguyên tắc, quyền và nghĩa vụ của QTDND và người gửi tiền, cũng như các yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động nhận tiền gửi theo quy định của pháp luật hiện hành.

Về phạm vi không gian đề án nghiên cứu thực tiễn hoạt động của các QTDND trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực từ tháng 7/2025. Phạm vi nghiên cứu bao quát các QTDND tại tỉnh Lâm Đồng trước đây và các QTDND thuộc địa bàn tỉnh Bình Thuận cũ, Đắk Nông cũ được sáp nhập, nhằm bảo đảm tính toàn diện và liên tục trong quản lý hệ thống tín dụng trên địa bàn hành chính mới..

Về phạm vi thời gian, đề án tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND trong giai đoạn từ đầu năm 2023 đến ngày 31/08/2025, đặc biệt là giai đoạn có sự điều chỉnh, sửa đổi quan trọng của pháp luật về các tổ chức tín dụng.

1.6 Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu của đề án, tác giả sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý, trong đó chủ yếu bao gồm:

Phương pháp phân tích và tổng hợp: Áp dụng để nghiên cứu, hệ thống hóa các quy định pháp luật hiện hành về hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND; qua đó phân tích nội dung, làm rõ ý nghĩa pháp lý, đánh giá mức độ phù hợp và tổng hợp các hạn chế còn tồn tại trong thực tiễn thực hiện pháp luật.

Phương pháp so sánh pháp luật: Được áp dụng nhằm đối chiếu các quy định pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi giữa QTDND với các tổ chức tín dụng khác, đồng thời so sánh giữa quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Lâm Đồng để làm rõ những điểm tương đồng, khác biệt và bất cập.

Phương pháp lịch sử – logic: Được sử dụng để nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của các quy định pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND, từ đó làm rõ cơ sở hình thành, xu hướng hoàn thiện và logic nội tại của hệ thống pháp luật.

Phương pháp thống kê và phân tích thực tiễn: Thông qua việc thu thập, xử lý số liệu liên quan đến hoạt động nhận tiền gửi tại các QTDND trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, dưới sự quản lý của NHNN Khu vực 10, phương pháp này giúp đánh giá khách quan thực trạng áp dụng pháp luật và những vấn đề đặt ra từ thực tiễn.

1.7 Kết cấu của đề án

Nội dung chính của đề án được kết cấu thành 03 chương như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận và pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi của Quỹ tín dụng nhân dân.

Chương 2: Thực trạng thực hiện pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân, từ thực tiễn tỉnh Lâm Đồng.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân.

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG NHẬN TIỀN GỬI TẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

1.1. Một số vấn đề lý luận về hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân

1.1.1. Khái niệm về nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân

Trong hệ thống các tổ chức tín dụng ở Việt Nam, Quỹ tín dụng nhân dân là một loại hình tổ chức tín dụng hợp tác có vai trò đặc biệt trong việc huy động và phân phối nguồn vốn phục vụ phát triển kinh tế – xã hội ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa và các địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội còn khó khăn. Trong đó, hoạt động nhận tiền gửi được xem là một trong những hoạt động nghiệp vụ cơ bản, giữ vị trí trung tâm và có ý nghĩa quyết định đối với sự tồn tại, phát triển cũng như hiệu quả hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân. Thông qua hoạt động này, Quỹ tín dụng nhân dân hình thành nguồn vốn chủ yếu để thực hiện chức năng cho vay đối với thành viên và khách hàng, đồng thời cung ứng các dịch vụ tài chính – ngân hàng khác theo quy định của pháp luật.

Dưới góc độ pháp lý, nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân có thể được hiểu là việc Quỹ tín dụng nhân dân tiếp nhận tiền của cá nhân, tổ chức theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ cả gốc và lãi, trên cơ sở thỏa thuận giữa Quỹ tín dụng nhân dân và người gửi tiền, phù hợp với các quy định của pháp luật về ngân hàng và hoạt động của tổ chức tín dụng. Hoạt động này được thực hiện trên cơ sở sự cho phép của Nhà nước thông qua việc cấp giấy phép hoạt động cho Quỹ tín dụng nhân dân, đồng thời chịu sự quản lý, giám sát chặt chẽ của Ngân hàng Nhà nước nhằm bảo đảm an toàn hệ thống tài chính – ngân hàng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người gửi tiền.

Theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, tiền gửi được xác định là khoản tiền của tổ chức, cá nhân gửi tại tổ chức tín dụng dưới các hình thức như tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các hình thức nhận tiền gửi khác theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó, hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân là một dạng hoạt động ngân hàng đặc thù, được pháp luật thừa nhận

và điều chỉnh, cho phép Quỹ tín dụng nhân dân huy động các nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội để phục vụ cho mục tiêu hoạt động của mình. Việc nhận tiền gửi không chỉ đơn thuần là hành vi tiếp nhận tiền, mà còn gắn liền với các nghĩa vụ pháp lý của Quỹ tín dụng nhân dân trong việc quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, bảo đảm khả năng thanh toán và hoàn trả tiền gửi cho người gửi tiền theo đúng thỏa thuận.

Xét về bản chất pháp lý, hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân hình thành một quan hệ pháp luật dân sự – kinh tế đặc thù giữa Quỹ tín dụng nhân dân và người gửi tiền. Trong quan hệ này, Quỹ tín dụng nhân dân giữ vai trò là bên nhận tiền gửi, có nghĩa vụ bảo toàn giá trị tiền gửi, trả lãi theo mức lãi suất đã cam kết và hoàn trả tiền gửi đầy đủ, đúng thời hạn; người gửi tiền là bên gửi tiền, có quyền yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện đúng các nghĩa vụ đã thỏa thuận, đồng thời có nghĩa vụ tuân thủ các quy định liên quan đến việc gửi tiền theo quy định của pháp luật và điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân. Quan hệ pháp luật này được xác lập trên cơ sở hợp đồng tiền gửi, thể hiện nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thỏa thuận nhưng vẫn chịu sự điều chỉnh chặt chẽ của pháp luật chuyên ngành ngân hàng.

So với các tổ chức tín dụng khác như ngân hàng thương mại, công ty tài chính hay ngân hàng chính sách, hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân có những đặc thù riêng, xuất phát từ mô hình tổ chức, mục tiêu hoạt động và phạm vi hoạt động của loại hình tổ chức tín dụng này. Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động theo nguyên tắc hợp tác, tương trợ lẫn nhau giữa các thành viên, lấy việc hỗ trợ phát triển kinh tế của thành viên và cộng đồng địa phương làm mục tiêu chủ yếu, không đặt nặng mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận như các ngân hàng thương mại. Do đó, hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân không chỉ nhằm mục tiêu huy động vốn để sinh lời, mà còn mang ý nghĩa xã hội sâu sắc, góp phần thúc đẩy tiết kiệm trong dân cư, tạo lập nguồn vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh và cải thiện đời sống của người dân tại địa phương.

Một đặc điểm đáng chú ý của hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân là phạm vi huy động vốn thường gắn liền với địa bàn hoạt động của Quỹ, chủ yếu ở cấp xã, phường, thị trấn. Phần lớn nguồn tiền gửi được huy động từ các thành viên và dân cư sinh sống, làm việc trên địa bàn. Điều này vừa tạo điều kiện thuận lợi

cho Quỹ tín dụng nhân dân trong việc tiếp cận nguồn vốn nhàn rỗi tại chỗ, vừa góp phần tăng cường mối quan hệ gắn bó, tin cậy giữa Quỹ tín dụng nhân dân và cộng đồng dân cư địa phương. Tuy nhiên, đặc điểm này cũng đặt ra yêu cầu cao về việc quản lý rủi ro, bảo đảm an toàn vốn và duy trì uy tín của Quỹ tín dụng nhân dân trong hoạt động nhận tiền gửi.

Bên cạnh đó, hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân còn chịu sự chi phối bởi các nguyên tắc cơ bản của hoạt động ngân hàng, như nguyên tắc an toàn, nguyên tắc thanh khoản và nguyên tắc hiệu quả. Quỹ tín dụng nhân dân phải bảo đảm duy trì khả năng chi trả đối với các khoản tiền gửi khi đến hạn, đồng thời sử dụng nguồn vốn huy động một cách hợp lý, hiệu quả để vừa đáp ứng nhu cầu vay vốn của thành viên, vừa bảo đảm khả năng sinh lời cần thiết cho hoạt động của Quỹ. Việc cân đối giữa yêu cầu an toàn vốn và yêu cầu hiệu quả sử dụng vốn là một trong những thách thức lớn đối với hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân trong thực tiễn.

Từ góc độ quản lý nhà nước, hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân là đối tượng điều chỉnh và giám sát chặt chẽ của pháp luật ngân hàng. Nhà nước thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành các quy định về điều kiện, phạm vi, hình thức nhận tiền gửi, trần lãi suất tiền gửi, chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát đối với Quỹ tín dụng nhân dân nhằm bảo đảm an toàn hệ thống và hạn chế các rủi ro có thể phát sinh. Đồng thời, hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân còn gắn liền với cơ chế bảo hiểm tiền gửi, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, củng cố niềm tin của công chúng đối với hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân.

Có thể khái quát rằng, nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân là hoạt động pháp lý – nghiệp vụ do Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện nhằm huy động các nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội, đặc biệt là từ các thành viên và dân cư trên địa bàn hoạt động, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật ngân hàng và các nguyên tắc hoạt động của tổ chức tín dụng. Hoạt động này không chỉ đóng vai trò là nguồn vốn chủ yếu phục vụ cho hoạt động cho vay và cung ứng dịch vụ tài chính của Quỹ tín dụng nhân dân, mà còn góp phần thực hiện mục tiêu an toàn hệ thống tài chính – ngân

hàng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội tại cộng đồng địa phương.

1.1.2 Đặc điểm của hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân

Hoạt động nhận tiền gửi của QTDND về bản chất pháp lý vẫn là quan hệ vay tài sản tương tự như các tổ chức tín dụng khác, song do được tổ chức và hoạt động theo mô hình tổ chức tín dụng hợp tác, hoạt động này mang những đặc điểm riêng biệt, thể hiện rõ tính đặc thù của QTDND trong hệ thống các tổ chức tín dụng ở Việt Nam.

Thứ nhất, tính giới hạn về đối tượng và phạm vi địa bàn hoạt động. Đây là đặc điểm khác biệt cơ bản giữa QTDND và các ngân hàng thương mại. Theo quy định của pháp luật, QTDND chủ yếu nhận tiền gửi từ các thành viên, cá nhân, hộ gia đình và tổ chức hoạt động trên địa bàn nhất định, thường là một hoặc một số xã, phường liền kề. Tại tỉnh Lâm Đồng, các QTDND thường gắn với các vùng chuyên canh nông nghiệp hoặc khu dân cư ổn định. Mục tiêu của hoạt động nhận tiền gửi không phải là huy động vốn trên phạm vi rộng, mà là tập trung nguồn vốn nhàn rỗi ngay tại địa phương để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh và đời sống của chính cộng đồng dân cư trên địa bàn.

Thứ hai, tính tương trợ và liên kết cộng đồng. Hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND không đơn thuần là quan hệ kinh doanh mang tính tìm kiếm lợi nhuận. Người gửi tiền là thành viên, vừa là chủ thể gửi tiền, vừa là chủ sở hữu của Quỹ. Việc gửi tiền vì vậy mang đậm tính tương trợ, hỗ trợ lẫn nhau trong cộng đồng: người có vốn nhàn rỗi gửi tiền vào Quỹ để tạo nguồn lực tài chính giúp các thành viên khác vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh. Do đó, quan hệ tiền gửi tại QTDND thường được xây dựng trên cơ sở uy tín cá nhân, sự gắn kết cộng đồng và niềm tin xã hội, hơn là dựa vào các hoạt động tiếp thị hay cạnh tranh lãi suất như tại ngân hàng thương mại.

Thứ ba, sự hạn chế về loại hình và sản phẩm tiền gửi. So với sự đa dạng của các sản phẩm tiền gửi tại ngân hàng thương mại, các QTDND vẫn duy trì các hình thức tiền gửi truyền thống, tiêu biểu là tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm theo kỳ hạn. Các công cụ huy động vốn phức tạp hoặc sản phẩm tài chính cấu trúc

hầu như không được triển khai. Sự lựa chọn này phản ánh mức độ phù hợp giữa quy mô, khả năng kiểm soát rủi ro của các QTDND với điều kiện tiếp cận dịch vụ tài chính của người dân tại khu vực nông thôn và vùng sâu, vùng xa của tỉnh Lâm Đồng.

Thứ tư, cơ chế giám sát kép và hệ thống liên kết chặt chẽ. Hoạt động nhận tiền gửi của QTDND chịu sự giám sát trực tiếp của NHNN, đồng thời còn đặt trong hệ thống liên kết với Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam và Hiệp hội QTDND. Cơ chế giám sát và hỗ trợ này nhằm bảo đảm an toàn cho tiền gửi của người dân thông qua các công cụ như quỹ bảo đảm an toàn hệ thống, BHTG và hệ thống kiểm soát nội bộ đặc thù đối với mô hình tổ chức tín dụng hợp tác.

Thứ năm, sự biến động theo chu kỳ kinh tế địa phương. Đặc điểm này thể hiện rõ trong thực tiễn hoạt động của các QTDND trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Nguồn tiền gửi thường biến động mạnh theo mùa vụ của các sản phẩm nông nghiệp chủ lực như thanh long, cà phê, chè, rau và hoa. Sau mỗi vụ thu hoạch, lượng tiền gửi vào QTDND có xu hướng tăng mạnh, trong khi vào đầu mùa vụ, người dân thường rút tiền để tái đầu tư sản xuất. Điều này đặt ra yêu cầu pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi cũng như công tác quản trị thanh khoản của QTDND phải có sự linh hoạt, phù hợp với đặc thù kinh tế – xã hội của địa phương.

1.1.3 Phân loại các hình thức nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân

Trong hoạt động nhận tiền gửi, QTDND triển khai nhiều hình thức tiền gửi khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thành viên và cá nhân, tổ chức trên địa bàn hoạt động, đồng thời bảo đảm phù hợp với mục tiêu tương trợ và năng lực quản trị rủi ro phù hợp với đặc thù hoạt động của hệ thống tín dụng hợp tác. Việc phân loại các hình thức nhận tiền gửi tại QTDND có ý nghĩa quan trọng cả về phương diện pháp luật lẫn thực tiễn quản lý, sử dụng vốn.

Thứ nhất, căn cứ thời hạn gửi tiền, hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND gồm nhận tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn.

Tiền gửi không kỳ hạn là khoản tiền mà người gửi có quyền rút ra bất cứ lúc nào trong thời gian giao dịch của Quỹ. Do đặc điểm thanh khoản cao và tính ổn định thấp, loại tiền gửi này thường được QTDND áp dụng mức lãi suất thấp hoặc không có lãi, đồng thời chủ yếu phục vụ nhu cầu cất giữ tiền và giao dịch đơn giản của người

gửi tiền tại địa phương. Trái lại, tiền gửi có kỳ hạn được xác lập trên cơ sở thỏa thuận về thời hạn gửi giữa người gửi tiền và QTDND, theo đó QTDND có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ số tiền gốc kèm theo lãi cho người gửi tiền khi đến thời điểm đáo hạn. Đây là hình thức tiền gửi có tính ổn định cao, qua đó giúp QTDND linh hoạt hơn trong việc khai thác và sử dụng nguồn vốn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của các thành viên, do đó thường được áp dụng mức lãi suất cao hơn so với tiền gửi không kỳ hạn.

Thứ hai, căn cứ mục đích gửi tiền, các hình thức nhận tiền gửi tại QTDND bao gồm tiền gửi thanh toán và tiền gửi tiết kiệm. Tiền gửi tiết kiệm là hình thức phổ biến và chiếm tỷ trọng lớn nhất tại các QTDND. Mục đích chính của người gửi (thường là cá nhân, hộ gia đình tại địa phương) là tích lũy, hưởng lãi và hạn chế rủi ro làm suy giảm giá trị nguồn vốn. Tiền gửi tiết kiệm tại Quỹ bao gồm cả tiết kiệm không kỳ hạn và tiết kiệm có kỳ hạn, được xác nhận thông qua sổ tiết kiệm hoặc thẻ tiết kiệm. Đối với tiền gửi thanh toán là hình thức chủ yếu phục vụ nhu cầu lưu giữ tiền để thực hiện các giao dịch thanh toán cơ bản. Tuy nhiên, so với các Ngân hàng thương mại, hình thức này tại QTDND thường đơn giản hơn và gắn liền với các dịch vụ thanh toán nội bộ hoặc liên kết hạn chế trong hệ thống.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật ngân hàng hiện hành, song song với các hình thức tiền gửi truyền thống đã đề cập, QTDND được phép huy động vốn thông qua việc phát hành các loại giấy tờ có giá như chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, với điều kiện việc phát hành này phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu và điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, do đặc thù về quy mô tổ chức và phạm vi hoạt động được phép, hình thức này tại QTDND thường được triển khai thận trọng, nhằm bảo đảm an toàn vốn và hạn chế rủi ro.

1.1.4 Vai trò của hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân

Hoạt động nhận tiền gửi không chỉ được xem là một nghiệp vụ thông thường trong hoạt động ngân hàng mà còn được xem là “mạch máu” giữ vai trò then chốt đối với khả năng vận hành ổn định và phát triển của QTDND. Với tư cách là tổ chức tín dụng hợp tác hoạt động chủ yếu tại khu vực nông thôn, QTDND phụ thuộc lớn vào nguồn vốn từ nhận tiền gửi của thành viên và dân cư địa phương. Thông qua hoạt động nhận tiền gửi, QTDND thực hiện chức năng trung gian tài chính, dẫn vốn từ nơi

thừa sang nơi thiếu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội và bảo đảm an sinh tại địa phương. Vai trò của hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND được phản ánh rõ rệt trên các phương diện sau:

Thứ nhất, đối với QTDND, hoạt động nhận tiền gửi có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của QTDND. Trước hết, đây là nguồn vốn kinh doanh chủ yếu của QTDND. Do đặc thù hoạt động theo mô hình tín dụng hợp tác, vốn tự có của QTDND thường chiếm tỷ trọng không lớn, trong khi tiền gửi từ dân cư và thành viên lại hình thành nên nguồn vốn chủ đạo, có tính ổn định tương đối cao và chi phí huy động hợp lý. Nhờ đó, QTDND có điều kiện chủ động trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh, hạn chế sự phụ thuộc vào nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng cấp trên hoặc các ngân hàng thương mại.

Bên cạnh đó, khả năng huy động vốn từ nhận tiền gửi hiệu quả là yếu tố nền tảng quan trọng để QTDND từng bước mở rộng quy mô đồng thời nâng cao chất lượng hoạt động. Một QTDND có uy tín, thu hút được lượng tiền gửi lớn và ổn định sẽ có điều kiện tăng quy mô cấp tín dụng, đồng thời đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ tài chính nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các đối tượng là thành viên và người dân tại địa phương. Đối với tỉnh Lâm Đồng – nơi hoạt động sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ cao – nguồn vốn huy động từ tiền gửi giúp QTDND chủ động điều hòa vốn, bảo đảm cung ứng vốn vay kịp thời cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Ngoài ra, sự tăng trưởng bền vững của nguồn tiền gửi còn tạo dựng và củng cố uy tín, vị thế của của QTDND trong cộng đồng. Tiền gửi gia tăng phản ánh mức độ tin cậy của người dân đối với Quỹ, qua đó không chỉ giúp QTDND thu hút thêm nguồn lực tài chính mới mà còn tạo nền tảng thuận lợi trong quan hệ với cơ quan quản lý nhà nước và các định chế tài chính khác trong hệ thống.

Thứ hai, đối với thành viên và người gửi tiền, hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND đem đến nhiều lợi ích thiết thực cả về kinh tế và xã hội. Trước hết, QTDND cung cấp cho người dân địa phương, đặc biệt là cư dân khu vực nông thôn, một kênh lưu giữ tài sản an toàn và hợp pháp. Việc gửi tiền vào QTDND giúp người gửi tiền tránh được các rủi ro như mất mát, hư hỏng hoặc thất thoát khi tự cất giữ tiền tại nhà, đồng thời bảo đảm quyền lợi dựa trên cơ chế hoàn lại tiền gửi và BHTG. Bên

cạnh chức năng bảo toàn vốn, hoạt động nhận tiền gửi còn giúp người gửi tiền tạo ra thu nhập từ nguồn vốn nhàn rỗi thông qua lãi tiền gửi. Mặc dù mức lãi suất tại QTDND có thể không cao như một số kênh đầu tư khác, song đây là hình thức sinh lợi an toàn, ổn định và phù hợp với tâm lý của đại bộ phận người dân nông thôn. Đối với các hộ gia đình sản xuất nông nghiệp, việc gửi tiền tại QTDND giúp họ chủ động tích lũy vốn để phục vụ nhu cầu đầu tư trong các chu kỳ sản xuất tiếp theo. Ngoài ra, thông qua việc gửi tiền, thành viên và người gửi tiền thiết lập mối quan hệ giao dịch thường xuyên với QTDND, từ đó tạo điều kiện thuận lợi để tiếp cận các dịch vụ tài chính khác của Quỹ, đặc biệt là dịch vụ tín dụng. Thực tiễn cho thấy, tại nhiều địa phương như tỉnh Lâm Đồng, các hộ nông dân trồng cà phê, chè, rau hoa thường có nhu cầu vay vốn theo mùa vụ. Việc người gửi tiền đồng thời là thành viên của QTDND giúp họ tiếp cận các khoản vay với thủ tục đơn giản, lãi suất hợp lý và phù hợp với điều kiện sản xuất thực tế.

Đối với người gửi tiền là thành viên, hoạt động nhận tiền gửi còn thể hiện tinh thần làm chủ và trách nhiệm cộng đồng. Thông qua việc gửi tiền, các thành viên góp phần xây dựng nguồn lực tài chính chung của Quỹ, từ đó được hưởng các quyền lợi như ưu đãi về phí dịch vụ, lãi suất vay và cổ tức hàng năm. Đây là sự khác biệt cơ bản giữa QTDND và các ngân hàng thương mại, thể hiện rõ bản chất tương trợ của mô hình tín dụng hợp tác.

Thứ ba, đối với nền kinh tế – xã hội địa phương, hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội tại địa phương, đặc biệt là khu vực nông thôn. Trong thực tế, các khoản tiền tiết kiệm trong dân cư thường nhỏ lẻ và phân tán, nếu không được tập trung sẽ khó phát huy hiệu quả sử dụng. Thông qua hoạt động nhận tiền gửi, QTDND thực hiện chức năng tập trung các nguồn vốn nhàn rỗi này để hình thành nguồn vốn đầu tư đáng kể, phục vụ trực tiếp cho nhu cầu phát triển kinh tế tại địa bàn.

Hoạt động nhận tiền gửi và cho vay tại chỗ giúp thúc đẩy quá trình luân chuyển vốn trong nội bộ địa phương, hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế của các hộ gia đình, kinh tế hợp tác và kinh tế nông thôn. Việc dẫn vốn từ người gửi tiền sang người vay trong cùng cộng đồng không chỉ nâng cao hiệu quả sử dụng vốn mà còn

tạo ra sự gắn kết kinh tế – xã hội bền chặt giữa các thành viên, tạo điều kiện cho cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng tích cực.

Một vai trò quan trọng khác của hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND là góp phần hạn chế và đẩy lùi tín dụng đen. Khi QTDND huy động được nguồn vốn tại chỗ và cho vay lại với lãi suất hợp lý, thủ tục phù hợp, người dân sẽ có thêm kênh tiếp cận vốn chính thống, giảm sự phụ thuộc vào các hình thức cho vay nặng lãi. Điều này không chỉ góp phần bảo vệ quyền lợi của người dân mà còn giúp bảo đảm an ninh trật tự, ổn định xã hội trên địa bàn.

Bên cạnh đó, thông qua việc sử dụng nguồn vốn huy động để đáp ứng nhu cầu vốn của các thành viên, QTDND góp phần thực hiện các mục tiêu xóa đói giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội. Nguồn vốn từ tiền gửi được sử dụng để hỗ trợ các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn vay vốn phát triển sản xuất, tạo việc làm và cải thiện đời sống. Qua đó, hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND không chỉ mang ý nghĩa kinh tế mà còn thể hiện rõ vai trò xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của cộng đồng địa phương.

1.2. Pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân

1.2.1. Khái niệm pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân

Nội dung điều chỉnh của pháp luật đối với hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình QTDND tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản tiền gửi của thành viên và các tổ chức, cá nhân khác, dưới các hình thức tiền gửi hợp pháp, phục vụ hoạt động kinh doanh tín dụng và thực hiện mục tiêu tương trợ trong cộng đồng. Pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND bao hàm các nội dung:

Thứ nhất, về hình thức biểu hiện của pháp luật. Pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND không tồn tại dưới dạng một văn bản pháp luật độc lập mà được cấu thành từ nhiều văn bản với giá trị pháp lý khác nhau. Trọng tâm là các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, cùng với hệ thống văn bản hướng dẫn chuyên ngành do NHNN ban hành, như các thông tư quy định về tổ chức và hoạt động của QTDND,

về hoạt động nhận tiền gửi tiết kiệm. Bên cạnh đó, do QTDND được tổ chức và hoạt động theo mô hình hợp tác xã, các quy định của Luật Hợp tác xã và Bộ luật Dân sự, đặc biệt là các quy định về hợp đồng vay tài sản, cũng có vai trò điều chỉnh hỗ trợ đối với hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND.

Thứ hai, về đối tượng điều chỉnh của pháp luật. Pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND điều chỉnh hai nhóm quan hệ xã hội cơ bản. Một là quan hệ giữa QTDND và người gửi tiền, trong đó pháp luật quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên, mức lãi suất, trình tự, thủ tục gửi và rút tiền, cũng như nghĩa vụ bảo mật thông tin của QTDND. Hai là quan hệ giữa Nhà nước, thông qua NHNN, với QTDND, bao gồm các quy định về điều kiện cấp phép hoạt động, các tỷ lệ bảo đảm an toàn, chế độ báo cáo, cũng như hoạt động thanh tra, giám sát đối với việc nhận tiền gửi.

Thứ ba, về nội dung điều chỉnh của pháp luật. Pháp luật xác lập khuôn khổ pháp lý cho hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND thông qua việc quy định các điều kiện để QTDND được thực hiện nghiệp vụ nhận tiền gửi; xác định rõ đối tượng và phạm vi địa bàn được phép huy động vốn; quy định các hình thức nhận tiền gửi hợp pháp như tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm; đồng thời thiết lập các cơ chế bảo đảm an toàn cho tiền gửi của người dân, bao gồm BHTG và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống QTDND.

Thứ tư, về mục đích điều chỉnh của pháp luật. Khác với pháp luật điều chỉnh hoạt động nhận tiền gửi tại ngân hàng thương mại, pháp luật về nhận tiền gửi tại QTDND hướng tới mục tiêu kép. Một mặt, pháp luật nhằm bảo đảm an toàn cho hoạt động ngân hàng và hiệu quả kinh doanh của QTDND; mặt khác, pháp luật phải duy trì và phát huy bản chất tương trợ, liên kết cộng đồng của mô hình QTDND, bảo đảm nguồn vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống của thành viên và người dân trên địa bàn.

1.2.2. Nội dung pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân

1.2.2.1. Quy định về chủ thể của hoạt động nhận tiền gửi

Quan hệ nhận tiền gửi là quan hệ dân sự phát sinh giữa hai chủ thể, bao gồm tổ chức nhận tiền gửi và bên gửi tiền. Việc xác định đúng tư cách pháp lý, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể này có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm an toàn hoạt động huy động vốn, cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền.

Tổ chức nhận tiền gửi là Quỹ tín dụng nhân dân

Cơ sở pháp lý xác lập và điều chỉnh tư cách chủ thể nhận tiền gửi của QTDND được cụ thể hóa thông qua các văn bản quy phạm pháp luật tương đối đầy đủ và thống nhất, bao gồm luật chung, luật chuyên ngành và các văn bản hướng dẫn thi hành. Hệ thống này vừa phản ánh bản chất kinh tế – xã hội đặc thù của QTDND, vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động ngân hàng và bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền.

Trước hết, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 giữ vai trò là văn bản pháp lý nền tảng, xác lập địa vị pháp lý cao nhất cho hoạt động của QTDND trong hệ thống các tổ chức tín dụng. Theo Khoản 30 Điều 4 Luật này, QTDND là một loại hình tổ chức tín dụng hợp tác, được thực hiện một số hoạt động ngân hàng nhất định, hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, tự chủ và tự chịu trách nhiệm, nhằm phục vụ mục tiêu tương trợ giữa các thành viên. Khác với các Ngân hàng thương mại là công ty cổ phần hoặc công ty TNHH, QTDND là sở hữu chung của các thành viên. Tư cách chủ thể nhận tiền gửi của QTDND chỉ được xác lập kể từ thời điểm được NHNN Việt Nam cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trong đó ghi nhận rõ nội dung được phép thực hiện hoạt động “nhận tiền gửi”. Đây là điều kiện pháp lý bắt buộc nhằm bảo đảm rằng chỉ những QTDND trên cơ sở đáp ứng các điều kiện cần thiết về vốn, nhân sự, các yếu tố về hạ tầng và quản trị nội bộ, kiểm soát nội bộ mới được tham gia hoạt động huy động vốn từ công chúng.

Pháp luật quy định tư cách chủ thể nhận tiền gửi của QTDND bị giới hạn trên địa bàn hoạt động gắn với đơn vị hành chính cấp xã hoặc liên xã theo nội dung giấy phép được cấp. Việc xác lập giới hạn về địa bàn hoạt động dẫn đến hệ quả là QTDND

chỉ được xác lập quan hệ nhận tiền gửi với các đối tượng liên hệ với nhau một cách chặt chẽ với địa bàn hoạt động của quỹ. Quy định này nhằm bảo đảm nguồn vốn huy động được tập trung phục vụ cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh và đời sống của cộng đồng dân cư tại địa phương, đồng thời hạn chế việc mở rộng hoạt động vượt quá năng lực quản trị rủi ro của QTDND.

Theo đó, Điều 24 Thông tư 29/2024/TT-NHNN quy định QTDND chỉ được phép nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam của các thành viên, nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân không phải là thành viên theo quy định của NHNN. Tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên của QTDND tối thiểu bằng 50% tổng mức nhận tiền gửi của QTDND, quy định này phù hợp với đặc thù hoạt động và đối tượng phục vụ chủ yếu là cá nhân, hộ gia đình và các tổ chức kinh tế nhỏ tại địa phương. Về đối tượng gửi tiền, QTDND ưu tiên nhận tiền gửi từ các thành viên của quỹ; việc nhận tiền gửi từ các tổ chức, cá nhân không phải là thành viên chỉ được thực hiện trong phạm vi, tỷ lệ an toàn do Thống đốc NHNN quy định, hiện được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư số 29/2024/TT-NHNN. Cách thức quy định này nhằm bảo đảm tính “tương trợ nội bộ” trong hoạt động của QTDND.

Bên gửi tiền

Bên gửi tiền trong quan hệ nhận tiền gửi tại QTDND được hiểu là cá nhân, hộ gia đình hoặc pháp nhân có quyền gửi tiền vào QTDND nhằm các mục đích nhất định, như hưởng lãi suất hoặc sử dụng các dịch vụ thanh toán theo phạm vi hoạt động được phép. Khi gửi tiền vào QTDND, người gửi tiền xác lập quan hệ pháp lý dân sự – tín dụng với QTDND và trở thành chủ nợ của QTDND đối với khoản tiền đã gửi. Với tư cách là chủ nợ, người gửi tiền có quyền yêu cầu QTDND hoàn trả đầy đủ số tiền gốc đã gửi cùng khoản lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận và quy định của pháp luật. Người gửi tiền là chủ thể trực tiếp thực hiện các giao dịch liên quan đến tiền gửi tại QTDND, bao gồm tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm. Người gửi tiền có thể là chủ sở hữu tiền gửi, đồng chủ sở hữu tiền gửi, hoặc người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu tiền gửi trong trường hợp chủ sở hữu tiền gửi không đủ năng lực hành vi dân sự để trực tiếp thực hiện giao dịch gửi tiền theo quy định của pháp luật.

Thứ nhất, bên gửi tiền là thành viên của QTDND. Thành viên là chủ thể gửi tiền đặc thù, vừa là khách hàng vừa là người đồng sở hữu Quỹ. Theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 29/2024/TT-NHNN, điều kiện để xác lập tư cách bên gửi tiền là thành viên được quy định cụ thể như sau:

Cá nhân: Phải là công dân Việt Nam, từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của BLDS 2015. Đặc biệt, cá nhân phải có đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú trên địa bàn hoạt động của QTDND.

Hộ gia đình: Các thành viên trong hộ gia đình phải cử một người đại diện đủ điều kiện theo pháp luật để thực hiện các giao dịch gửi tiền và ký kết các văn bản liên quan.

Pháp nhân: Phải có trụ sở chính đặt tại địa bàn hoạt động của QTDND và không đang trong quá trình giải thể, phá sản.

Thứ hai, bên gửi tiền là tổ chức, cá nhân không phải là thành viên. Để tăng cường tính thanh khoản, đa dạng hóa nguồn vốn và đáp ứng nhu cầu tài chính ngày càng cao tại địa phương, pháp luật cho phép QTDND mở rộng phạm vi chủ thể gửi tiền sang nhóm khách hàng không phải là thành viên. Tuy nhiên, nhóm chủ thể này bị ràng buộc bởi các điều kiện pháp lý chặt chẽ để không làm thay đổi bản chất của tổ chức tín dụng hợp tác. Hoạt động nhận tiền gửi từ đối tượng không phải thành viên được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 24 Thông tư số 29/2024/TT-NHNN về hoạt động của QTDND. Theo đó, QTDND được nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân khác không phải là thành viên theo phạm vi, điều kiện và tỷ lệ nhận tiền gửi do NHNN Việt Nam quy định nhằm bảo đảm an toàn hệ thống.

Bên gửi tiền tại QTDND phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về tư cách chủ thể trong giao dịch dân sự và giao dịch ngân hàng nhằm bảo đảm tính hợp pháp và hiệu lực của hợp đồng tiền gửi. Các điều kiện này được điều chỉnh bởi Chương III Bộ luật Dân sự năm 2015 và các quy định chuyên ngành tại Thông tư số 48/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của NHNN Việt Nam về tiền gửi tiết kiệm. Về năng lực hành vi dân sự, người gửi tiền là cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, được tự mình xác lập và thực hiện giao dịch gửi tiền. Cá nhân từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi, nếu có tài sản riêng, được phép tự mình thực hiện giao dịch gửi tiền. Đối

với người chưa đủ 15 tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự hoặc người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, việc gửi tiền phải được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật. Những quy định này là phù hợp với Bộ luật Dân sự năm 2015 khi cho phép cá nhân từ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi được thực thi các quyền năng của quyền sở hữu tài sản.

1.2.2.2. Quy định về các hình thức nhận tiền gửi

Theo quy định khoản 1 Điều 24 Thông tư số 29/2024/TT-NHNN của NHNN Việt Nam cho phép QTDND nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm. Căn cứ vào các hình thức gửi tiền mà QTDND phải hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi tiền theo thỏa thuận.

Quy định về hình thức tiền gửi tiết kiệm

Hoạt động nhận tiền gửi tiết kiệm tại Quỹ tín dụng nhân dân được thực hiện dưới các hình thức tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, trong đó thời hạn gửi tiền cụ thể do QTDND xác định phù hợp với đặc thù hoạt động và nhu cầu của thành viên, người gửi tiền. Ngoài việc phân loại theo thời hạn gửi tiền, QTDND còn có thể áp dụng các tiêu chí phân loại khác đối với tiền gửi tiết kiệm trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và phạm vi cho phép của NHNN.

NHNN yêu cầu QTDND ban hành quy định nội bộ cụ thể đối với từng hình thức tiền gửi tiết kiệm, bảo đảm phù hợp với Thông tư số 48/2018/TT-NHNN và các quy định pháp luật có liên quan, đồng thời đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn tài sản của người gửi tiền và an toàn trong hoạt động của Quỹ. Theo đó, quy định về hình thức tiền gửi tiết kiệm tại QTDND phải bao gồm tối thiểu các nội dung như: phương thức trả lãi, phương pháp tính lãi, cơ chế kéo dài thời hạn gửi tiền, điều kiện và hậu quả pháp lý của việc rút tiền gửi tiết kiệm trước hạn, cũng như các trường hợp người gửi tiền phải thông báo trước khi thực hiện rút tiền trước hạn.

Nhằm tạo thuận lợi cho người gửi tiền, Điều 8 Thông tư số 48/2018/TT-NHNN quy định về địa điểm nhận và chi trả tiền gửi tiết kiệm tại QTDND. Theo đó, QTDND thực hiện việc nhận và chi trả tiền gửi tiết kiệm tại các địa điểm giao dịch hợp pháp thuộc mạng lưới hoạt động của Quỹ, trừ trường hợp việc nhận và chi trả được thực hiện thông qua phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật. Đối với mỗi thẻ tiết

kiệm, QTDND có thể thực hiện nhận và chi trả tiền gửi tiết kiệm tại địa điểm giao dịch nơi phát hành thẻ hoặc tại các địa điểm giao dịch khác trong mạng lưới hoạt động của Quỹ. Trường hợp QTDND tổ chức nhận và chi trả tiền gửi tiết kiệm tại nhiều địa điểm giao dịch, Quỹ có trách nhiệm bảo đảm việc thực hiện giao dịch chính xác, an toàn tài sản cho người gửi tiền và bảo đảm an toàn trong hoạt động của mình.

Pháp luật Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi cho người dân gửi tiền tiết kiệm thông qua các phương thức thanh toán phù hợp với đặc thù hoạt động của QTDND. Theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 48/2018/TT-NHNN, đồng tiền nhận và chi trả tiền gửi tiết kiệm tại QTDND là đồng Việt Nam. Người gửi tiền và QTDND có thể thỏa thuận việc chi trả tiền gốc và lãi trực tiếp hoặc thông qua tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của chính người gửi tiền mở tại Quỹ.

Để bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch và tuân thủ quy định về điều kiện giao dịch chung theo Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 21 Thông tư số 48/2018/TT-NHNN quy định QTDND có trách nhiệm niêm yết công khai tại địa điểm giao dịch hợp pháp các nội dung cơ bản liên quan đến tiền gửi tiết kiệm. Các nội dung niêm yết tối thiểu bao gồm: mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm và các khoản phí (nếu có); thủ tục giao dịch giữa QTDND và người gửi tiền; quy định cụ thể đối với từng hình thức tiền gửi tiết kiệm; phương thức để người gửi tiền tra cứu thông tin khoản tiền gửi; cũng như cách thức xử lý trong trường hợp thẻ tiết kiệm bị rách, hư hỏng hoặc mất.

Quy định về hình thức tiền gửi có kỳ hạn

Theo quy định tại Thông tư số 49/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của NHNN Việt Nam về tiền gửi có kỳ hạn, Điều 5 đã xác lập các nguyên tắc thực hiện giao dịch tiền gửi có kỳ hạn, được áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, trong đó có QTDND, cụ thể như sau:

Thứ nhất, QTDND chỉ được nhận tiền gửi có kỳ hạn trong phạm vi hoạt động được phép, phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung ghi nhận tại Giấy phép thành lập và hoạt động do NHNN cấp.

Thứ hai, việc gửi tiền và chi trả tiền gửi có kỳ hạn phải được thực hiện thông qua tài khoản thanh toán của chính khách hàng tại QTDND. Quy định này thể hiện

sự khác biệt cơ bản giữa tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm, qua đó tăng cường tính minh bạch và khả năng kiểm soát dòng tiền trong hoạt động huy động vốn của QTDND.

Thứ ba, khách hàng thực hiện giao dịch gửi tiền, nhận chi trả tiền gửi có kỳ hạn trực tiếp hoặc thông qua người đại diện hợp pháp, theo hướng dẫn của QTDND và phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp khách hàng là người chưa đủ 18 tuổi, người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì việc gửi và nhận chi trả tiền gửi có kỳ hạn phải được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật; đối với người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của pháp luật dân sự, việc gửi và nhận chi trả tiền gửi có kỳ hạn được thực hiện thông qua người giám hộ. Các chủ thể này được gọi chung là người đại diện theo pháp luật.

Thứ tư, đối với tiền gửi chung có kỳ hạn, việc gửi và chi trả tiền gửi được thực hiện thông qua tài khoản thanh toán chung của tất cả các chủ thể gửi tiền. Đồng thời, pháp luật không cho phép người cư trú và người không cư trú cùng gửi tiền gửi chung có kỳ hạn, cũng như không cho phép tổ chức và cá nhân gửi tiền gửi chung có kỳ hạn bằng ngoại tệ tại QTDND.

Thứ năm, đồng tiền chi trả tiền gốc và lãi của khoản tiền gửi có kỳ hạn phải là đồng tiền mà khách hàng đã sử dụng để gửi tiền, bảo đảm nguyên tắc thống nhất về loại tiền trong giao dịch tiền gửi.

Liên quan đến việc thay đổi thời hạn gửi tiền, do tiền gửi có kỳ hạn được xác lập trên cơ sở thỏa thuận có thời hạn xác định, nên khả năng thay đổi thời hạn gửi tiền bị pháp luật giới hạn chặt chẽ. Theo Điều 9 Thông tư số 49/2018/TT-NHNN, việc kéo dài thời hạn gửi tiền chỉ được thực hiện vào ngày đến hạn của khoản tiền gửi có kỳ hạn và phải phù hợp với nội dung thỏa thuận giữa QTDND và khách hàng.

1.2.2.3. Quy định về lãi suất tiền gửi

Lãi suất tiền gửi luôn là nội dung điều chỉnh mang tính “nhạy cảm” trong các giao dịch huy động vốn thông qua nhận tiền gửi của các tổ chức tín dụng, trong đó có QTDND. Bởi lẽ, lãi suất vừa là chi phí vốn mà QTDND phải chi trả để huy động nguồn tiền nhàn rỗi từ thành viên và khách hàng, vừa là lợi ích kinh tế trực tiếp mà người gửi tiền được hưởng. Đồng thời, chính sách lãi suất tiền gửi còn chịu sự tác

động mạnh mẽ của bối cảnh kinh tế – tiền tệ trong từng thời kỳ và luôn nằm trong phạm vi điều hành, kiểm soát và giám sát chặt chẽ của NHNN Việt Nam nhằm bảo đảm an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng.

Hiện nay, phương pháp tính lãi tiền gửi được Thống đốc NHNN quy định thống nhất tại Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/09/2017. Theo đó, kỳ hạn tính lãi có thể được xác định theo ngày, tuần, tháng hoặc năm, tùy thuộc vào thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng, phù hợp với đặc điểm của từng loại tiền gửi.

Đối với khoản tiền gửi có thời hạn từ một ngày trở lên, bao gồm cả tiền gửi được nhận tại QTDND, tổ chức tín dụng được thỏa thuận với khách hàng về thời hạn tính lãi và thời điểm xác định số dư để tính lãi theo một trong hai phương thức: (i) thời hạn tính lãi được xác định từ ngày liền kề sau ngày nhận tiền gửi đến hết ngày thanh toán khoản tiền gửi, với số dư tính lãi được xác định vào đầu mỗi ngày; hoặc (ii) thời hạn tính lãi được xác định từ ngày nhận tiền gửi đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán, với số dư tính lãi được xác định vào cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.

Đối với khoản tiền gửi có thời gian từ khi nhận tiền đến khi thanh toán dưới một ngày, QTDND và khách hàng được thỏa thuận về thời hạn tính lãi, nhưng thời hạn này không được vượt quá một ngày, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc quản lý lãi suất theo quy định của NHNN.

Ngoài yếu tố về thời hạn tính lãi, căn cứ tính lãi tiền gửi còn bao gồm số dư thực tế của khoản tiền gửi và mức lãi suất áp dụng. Số dư thực tế là số dư tiền gửi tại thời điểm xác định để tính lãi, bao gồm cả số dư lãi chậm trả nếu có mà QTDND còn nghĩa vụ thanh toán cho người gửi tiền. Lãi suất được quy định theo phần trăm tỷ lệ (%/năm), do đó, công thức tính lãi tiền gửi được NHNN hướng dẫn thống nhất:

- Số tiền lãi của một ngày được tính toán như sau ^[1]:

[1] Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng, Điều 5.

$$\text{Số tiền lãi ngày} = \frac{\text{Số dư thực tế} \times \text{Lãi suất tính lãi}}{365}$$

Số tiền lãi của kỳ tính lãi bằng tổng số tiền lãi được tính cho từng ngày trong suốt kỳ tính lãi.

- Đối với các khoản tiền gửi hoặc cấp tín dụng có thời gian duy trì số dư thực tế từ trên một (01) ngày trong kỳ tính lãi được áp dụng công thức rút gọn để xác định số tiền lãi phải trả.

$$\text{Số tiền lãi} = \frac{\sum (\text{Số dư thực tế} \times \text{số ngày duy trì số dư thực tế} \times \text{Lãi suất tính lãi})}{365}$$

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, Thông tư số 14/2017/TT-NHNN quy định nghĩa vụ minh bạch thông tin. Theo đó, trong thỏa thuận nhận tiền gửi giữa QTDND và khách hàng phải ghi rõ phương pháp tính lãi và mức lãi suất áp dụng; trường hợp áp dụng lãi suất điều chỉnh thì phải quy định cụ thể nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất điều chỉnh, đồng thời QTDND có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho khách hàng tại thời điểm điều chỉnh lãi suất. Đối với các khoản tiền gửi có thỏa thuận phương pháp tính lãi khác với phương pháp quy định tại Thông tư, QTDND vẫn phải quy đổi và ghi rõ mức lãi suất năm tương ứng để bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền.

Hầu hết các giao dịch tiền gửi tại QTDND, được thực hiện trên cơ sở điều kiện giao dịch chung hoặc hợp đồng theo mẫu. Vì vậy, Thông tư số 14/2017/TT-NHNN đặt ra yêu cầu bắt buộc trong việc minh bạch hóa thông tin liên quan đến hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung theo quy định của pháp luật về nhận tiền gửi và cấp tín dụng. Theo đó, QTDND phải niêm yết công khai tại trụ sở giao dịch và đăng tải trên trang thông tin điện tử (nếu có) các nội dung liên quan đến phương pháp tính lãi.

Bên cạnh đó, trước khi xác lập và thực hiện giao dịch, QTDND có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, rõ ràng thông tin cho khách hàng về phương pháp tính lãi và mức lãi suất áp dụng. Trường hợp có thỏa thuận áp dụng lãi suất điều chỉnh, thông tin cung cấp cho khách hàng phải bao gồm nguyên tắc và các yếu tố làm căn cứ xác định lãi

suất điều chỉnh; đồng thời, tại thời điểm điều chỉnh lãi suất, QTDND phải thông báo bằng văn bản cho khách hàng về mức lãi suất cụ thể được điều chỉnh. Trong các trường hợp pháp luật có quy định, QTDND còn phải có xác nhận của khách hàng về việc đã được cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến lãi suất và phương pháp tính lãi.

1.2.2.4. Quy định về các biện pháp bảo đảm an toàn trong hoạt động nhận tiền gửi

Trong nền kinh tế thị trường, rủi ro trong hoạt động kinh doanh của QTDND là vấn đề khó tránh khỏi. Nếu không có cơ chế phòng ngừa rủi ro hiệu quả, được triển khai đồng bộ thông qua nỗ lực tự thân của QTDND kết hợp với các biện pháp quản lý, giám sát ở tầm vĩ mô của Nhà nước, thì những tổn thất phát sinh đối với người gửi tiền cũng như đối với chính QTDND có thể xảy ra và khó lường, đe dọa đến sự an toàn và ổn định của hệ thống tín dụng.

Về tổng thể, các quy định pháp luật hiện hành hình thành một cơ chế bảo vệ nhiều tầng, có thể khái quát thành ba nhóm biện pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, giới hạn phạm vi và đối tượng nhận tiền gửi. Để bảo đảm QTDND hoạt động đúng bản chất là tổ chức tín dụng hợp tác, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và các văn bản hướng dẫn đã đặt ra những giới hạn chặt chẽ đối với cơ cấu nguồn vốn huy động, đặc biệt là mối quan hệ giữa tiền gửi của thành viên và tiền gửi của đối tượng ngoài thành viên. Cụ thể ^[2]:

- QTDND hoạt động trên địa bàn một xã, phường, thị trấn phải bảo đảm tiền gửi của thành viên chiếm tối thiểu 50% tổng nguồn vốn huy động;
- QTDND hoạt động trên địa bàn liên xã phải bảo đảm tiền gửi của thành viên chiếm tối thiểu 60%;
- Đối với QTDND có quy mô lớn (tổng tài sản từ 500 tỷ đồng trở lên), tỷ lệ tiền gửi của thành viên phải đạt tối thiểu 70%.

[2] Thông tư số 29/2024/TT-NHNN ngày 28/06/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về quỹ tín dụng nhân dân, Điều 24.

Quy định này có ý nghĩa quan trọng trong việc hạn chế xu hướng chạy đua lãi suất để huy động vốn từ bên ngoài, vốn là nguyên nhân phổ biến dẫn đến mất cân đối nguồn vốn và rủi ro thanh khoản. Đồng thời, việc tập trung vào nguồn vốn từ thành viên góp phần củng cố tính gắn kết nội bộ và trách nhiệm tương hỗ – nền tảng cốt lõi của mô hình QTDND.

Thứ hai, các tỷ lệ bảo đảm an toàn tài chính. Pháp luật cũng đặt ra hệ thống các tỷ lệ an toàn tài chính nhằm kiểm soát rủi ro trong hoạt động của QTDND. Trong đó, đáng chú ý là tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu được quy định ở mức 8%. Mặc dù thấp hơn mức áp dụng đối với ngân hàng thương mại, song đây được xem là phù hợp với đặc điểm vốn điều lệ nhỏ, phạm vi hoạt động hạn chế và mức độ rủi ro thấp hơn của QTDND. Kiểm soát cơ cấu nguồn vốn, đặc biệt là lộ trình giảm tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn xuống mức 40%, nhằm hạn chế tình trạng “lấy ngắn nuôi dài” – nguyên nhân chủ yếu dẫn đến đổ vỡ thanh khoản tại nhiều tổ chức tín dụng quy mô nhỏ trong thực tiễn. Các quy định này không chỉ góp phần bảo đảm an toàn cho bản thân QTDND mà còn gián tiếp bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền thông qua việc nâng cao khả năng chi trả và ổn định tài chính của quỹ.

Thứ ba, sự hoàn thiện cơ chế bảo vệ người gửi tiền thông qua Luật Bảo hiểm tiền gửi. Một trong những bước tiến quan trọng trong việc bảo đảm an toàn hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND là sự sửa đổi, bổ sung Luật Bảo hiểm tiền gửi 2025 có hiệu lực từ ngày 01/05/2026. So với Luật Bảo hiểm tiền gửi năm 2012, các quy định mới thể hiện sự thay đổi đáng kể về tư duy bảo vệ người gửi tiền, đặc biệt trong bối cảnh xử lý các QTDND yếu kém.

Theo Luật BHTG năm 2012, việc chi trả tiền bảo hiểm chỉ được thực hiện sau khi tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản hoặc mất khả năng chi trả sau khi kết thúc giai đoạn kiểm soát đặc biệt. Trên thực tế, quá trình này có thể kéo dài từ 5 đến 7 năm, khiến tiền gửi của người dân bị phong tỏa trong thời gian dài, gây khó khăn nghiêm trọng cho các hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ – đối tượng chủ yếu của QTDND.

Luật BHTG sửa đổi năm 2024 đã khắc phục bất cập này thông qua việc cho phép chi trả tiền bảo hiểm sớm, ngay trong giai đoạn tổ chức tín dụng đang bị đặt vào

tình trạng kiểm soát đặc biệt, nếu xét thấy cần thiết. Quy định này giúp người gửi tiền nhanh chóng tiếp cận nguồn vốn tối thiểu để ổn định đời sống và hoạt động sản xuất, thay vì phải chờ đến khi kết thúc toàn bộ quá trình xử lý tổ chức tín dụng.

Bên cạnh đó, Luật mới tiếp tục duy trì hạn mức chi trả 125 triệu đồng/người/tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, đồng thời bổ sung cơ chế xem xét điều chỉnh linh hoạt hạn mức này phù hợp với biến động kinh tế – xã hội, qua đó bảo đảm giá trị thực tế của khoản tiền bảo hiểm trước tác động của lạm phát. Vai trò của tổ chức bảo hiểm tiền gửi cũng được mở rộng, từ vị trí “chi trả sau cùng” sang tham gia tích cực vào các giai đoạn can thiệp sớm và kiểm soát đặc biệt, góp phần phát hiện và xử lý rủi ro ngay từ giai đoạn đầu.

Có thể thấy với hạn mức chi trả hiện hành, bảo hiểm tiền gửi đã bao phủ phần lớn số lượng người gửi tiền tại các QTDND. Tuy nhiên, trong thời gian dài, việc phong tỏa tiền gửi kéo dài trong quá trình xử lý các QTDND yếu kém vẫn là “điểm nghẽn” lớn nhất về mặt tâm lý đối với người gửi tiền. Việc Luật BHTG 2025 cho phép chi trả tiền bảo hiểm ngay trong giai đoạn kiểm soát đặc biệt được xem là một bước chuyển quan trọng trong tư duy lập pháp, từ cách tiếp cận “bồi thường khi rủi ro đã xảy ra” sang “hỗ trợ sớm để ổn định xã hội và thị trường”. Quy định này có ý nghĩa đặc biệt đối với các hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ – đối tượng phụ thuộc lớn vào nguồn vốn gửi tại QTDND, qua đó góp phần củng cố niềm tin vào hệ thống tín dụng hợp tác ở Việt Nam.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Chương 1 của đề án đã hệ thống hóa và làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về hoạt động nhận tiền gửi cũng như pháp luật điều chỉnh hoạt động này tại QTDND. Trên cơ sở phân tích lịch sử hình thành, bản chất pháp lý và các đặc điểm riêng của mô hình QTDND, có thể khẳng định rằng hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND là một loại hình tín dụng thụ động mang tính đặc thù, vừa mang bản chất của hoạt động kinh doanh tiền tệ, vừa gắn với mục tiêu tương trợ cộng đồng và liên kết các thành viên trên cùng địa bàn.

Nghiên cứu cũng cho thấy pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND giữ vai trò như một “lưới an toàn” đa tầng, không chỉ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền – nhóm chủ thể dễ bị tổn thương trong bối cảnh kinh tế nông thôn – mà còn góp phần bảo đảm sự ổn định và an toàn của hệ thống tài chính tại địa phương. Thông qua các quy định về điều kiện chủ thể, hình thức nhận tiền gửi, lãi suất, BHTG và cơ chế giám sát, Nhà nước đã thiết lập khuôn khổ pháp lý cần thiết để kiểm soát rủi ro phát sinh trong hoạt động huy động vốn của QTDND.

Đặc biệt, với việc ban hành Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, hành lang pháp lý đối với hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND tiếp tục được hoàn thiện theo hướng minh bạch và chặt chẽ hơn. Các quy định mới về quản trị, hạn chế sở hữu chéo, minh bạch thông tin và cơ chế can thiệp sớm đã góp phần quan trọng trong việc phòng ngừa rủi ro đạo đức, nâng cao năng lực quản trị và bảo vệ quyền lợi người gửi tiền ngay từ giai đoạn sớm.

Những vấn đề lý luận được trình bày trong Chương 1 là cơ sở khoa học và là “thước đo” để tác giả tiếp tục phân tích, đánh giá thực trạng thực thi pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại các QTDND trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong Chương 2, qua đó làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế còn tồn tại và các nguyên nhân cần được nhận diện để đề xuất giải pháp hoàn thiện ở các chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG NHẬN TIỀN GỬI TẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN, TỪ THỰC TIỄN TỈNH LÂM ĐỒNG

2.1. Ưu điểm và hạn chế của pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi của Quỹ tín dụng nhân dân

2.1.1. Về ưu điểm

Thứ nhất, tạo lập hành lang pháp lý vững chắc và đồng bộ cho hoạt động nhận tiền gửi của QTDND. Việc ban hành Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 cùng với Luật Hợp tác xã năm 2023 đã đánh dấu bước hoàn thiện quan trọng trong việc xây dựng khung pháp lý điều chỉnh hoạt động của QTDND. Hai đạo luật này đã góp phần làm rõ và thống nhất cách tiếp cận đối với bản chất pháp lý, mô hình tổ chức cũng như phạm vi hoạt động của QTDND trong hệ thống các tổ chức tín dụng tại Việt Nam. Theo đó, QTDND được xác định là một loại hình tổ chức tín dụng hợp tác, hoạt động trên cơ sở tương trợ giữa các thành viên, đồng thời chịu sự quản lý, giám sát chặt chẽ của Nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ – ngân hàng.

Đặc biệt, hoạt động nhận tiền gửi của QTDND không còn bị nhìn nhận đơn thuần như một quan hệ vay mượn dân sự mang tính tự phát trong cộng đồng, mà đã được pháp điển hóa rõ ràng như một dịch vụ ngân hàng với đầy đủ các yêu cầu về điều kiện hoạt động, an toàn vốn và quản trị rủi ro. Sự thay đổi này có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao vị thế pháp lý của QTDND, tạo cơ sở để các quỹ hoạt động minh bạch, chuyên nghiệp hơn, đồng thời hạn chế các cách hiểu và áp dụng pháp luật khác nhau trong thực tiễn. Nhờ đó, QTDND có thể chủ động hơn trong việc xây dựng chiến lược huy động vốn, mở rộng hoạt động trên địa bàn được phép, nhưng vẫn bảo đảm tuân thủ đúng bản chất của tổ chức tín dụng hợp tác.

Thứ hai, tăng cường bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền tại địa phương. Một trong những ưu điểm nổi bật của pháp luật hiện hành về nhận tiền gửi tại QTDND là việc thiết lập các cơ chế bảo vệ người gửi tiền tương đối toàn diện. Các quy định về BHTG kết hợp với Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống QTDND đã hình thành một cơ chế bảo vệ nhiều tầng, qua đó góp phần hạn chế rủi ro và tổn thất cho

người gửi tiền trong trường hợp QTDND gặp khó khăn về tài chính hoặc mất khả năng chi trả.

Cơ chế này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hoạt động của QTDND chủ yếu gắn với khu vực nông thôn, vùng sản xuất nông nghiệp và các địa bàn kinh tế còn nhiều khó khăn như tỉnh Lâm Đồng. Tại đây, người gửi tiền phần lớn là cá nhân, hộ gia đình, tiểu thương hoặc các chủ thể sản xuất nhỏ, có mức độ hiểu biết tài chính và khả năng tự bảo vệ quyền lợi còn hạn chế. Việc pháp luật thiết lập cơ chế BHTG bắt buộc không chỉ giúp giảm thiểu rủi ro cho người gửi tiền mà còn góp phần củng cố niềm tin của người dân đối với hệ thống QTDND nói riêng và hệ thống ngân hàng nói chung.

Thông qua các cơ chế này, Nhà nước thể hiện vai trò bảo vệ người gửi tiền – chủ thể yếu thế trong quan hệ với tổ chức tín dụng – đồng thời góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống tài chính – tiền tệ. Trên thực tế, niềm tin của người gửi tiền chính là yếu tố then chốt quyết định sự tồn tại và phát triển bền vững của QTDND tại địa phương.

Thứ ba, thiết lập cơ chế huy động vốn linh hoạt nhưng vẫn bảo đảm an toàn hệ thống. Pháp luật hiện hành cho phép QTDND huy động vốn không chỉ từ thành viên mà còn từ khách hàng theo những điều kiện, giới hạn nhất định. Quy định này tạo điều kiện cho QTDND tận dụng hiệu quả nguồn vốn nhàn rỗi trong cộng đồng dân cư địa phương, qua đó tăng cường khả năng cung ứng vốn cho sản xuất, kinh doanh và đời sống của thành viên cũng như người dân trên địa bàn. Đây là điểm khác biệt quan trọng của QTDND so với các tổ chức tín dụng thương mại, thể hiện rõ vai trò “ngân hàng của cộng đồng”.

Tuy nhiên, để tránh nguy cơ QTDND bị thương mại hóa quá mức, pháp luật đã đặt ra các giới hạn về tỷ lệ tiền gửi từ thành viên trong tổng nguồn vốn huy động. Các giới hạn này không chỉ nhằm bảo đảm QTDND duy trì đúng bản chất hợp tác, mà còn góp phần kiểm soát rủi ro, phù hợp với năng lực quản trị và quy mô hoạt động của từng quỹ. Cơ chế này giúp tạo ra sự cân bằng giữa yêu cầu mở rộng hoạt động huy động vốn và yêu cầu bảo đảm an toàn, ổn định cho hệ thống QTDND.

Trên thực tế, việc thiết lập các giới hạn pháp lý như vậy là cần thiết, nhất là trong bối cảnh một số QTDND có xu hướng mở rộng quy mô nhanh, trong khi năng lực quản trị, kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro còn hạn chế. Nhờ đó, pháp luật không chỉ tạo điều kiện cho QTDND phát triển, mà còn định hướng sự phát triển đó theo hướng bền vững và an toàn.

Thứ tư, từng bước cập nhật và thích ứng với xu hướng công nghệ trong hoạt động nhận tiền gửi. Các quy định mới về việc nhận tiền gửi thông qua phương tiện điện tử và tài khoản thanh toán được ghi nhận tại Thông tư số 29/2024/TT-NHNN đã mở ra cơ hội để QTDND từng bước tiếp cận và ứng dụng công nghệ trong hoạt động ngân hàng. Đây là bước tiến quan trọng trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Việc ứng dụng công nghệ không chỉ giúp QTDND giảm thiểu chi phí giao dịch, nâng cao hiệu quả quản lý, mà còn hạn chế sai sót do yếu tố con người, tăng cường tính minh bạch và an toàn trong hoạt động nhận tiền gửi. Đồng thời, các dịch vụ ngân hàng điện tử còn giúp người dân, đặc biệt là ở các địa bàn xa trung tâm, vùng sâu, vùng xa, có thể tiếp cận dịch vụ tài chính thuận lợi hơn mà không phải phụ thuộc hoàn toàn vào giao dịch trực tiếp tại trụ sở quỹ.

Trong dài hạn, việc cập nhật và thích ứng với xu hướng công nghệ sẽ là nền tảng quan trọng để QTDND nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện chất lượng dịch vụ và phát triển bền vững trong điều kiện hội nhập kinh tế và chuyển đổi số ngày càng sâu rộng.

2.1.2. Về hạn chế

Mặc dù hệ thống pháp luật đã có những bước tiến dài, nhưng đối chiếu với thực tiễn hoạt động của các QTDND hiện nay, vẫn còn tồn tại những nút thắt pháp lý gây cản trở hiệu quả nhận tiền gửi:

Thứ nhất, điểm cần hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn về địa bàn hoạt động và điều kiện cư trú của chủ thể gửi tiền. Mặc dù Luật Hợp tác xã năm 2023 và Thông tư số 29/2024/TT-NHNN đã thể hiện tư duy lập pháp theo hướng cởi mở hơn đối với hoạt động của QTDND, song các quy định liên quan đến điều kiện cư trú của thành viên gửi tiền vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Theo đó, việc yêu cầu cá nhân

là thành viên của QTDND phải có đăng ký thường trú hoặc tạm trú hợp pháp trên địa bàn hoạt động của quỹ đã vô hình trung tạo ra một rào cản trong việc mở rộng đối tượng gửi tiền, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế – xã hội hiện nay.

Thực tiễn cho thấy, quá trình dịch chuyển lao động và dân cư diễn ra ngày càng mạnh mẽ, nhất là tại các địa phương có nền kinh tế nông nghiệp kết hợp du lịch và dịch vụ như tỉnh Lâm Đồng. Nhiều cá nhân làm việc, sản xuất, kinh doanh lâu dài tại địa phương, có thu nhập ổn định và nguồn tiền nhàn rỗi đáng kể, đồng thời có nhu cầu gắn bó và đầu tư trở lại cho cộng đồng nơi mình sinh sống, nhưng lại không đáp ứng được điều kiện về hộ khẩu hoặc đăng ký cư trú theo quy định. Trong các trường hợp này, QTDND không thể kết nạp họ làm thành viên, từ đó không được phép nhận tiền gửi của họ với tư cách thành viên – nguồn vốn có tính ổn định cao.

Hệ quả là QTDND buộc phải tiếp cận nhóm đối tượng này dưới hình thức khách hàng không phải là thành viên, trong khi pháp luật lại đặt ra các giới hạn chặt chẽ về tỷ lệ tiền gửi từ đối tượng phi thành viên nhằm bảo đảm bản chất hợp tác của QTDND. Điều này dẫn đến nghịch lý: một mặt, pháp luật khuyến khích QTDND huy động nguồn vốn tại chỗ để phục vụ phát triển kinh tế địa phương; mặt khác, lại hạn chế khả năng tiếp cận nguồn vốn từ những cá nhân thực tế đang sinh sống, lao động và đóng góp cho địa phương nhưng không đủ điều kiện cư trú theo quy định hình thức.

Thứ hai, sự thiếu linh hoạt trong quy định về trần lãi suất huy động vốn. Một trong những hạn chế đáng chú ý của pháp luật hiện hành về hoạt động nhận tiền gửi là việc áp dụng cơ chế trần lãi suất mang tính “cào bằng” giữa QTDND và các ngân hàng thương mại. Trên thực tế, mặc dù cùng là tổ chức tín dụng, nhưng QTDND và ngân hàng thương mại có sự khác biệt căn bản về quy mô vốn, năng lực tài chính, uy tín thương hiệu, mạng lưới hoạt động cũng như hệ sinh thái dịch vụ đi kèm. QTDND chủ yếu hoạt động trên địa bàn hẹp, phục vụ cộng đồng dân cư địa phương, trong khi các ngân hàng thương mại lớn có lợi thế vượt trội về công nghệ, đa dạng sản phẩm, chương trình chăm sóc khách hàng và khả năng phân tán rủi ro.

Trong bối cảnh đó, việc buộc QTDND phải tuân thủ cùng một mức trần lãi suất huy động như các ngân hàng thương mại đã vô hình trung đặt QTDND vào vị

thể cạnh tranh bất lợi. Khi không được phép linh hoạt điều chỉnh lãi suất để bù đắp cho những hạn chế về thương hiệu và dịch vụ gia tăng, QTDND gặp nhiều khó khăn trong việc thu hút và giữ chân người gửi tiền. Đối với người dân, đặc biệt là nhóm khách hàng có khả năng so sánh thông tin, việc lựa chọn gửi tiền tại ngân hàng thương mại lớn – nơi có cùng mức lãi suất nhưng an toàn cảm nhận cao hơn và dịch vụ tiện ích hơn – là xu hướng tất yếu.

Hệ quả là nguồn vốn nhàn rỗi tại địa phương có xu hướng “chảy ngược” từ QTDND về các ngân hàng thương mại, làm suy giảm vai trò trung gian tài chính của QTDND trong việc huy động và tái phân bổ vốn phục vụ phát triển kinh tế địa phương. Điều này đi ngược lại mục tiêu chính sách của Nhà nước khi xây dựng mô hình QTDND như một thiết chế tài chính mang tính hợp tác, tương trợ, góp phần hỗ trợ khu vực nông nghiệp, nông thôn và các đối tượng yếu thế trong tiếp cận tín dụng.

Thứ ba, quy định về nhận tiền gửi trực tuyến (e-Banking) còn nhiều khoảng trống. Trong xu hướng chuyển đổi số của ngành ngân hàng, pháp luật đã từng bước ghi nhận việc cho phép tổ chức tín dụng thực hiện hoạt động nhận tiền gửi thông qua phương tiện điện tử. Tuy nhiên, đối với hệ thống QTDND, các quy định này hiện vẫn mang tính khung, thiếu hướng dẫn cụ thể và chưa thật sự phù hợp với đặc thù của mô hình tín dụng hợp tác. Đặc biệt, các quy định chi tiết về quy trình định danh khách hàng điện tử (eKYC) áp dụng riêng cho QTDND đến nay vẫn chưa được hoàn thiện một cách đầy đủ và đồng bộ.

Trên thực tế, việc triển khai eKYC, chữ ký số, bảo mật dữ liệu và giao dịch điện tử đòi hỏi QTDND phải đầu tư đáng kể vào hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm chuyên dụng cũng như đội ngũ nhân sự có trình độ kỹ thuật cao. Đây là những yêu cầu vượt quá khả năng tài chính và năng lực quản trị của nhiều QTDND, nhất là các quỹ có quy mô nhỏ, hoạt động trên địa bàn nông thôn hoặc vùng sâu, vùng xa. Trong khi đó, các quy định pháp luật hiện hành chưa có cơ chế phân tầng, hỗ trợ hoặc lộ trình áp dụng phù hợp cho từng nhóm QTDND theo quy mô và mức độ sẵn sàng về công nghệ. Bên cạnh đó, các yêu cầu nghiêm ngặt về bảo mật thông tin khách hàng và an toàn dữ liệu, dù là cần thiết nhằm phòng ngừa rủi ro và bảo vệ người gửi tiền, nhưng lại làm gia tăng đáng kể chi phí tuân thủ đối với QTDND. Trong điều kiện

nguồn thu hạn chế, việc đáp ứng đồng thời các chuẩn mực kỹ thuật cao và yêu cầu an toàn pháp lý khiến nhiều QTDND rơi vào tình thế “tiến thoái lưỡng nan”: hoặc chấp nhận rủi ro pháp lý khi triển khai công nghệ chưa đầy đủ, hoặc buộc phải tiếp tục duy trì phương thức nhận tiền gửi truyền thống.

Hệ quả là, các quy định pháp luật về hiện đại hóa hoạt động nhận tiền gửi, dù mang ý nghĩa tiến bộ, lại trở nên “xa vời” đối với phần lớn QTDND. Việc phụ thuộc vào giao dịch trực tiếp tại quầy không chỉ làm gia tăng chi phí vận hành và thời gian giao dịch, mà còn hạn chế khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính của người dân, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu giao dịch không dùng tiền mặt ngày càng gia tăng. Do đó, nếu không sớm hoàn thiện khung pháp lý và có chính sách hỗ trợ phù hợp, mục tiêu chuyển đổi số trong hoạt động nhận tiền gửi của QTDND sẽ khó đạt được hiệu quả thực chất.

Thứ tư, hạn chế trong cơ chế xử lý tiền gửi tại các quỹ yếu kém hoặc bị đặt vào kiểm soát đặc biệt. Pháp luật hiện hành, đặc biệt là Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và Luật Phá sản năm 2014, thiết lập một lộ trình xử lý pháp nhân QTDND qua nhiều giai đoạn như kiểm soát đặc biệt, phục hồi, giải thể hoặc phá sản. Tuy nhiên, trên thực tế, việc triển khai các phương án phục hồi thường gặp nhiều khó khăn do hạn chế về nguồn lực tài chính, năng lực quản trị yếu và đặc biệt là khó tìm được pháp nhân đủ điều kiện tiếp nhận hoặc sáp nhập. Hệ quả là quá trình xử lý có thể kéo dài nhiều năm, trong khi quyền lợi của người gửi tiền bị ảnh hưởng nghiêm trọng do tiền gửi bị “đóng băng” hoặc chỉ được chi trả từng phần nhỏ, gây bức xúc xã hội và làm mất đi cơ hội sử dụng vốn cho sản xuất, kinh doanh.

Về hạn mức chi trả BHTG hiện hành chưa đáp ứng yêu cầu bảo vệ thực chất người gửi tiền tại QTDND. Với mức chi trả tối đa 125.000.000 đồng theo Quyết định số 32/2021/QĐ-TTg, BHTG chỉ có ý nghĩa tương đối đối với các khoản tiền gửi nhỏ. Trong khi đó, tại các địa bàn kinh tế nông nghiệp trọng điểm như tỉnh Lâm Đồng, nhiều thành viên QTDND gửi số tiền lớn để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh quy mô hộ gia đình hoặc trang trại. Khi QTDND gặp sự cố, phần tiền gửi vượt quá hạn mức bảo hiểm phải chờ xử lý thông qua thanh lý tài sản – một quá trình thường kéo dài, phức tạp và có tỷ lệ thu hồi thấp. Điều này hình thành tâm lý e ngại gửi tiền

với số dư lớn vào QTDND, trực tiếp làm suy giảm khả năng huy động vốn trung và dài hạn của hệ thống.

Cơ chế can thiệp sớm tuy đã được ghi nhận trong Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 nhưng vẫn thiếu tính quyết liệt và hiệu quả trong thực tiễn áp dụng. Các tiêu chí định lượng để kích hoạt can thiệp sớm trong nhiều trường hợp chưa đủ nhạy bén để phản ánh kịp thời nguy cơ mất khả năng chi trả. Việc chậm trễ trong đình chỉ hoặc hạn chế hoạt động nhận tiền gửi của các QTDND đã có dấu hiệu suy yếu khiến quy mô tổn thất ngày càng gia tăng, đến khi đổ vỡ thì nguồn lực của Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống và tổ chức BHTG phải gánh chịu áp lực rất lớn.

Tồn tại sự xung đột nhất định giữa bản chất hợp tác xã của QTDND và cơ chế phá sản tổ chức tín dụng. Theo Luật Hợp tác xã, thành viên có nghĩa vụ cùng chia sẻ rủi ro và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của hợp tác xã. Tuy nhiên, trong trường hợp QTDND bị xử lý phá sản theo pháp luật ngân hàng, việc phân định rạch ròi giữa tư cách “người gửi tiền” và “thành viên góp vốn” lại chưa được hướng dẫn cụ thể. Đối với những chủ thể vừa là thành viên, vừa có số dư tiền gửi lớn, pháp luật hiện hành chưa làm rõ thứ tự ưu tiên thanh toán, dẫn đến lúng túng trong thực tiễn xử lý và tiềm ẩn nguy cơ phát sinh tranh chấp.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi của Quỹ tín dụng nhân dân tỉnh Lâm Đồng

2.2.1. Khái quát tình hình hoạt động của hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân tại tỉnh Lâm Đồng

Hệ thống QTDND là một trong những mô hình tổ chức tín dụng hợp tác theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động, hoạt động theo mục tiêu tương trợ giữa các thành viên, phục vụ nhu cầu vốn trong sản xuất – kinh doanh, tiêu dùng và cải thiện đời sống, đặc biệt tại khu vực nông thôn và vùng sâu vùng xa. Mô hình này đã được hình thành và phát triển tại nhiều địa phương, trong đó có khu vực tỉnh Lâm Đồng – khu vực trọng yếu của vùng kinh tế nông nghiệp, du lịch biển và tiểu thủ công nghiệp phát triển.

Trong những năm gần đây, hoạt động của hệ thống QTDND ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực, cả về quy mô và chất lượng hoạt động. Theo số liệu báo cáo từ Hội

ng nghị chuyên đề “Mục tiêu hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã” ngày 10/10/2025 của NHNN Việt Nam chi nhánh khu vực 10, tại khu vực tỉnh Lâm Đồng hiện có 53 QTDND đang hoạt động. Hệ thống này tập trung huy động vốn từ thành viên và người dân địa phương, đồng thời cung cấp nguồn vốn tín dụng cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và tiêu dùng. Một trong những điểm nổi bật của QTDND Lâm Đồng là sự gia tăng bền vững về quy mô hoạt động. Qua giám sát của NHNN Việt Nam chi nhánh khu vực 10 và các cơ quan quản lý chuyên ngành, tổng nguồn vốn huy động từ tiền gửi tiết kiệm của hệ thống QTDND khu vực 10 đến 31/07/2025 là 16.437 tỷ đồng, tăng 7,9% so với năm 2024 và tăng 17% so với năm 2023. Trong đó tiền gửi tiết kiệm trong thành viên là 11.680 tỷ đồng, chiếm 71%, tập trung vào tiền gửi tiết kiệm các kỳ hạn từ 6 tháng trở lên là 13.188 tỷ đồng, chiếm 80%. Nhìn chung, huy động vốn từ tiền gửi tiết kiệm tăng trong giai đoạn 2023-2025 cho thấy uy tín của hệ thống QTDND trong việc huy động nguồn tiền nhàn rỗi trong dân cư tăng, giúp các QTDND chủ động nguồn vốn hoạt động, giảm phụ thuộc vào nguồn vốn vay. [3]

Hoạt động huy động vốn và cho vay của QTDND Lâm Đồng chủ yếu tập trung vào các nhu cầu thiết yếu của người dân địa phương, trong đó việc cho vay ngắn hạn phục vụ sản xuất và tiêu dùng chiếm tỷ trọng lớn. Dòng vốn này góp phần quan trọng trong việc kích thích sản xuất kinh doanh, từng bước hạn chế tín dụng nặng lãi, đồng thời góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương. Ngoài ra, nhiều Quỹ đã chủ động nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng đối tượng phục vụ, hoàn thiện quy trình nghiệp vụ và ứng dụng các giải pháp công nghệ để nâng cao hiệu quả hoạt động.

Một điểm đáng chú ý là toàn bộ QTDND tại Lâm Đồng đều đã tham gia hệ thống BHTG, với 100% quỹ là thành viên của hệ thống này. Việc tham gia BHTG không những bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền, mà còn góp phần đảm bảo hoạt động an toàn, ổn định cho hệ thống QTDND trong bối cảnh thị trường tài chính có nhiều biến động. Theo lãnh đạo NHNN chi nhánh Lâm Đồng, sự tham gia này đã góp phần nâng cao lòng tin của người dân, tạo thuận lợi cho công tác huy động

[3] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh khu vực 10 (2025), Báo cáo hội nghị chuyên đề “Mục tiêu hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã”, Khánh Hòa, Trang 3.

vốn tại Quỹ.

Hoạt động QTDND cũng gắn liền với các chương trình an sinh xã hội, phát triển nông nghiệp nông thôn và xóa đói giảm nghèo tại Lâm Đồng. Bằng các sản phẩm tín dụng phục vụ nông nghiệp, thủy nông, chăn nuôi, trồng trọt và tiêu dùng, nguồn vốn từ QTDND đã góp phần cải thiện đời sống cho nhiều hộ gia đình, đặc biệt là ở các vùng nông thôn, vùng sâu. Đây chính là điểm mạnh của mô hình QTDND – vốn gắn gũi với nhu cầu thiết thực của cộng đồng dân cư địa phương. Tuy nhiên, hoạt động của QTDND Lâm Đồng cũng đặt ra những thách thức không nhỏ. Mặc dù tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức tương đối an toàn, nhu cầu quản trị rủi ro, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và ứng dụng công nghệ thông tin vẫn cần được tăng cường để đồng bộ với yêu cầu phát triển mới. Bên cạnh đó, quy mô tài sản, trần vốn và tiềm lực tài chính của nhiều Quỹ còn hạn chế so với các ngân hàng thương mại, dẫn tới thách thức trong việc cạnh tranh nguồn vốn và thu hút khách hàng, nhất là trong bối cảnh thị trường tài chính có nhiều biến động và cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

Hệ thống QTDND tại tỉnh Lâm Đồng đã và đang phát triển theo hướng bền vững, an toàn và đóng góp tích cực cho mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội địa phương. Quy mô huy động vốn và tỷ lệ cho vay hiệu quả phản ánh vai trò quan trọng của mô hình trong việc đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng của người dân, góp phần hạn chế tín dụng đen và hỗ trợ phát triển sản xuất – kinh doanh. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn tồn tại những thách thức về năng lực quản trị rủi ro, tiềm lực tài chính và thích ứng với yêu cầu pháp luật, đòi hỏi các giải pháp hoàn thiện phù hợp trong giai đoạn tiếp theo.

2.2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về chủ thể trong quan hệ nhận tiền gửi

Thực tiễn hoạt động của các QTDND trên địa bàn tỉnh cho thấy, nhóm thành viên vẫn giữ vai trò chủ đạo trong cơ cấu chủ thể gửi tiền. Phần lớn người gửi tiền tại các QTDND đồng thời là thành viên của Quỹ, phản ánh đúng bản chất của mô hình tín dụng hợp tác. Thành phần chủ yếu của nhóm này là các hộ gia đình sản xuất nông nghiệp, đặc biệt trong các lĩnh vực canh tác cây trồng đặc thù của địa phương như thanh long, cà phê, rau hoa công nghệ cao.

Xét về đặc điểm dòng tiền, tiền gửi của nhóm thành viên mang tính mùa vụ rõ nét, gắn chặt với chu kỳ sản xuất nông nghiệp. Sau mỗi vụ thu hoạch, lượng tiền gửi vào QTDND thường gia tăng do người dân phát sinh nguồn thu nhập và có nhu cầu gửi tiết kiệm ngắn hạn nhằm bảo toàn giá trị tài sản, đồng thời chuẩn bị nguồn vốn cho vụ sản xuất tiếp theo. Đặc điểm này vừa tạo điều kiện thuận lợi cho QTDND trong việc huy động nguồn vốn nhàn rỗi tại chỗ, vừa đặt ra yêu cầu cao đối với công tác quản trị thanh khoản, nhất là trong các thời điểm người gửi tiền đồng loạt rút vốn để phục vụ tái đầu tư sản xuất.

Không chỉ dừng lại ở quan hệ tài chính – tín dụng thuần túy, mối quan hệ giữa QTDND và thành viên tại Lâm Đồng còn mang đậm yếu tố cộng đồng và niềm tin xã hội. Phần lớn thành viên là người dân sinh sống lâu năm trên địa bàn, có mối quan hệ quen biết, gắn bó mật thiết với QTDND theo mô hình “người trong xã”, “người trong cộng đồng”. Chính yếu tố này tạo nên mức độ ổn định tương đối trong hành vi gửi tiền, đồng thời trở thành lợi thế đặc thù của QTDND so với các ngân hàng thương mại trong việc duy trì niềm tin của người gửi tiền tại khu vực nông thôn.

Bên cạnh nhóm thành viên, thực tiễn tại các QTDND trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng cho thấy nhóm người gửi tiền không phải là thành viên đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động huy động vốn. Đây là nhóm có mức biến động mạnh về quy mô và tốc độ gia tăng nhanh hơn so với nhóm thành viên. Sự gia tăng này phản ánh nhu cầu gửi tiền ngày càng lớn của các cá nhân, hộ gia đình và các chủ thể có hoạt động sản xuất – kinh doanh thực tế tại địa phương nhưng chưa hoặc không đủ điều kiện trở thành thành viên của QTDND. Đồng thời, tỷ trọng tiền gửi từ nhóm phi thành viên trong cơ cấu nguồn vốn của các QTDND có xu hướng mở rộng, làm thu hẹp dần “địa an toàn” theo quy định của NHNN.

Hệ quả trực tiếp là nhiều QTDND trên địa bàn đứng trước nguy cơ vi phạm tỷ lệ an toàn nếu không kiểm soát chặt chẽ nguồn tiền gửi từ nhóm phi thành viên hoặc không thể chuyển đổi nhóm đối tượng này sang tư cách thành viên. Tuy nhiên, việc chuyển đổi này trên thực tế lại gặp không ít rào cản nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ các quy định về điều kiện cư trú của thành viên QTDND.

Kể từ ngày 01/01/2023, khi sổ hộ khẩu giấy và sổ tạm trú giấy chính thức hết giá trị sử dụng theo quy định của Luật Cư trú năm 2020, các QTDND trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng – thuộc phạm vi quản lý của NHNN Khu vực 10 – đã phải điều chỉnh quy trình xác minh điều kiện cư trú của chủ thể gửi tiền, đặc biệt là đối với các cá nhân có nhu cầu trở thành thành viên của Quỹ. Theo thực tiễn triển khai, thay vì đối chiếu sổ hộ khẩu giấy như trước đây, các QTDND hiện nay sử dụng nhiều công cụ xác minh mới, bao gồm: thiết bị đọc chip trên thẻ căn cước công dân gắn chip; yêu cầu cá nhân cung cấp Giấy xác nhận thông tin về cư trú (Mẫu CT07) do cơ quan công an cấp; hoặc tra cứu, đối chiếu thông tin cư trú được hiển thị trên ứng dụng định danh điện tử quốc gia VNeID. Về mặt pháp lý, các phương thức này phù hợp với định hướng chuyển đổi số trong quản lý dân cư và bảo đảm tính chính xác, thống nhất của dữ liệu. Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng tại Lâm Đồng, đặc biệt là tại các xã vùng sâu, vùng xa như một số địa bàn thuộc huyện Đam Rông, Lạc Dương, Di Linh..., quá trình xác minh điều kiện cư trú gặp không ít khó khăn. Hạ tầng công nghệ thông tin và hệ thống mạng chưa thực sự ổn định khiến việc truy xuất dữ liệu dân cư quốc gia trực tuyến tại quầy giao dịch đôi khi bị gián đoạn.

Bên cạnh đó, nhiều năm gần đây, địa bàn thu hút một lượng lớn cư dân từ các địa phương lân cận như Tây Ninh, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh đến đầu tư trang trại trồng sầu riêng, cà phê, hoa, rau củ quả ôn đới hoặc kinh doanh dịch vụ du lịch. Tuy nhiên, thực tiễn phổ biến tại Lâm Đồng là tình trạng “người ở một nơi, hộ khẩu một nẻo”. Nhiều chủ trang trại, nhà đầu tư tuy sinh sống, canh tác và kinh doanh tại địa phương tới 80–90% thời gian trong năm, nhưng vẫn giữ đăng ký thường trú tại nơi cư trú cũ. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ nhu cầu thuận tiện trong việc học hành của con cái, chăm sóc người thân, hoặc giải quyết các thủ tục hành chính khác tại địa phương gốc. Không ít trường hợp chỉ thực hiện khai báo lưu trú ngắn hạn hoặc không đăng ký tạm trú theo đúng quy định của Luật Cư trú. Theo đó, quy định tại Điều 8 Thông tư số 29/2024/TT-NHNN, cá nhân muốn trở thành thành viên QTDND bắt buộc phải có đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú tại địa bàn hoạt động của Quỹ. Quy định này, dù có mục tiêu bảo đảm tính gắn kết cộng đồng và quản lý rủi ro, nhưng trong bối cảnh dịch chuyển dân cư mạnh mẽ như hiện nay lại bộc lộ sự

cứng nhắc nhất định. Hệ quả là nhiều cá nhân có hoạt động kinh tế thực tế tại địa phương, thậm chí là những “đại gia nông nghiệp” với nguồn tiền nhàn rỗi lên tới vài tỷ hoặc hàng chục tỷ đồng, vẫn không đủ tư cách pháp lý để trở thành thành viên QTDND.

Thực tiễn tại một số QTDND trên địa bàn tỉnh cho thấy áp lực tuân thủ tỷ lệ tiền gửi phi thành viên theo khoản 2 Điều 24 Thông tư 29/2024/TT-NHNN là không nhỏ. Chỉ cần một số khách hàng lớn gửi tiền với tư cách không phải là thành viên cũng có thể làm biến động đáng kể cơ cấu nguồn vốn, đặc biệt đối với các QTDND quy mô nhỏ. Điều này đặt QTDND vào thế khó trong việc vừa giữ chân khách hàng, vừa bảo đảm tuân thủ nghiêm ngặt các giới hạn an toàn theo quy định pháp luật.

Có thể thấy rằng, quy định pháp luật về tỷ trọng tiền gửi của thành viên trong tổng nguồn vốn huy động của QTDND (từ 50% đến 70% tùy quy mô và địa bàn hoạt động) là cần thiết nhằm bảo đảm QTDND vận hành đúng bản chất tương trợ và hạn chế rủi ro hệ thống. Tuy nhiên, trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt với các ngân hàng thương mại tại khu vực nông thôn, quy định này đặt ra thách thức lớn đối với QTDND trong việc cân bằng giữa yêu cầu giữ vững bản chất hợp tác và nhu cầu mở rộng quy mô vốn để đáp ứng hoạt động sản xuất – kinh doanh tại địa phương.

Một bất cập nổi bật khác trong thực tiễn thực hiện pháp luật về chủ thể nhận tiền gửi tại QTDND là sự nhập nhằng giữa tư cách “người gửi tiền” và “thành viên góp vốn”. Theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và Luật Hợp tác xã năm 2023, một cá nhân có thể đồng thời là thành viên góp vốn của QTDND và là khách hàng gửi tiền. Đây là đặc trưng của mô hình tín dụng hợp tác, song cũng chính là nguồn gốc của nhiều tranh chấp pháp lý khi QTDND rơi vào tình trạng khó khăn tài chính.

Thực tế tại Lâm Đồng cho thấy nhiều thành viên chỉ góp mức vốn xác lập tư cách thành viên rất nhỏ (tối thiểu 300.000 đồng), nhưng lại gửi tiết kiệm với số tiền lớn, lên đến hàng trăm triệu hoặc hàng tỷ đồng. Trong điều kiện hoạt động bình thường, sự song hành hai tư cách này không gây ra vấn đề đáng kể. Tuy nhiên, khi QTDND bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo Điều 162 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, câu hỏi về phạm vi trách nhiệm của thành viên trở nên đặc biệt nhạy cảm. Pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể làm rõ liệu người gửi tiền là thành

viên có phải chịu trách nhiệm liên đới đối với các khoản lỗ của quỹ bằng chính số tiền gửi hay không. Sự thiếu vắng quy định chi tiết về thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp người gửi tiền đồng thời là thành viên góp vốn đã gây lúng túng cho các cơ quan quản lý và tiềm ẩn nguy cơ xâm phạm quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền. Đồng thời, điều này cũng làm suy giảm niềm tin của thành viên vào hệ thống QTDND, nhất là trong bối cảnh rủi ro tài chính ngày càng gia tăng.

2.2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật về thủ tục nhận tiền gửi

Thủ tục nhận tiền gửi là quy trình nghiệp vụ trọng yếu, vừa xác lập quyền và nghĩa vụ giữa QTDND và khách hàng, vừa là công cụ quan trọng để đảm bảo an toàn tài chính và phòng chống rủi ro thanh khoản. Tại tỉnh Lâm Đồng, việc thực thi các quy định pháp luật về thủ tục nhận tiền gửi đóng vai trò then chốt trong việc bảo vệ quyền lợi khách hàng, đồng thời là cơ sở để Quỹ vận hành hiệu quả và minh bạch.

Hiện nay, thủ tục nhận tiền gửi tại QTDND được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản pháp luật chặt chẽ. Về quy trình chung, Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định TCTD phải ban hành nội quy, quy định nội bộ về trình tự, thủ tục nhận tiền gửi, bảo đảm minh bạch, an toàn và hiệu quả. Đối với tiền gửi tiết kiệm, Điều 12 Thông tư số 48/2018/TT-NHNN quy định các bước nhận dạng khách hàng, kiểm tra tính hợp pháp của giấy tờ, ký thẻ tiết kiệm và cập nhật hệ thống. Trong khi đó, các quy định về định danh khách hàng, như Luật Phòng, chống rửa tiền 2024 và hướng dẫn e-KYC, đặt ra yêu cầu cao về thu thập thông tin sinh trắc học, đối chiếu dữ liệu CCCD gắn chip để hạn chế rủi ro giả mạo hoặc gian lận.

Thực tiễn triển khai tại các QTDND tỉnh Lâm Đồng cho thấy nhiều chuyển biến tích cực. Hầu hết Quỹ đã chuẩn hóa quy trình giao dịch một cửa, hướng dẫn khách hàng kê khai mẫu đơn và thực hiện nhận dạng trực tiếp qua ảnh chụp gương mặt hoặc dấu vân tay đối với các khoản tiền gửi lớn. Việc áp dụng phần mềm ngân hàng giúp dữ liệu tiền gửi được cập nhật ngay vào hệ thống quản lý tập trung, hạn chế sai sót và rủi ro ghi sổ tay. Một số Quỹ như QTDND Võ Xu, Phú Bình,... đã triển khai thiết bị đọc chip CCCD và QR code, rút ngắn thời gian xác thực xuống 2-3 phút, đảm bảo thông tin trên sổ tiết kiệm khớp với dữ liệu dân cư, từ đó ngăn chặn mạo danh và sử dụng giấy tờ giả. Đồng thời, các bảng hướng dẫn thủ tục, lãi suất và phí

dịch vụ được niêm yết công khai tại sảnh giao dịch, giúp người dân dễ tiếp cận thông tin, đặc biệt tại các vùng nông thôn, miền núi.

Tuy nhiên, quá trình thực thi vẫn bộc lộ nhiều bất cập. Một trong những vấn đề lớn là sự chênh lệch giữa thủ tục rút tiền và quyền sở hữu chung. Khi tất toán tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng hoặc hộ gia đình, pháp luật yêu cầu sự đồng ý của tất cả chủ sở hữu, nhưng thực tế tại các huyện miền núi, người đại diện thường tự đi gửi tiền thay cho cả hộ. Nếu Quỹ tuân thủ nghiêm ngặt, yêu cầu ký tên của tất cả thành viên, khách hàng phản ứng vì thủ tục rườm rà; nếu linh hoạt, Quỹ lại vi phạm quyền định đoạt tài sản chung, dẫn đến khiếu kiện về sau. Thứ hai, nhóm khách hàng người già, người mù chữ hoặc dân tộc thiểu số gặp khó khăn trong việc ký tên. Quy định yêu cầu điểm chỉ hoặc có người làm chứng thường bị hình thức hóa, thậm chí cán bộ Quỹ tự làm chứng để rút ngắn thời gian, dẫn đến rủi ro pháp lý nếu xảy ra tranh chấp. Thứ ba, việc áp dụng giao dịch điện tử và e-KYC theo Thông tư 48/2024/TT-NHNN còn hạn chế tại các QTDND nhỏ do hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ. Một số Quỹ nhận tiền gửi qua chuyển khoản và gửi sổ vật lý qua bưu điện, tạo lỗ hổng trong việc xác thực trực tiếp, dễ dẫn đến gian lận hoặc rủi ro rửa tiền. Nếu tuân thủ cứng nhắc mọi thủ tục, Quỹ có nguy cơ mất khách vào tay ngân hàng thương mại; nếu làm linh hoạt để giữ khách, lại đối mặt với rủi ro pháp lý.

Ngoài ra, việc xác lập quan hệ tiền gửi tại nhiều QTDND hiện nay vẫn còn mang tính đơn giản hóa, chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu pháp lý của một giao dịch dân sự – tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Quan hệ tiền gửi thường chỉ được thiết lập thông qua các chứng từ nghiệp vụ như Giấy nộp tiền, Giấy yêu cầu gửi tiền hoặc Sổ tiết kiệm theo mẫu in sẵn của QTDND, mà thiếu vắng một hợp đồng tiền gửi được xây dựng đầy đủ về nội dung và hình thức. Về phương diện pháp lý, theo quy định tại Điều 385 Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng được hiểu là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự. Đồng thời, Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định hợp đồng có thể được giao kết bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể, song đối với các giao dịch liên quan đến tài sản có giá trị lớn và tiềm ẩn rủi ro cao, pháp luật chuyên ngành thường yêu cầu phải được thể hiện bằng văn bản với nội dung rõ ràng, minh bạch.

Quan hệ tiền gửi giữa QTDND và người gửi tiền, xét về bản chất, là một hợp đồng dân sự có đối tượng là tiền – một loại tài sản đặc biệt – đồng thời chịu sự điều chỉnh chặt chẽ của pháp luật ngân hàng.

Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 đã xác định rõ hoạt động nhận tiền gửi là một trong những hoạt động cơ bản, cốt lõi của tổ chức tín dụng. Theo khoản 27 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng, “nhận tiền gửi” là việc tổ chức tín dụng nhận tiền của tổ chức, cá nhân dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các hình thức nhận tiền gửi khác theo nguyên tắc hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi tiền theo thỏa thuận. Quy định này cho thấy, yếu tố “thỏa thuận” giữa tổ chức tín dụng và người gửi tiền là nền tảng pháp lý không thể thiếu của quan hệ tiền gửi.

Tuy nhiên, trong thực tiễn tại nhiều QTDND, yếu tố thỏa thuận này lại chưa được thể hiện một cách đầy đủ và thực chất. Các chứng từ nghiệp vụ đang được sử dụng chủ yếu mang tính kỹ thuật kế toán – ngân quỹ, phản ánh việc giao nhận tiền, mà chưa làm rõ các nội dung cốt lõi của một hợp đồng tiền gửi như quyền và nghĩa vụ cụ thể của các bên, trách nhiệm pháp lý trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ, nguyên tắc phân bổ rủi ro hay cơ chế giải quyết tranh chấp. Điều này chưa thực sự phù hợp với tinh thần của Điều 398 Bộ luật Dân sự năm 2015, theo đó hợp đồng cần có các nội dung chủ yếu như đối tượng, giá trị, quyền và nghĩa vụ của các bên, trách nhiệm do vi phạm hợp đồng và phương thức giải quyết tranh chấp.

Bên cạnh đó, Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự bao gồm: chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, nội dung và mục đích của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và hình thức của giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật. Khi nội dung của quan hệ tiền gửi chỉ được thể hiện sơ sài thông qua các biểu mẫu in sẵn, thiếu các điều khoản quan trọng, thì nguy cơ phát sinh tranh chấp về phạm vi quyền và nghĩa vụ của các bên là rất lớn, đặc biệt trong các trường hợp rút tiền trước hạn, phong tỏa tài khoản theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, xử lý tiền gửi trong trường hợp người gửi tiền chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

Một vấn đề đáng chú ý khác là sự mất cân bằng về vị thế pháp lý giữa QTDND và người gửi tiền trong quá trình giao kết quan hệ tiền gửi. Trên thực tế, các điều kiện giao dịch tiền gửi thường do QTDND xây dựng sẵn dưới dạng quy chế nội bộ hoặc điều khoản in sẵn, người gửi tiền chỉ có quyền chấp nhận hoặc từ chối mà không có khả năng thương lượng. Mặc dù Bộ luật Dân sự năm 2015 không cấm việc sử dụng hợp đồng theo mẫu, song Điều 405 Bộ luật Dân sự đã đặt ra yêu cầu bên đưa ra hợp đồng theo mẫu phải bảo đảm nội dung không được loại trừ trách nhiệm của mình, không được hạn chế quyền lợi hợp pháp của bên còn lại. Trong khi đó, việc thiếu một hợp đồng tiền gửi hoàn chỉnh và minh bạch tại QTDND khiến người gửi tiền gặp bất lợi rõ rệt trong việc tiếp cận thông tin và bảo vệ quyền lợi của mình.

Hệ quả pháp lý của thực trạng này thể hiện rõ khi phát sinh tranh chấp. Trong các tranh chấp liên quan đến lãi suất, thời điểm tính lãi, quyền rút tiền trước hạn hoặc trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi xảy ra sai sót nghiệp vụ, việc thiếu các điều khoản hợp đồng cụ thể khiến cơ quan giải quyết tranh chấp gặp khó khăn trong việc xác định ý chí thực sự của các bên tại thời điểm giao kết. Điều này không chỉ làm kéo dài thời gian giải quyết tranh chấp mà còn tiềm ẩn nguy cơ xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền – đối tượng vốn được pháp luật ngân hàng xác định là bên yếu thế cần được bảo vệ.

Có thể khẳng định rằng, bất cập trong tính pháp lý của hồ sơ và hợp đồng tiền gửi tại QTDND không chỉ là vấn đề kỹ thuật nghiệp vụ mà còn là vấn đề pháp lý mang tính hệ thống. Thực trạng này đòi hỏi các QTDND cần sớm rà soát, hoàn thiện hình thức và nội dung của hợp đồng tiền gửi, bảo đảm phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm và Luật Các tổ chức tín dụng, qua đó nâng cao tính an toàn pháp lý cho hoạt động huy động vốn và bảo vệ tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của người gửi tiền.

Rủi ro khác có thể kể đến, do đặc thù tổ chức và hoạt động của QTDND là phạm vi hoạt động hẹp, chủ yếu giới hạn trong địa bàn xã, phường, thị trấn, nơi các mối quan hệ xã hội giữa cán bộ Quỹ và người gửi tiền thường mang tính quen biết, gắn bó lâu dài. Yếu tố này, xét ở góc độ tích cực, tạo điều kiện thuận lợi cho QTDND trong việc tiếp cận người dân, huy động nguồn vốn nhàn rỗi trong cộng đồng và góp

phần thực hiện mục tiêu tương trợ, hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương. Tuy nhiên, chính đặc thù này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro đạo đức trong quá trình thi hành pháp luật về nhận tiền gửi, nếu không được kiểm soát chặt chẽ bằng các quy trình nghiệp vụ và cơ chế giám sát hiệu quả.

Trên thực tế, tại một số QTDND đã phát sinh tình trạng cán bộ Quỹ lợi dụng sự tin tưởng của người dân để thực hiện việc thu tiền gửi tại nhà riêng của khách hàng hoặc tại các địa điểm ngoài trụ sở QTDND nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp tiền về kho quỹ và hạch toán kịp thời vào hệ thống kế toán, ngân hàng lõi. Hành vi này vi phạm nghiêm trọng các quy định nội bộ của QTDND cũng như nguyên tắc quản lý tiền mặt, đồng thời đi ngược lại yêu cầu bảo đảm an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng.

Nghiêm trọng hơn, thực tiễn đã ghi nhận những trường hợp cán bộ QTDND lập Sổ tiết kiệm giả, Sổ tiết kiệm khống hoặc ghi nhận các giao dịch tiền gửi không có thật nhằm chiếm dụng vốn của người gửi tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân. Những hành vi này không chỉ xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người gửi tiền – quyền được pháp luật dân sự bảo vệ theo Điều 105 và Điều 163 Bộ luật Dân sự năm 2015 – mà còn làm phát sinh rủi ro mất an toàn tài chính đối với chính QTDND, đe dọa đến sự ổn định của hệ thống quỹ tín dụng cơ sở. Theo khoản 27 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, hoạt động nhận tiền gửi phải được thực hiện trên nguyên tắc hoàn trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho người gửi tiền theo thỏa thuận. Việc cán bộ QTDND tự ý thu tiền ngoài trụ sở, không hạch toán giao dịch hoặc tạo lập chứng từ giả đã làm sai lệch bản chất pháp lý của quan hệ tiền gửi, khiến giao dịch không được ghi nhận hợp pháp trong hệ thống của QTDND, qua đó làm suy giảm khả năng bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền khi xảy ra tranh chấp.

Bên cạnh đó, các hành vi nêu trên còn thể hiện rõ rủi ro đạo đức trong hoạt động ngân hàng, xuất phát từ sự thiếu tách bạch giữa quan hệ nghề nghiệp và quan hệ xã hội tại địa phương. Khi cán bộ QTDND vừa là người thực hiện nghiệp vụ, vừa là người quen, người thân trong cộng đồng, nguy cơ lợi dụng vị trí công tác để trục lợi cá nhân gia tăng nếu không có cơ chế kiểm soát nội bộ chặt chẽ. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với QTDND trong việc tuân thủ nghiêm các quy định về kiểm

soát nội bộ, phân định rõ trách nhiệm cá nhân và tăng cường giám sát hoạt động nghiệp vụ theo đúng tinh thần của Luật Các tổ chức tín dụng.

Trong quá trình nhận tiền gửi và thực hiện các giao dịch liên quan đến tài khoản tiền gửi, công tác nhận diện và xác thực khách hàng tại một số QTDND chưa được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Thực trạng này chủ yếu xuất phát từ tâm lý chủ quan “biết người, biết mặt” của cán bộ giao dịch trong bối cảnh QTDND hoạt động trên địa bàn hẹp, nơi tồn tại các mối quan hệ xã hội quen biết, gắn bó lâu dài. Do đó, trong nhiều trường hợp, cán bộ Quỹ bỏ qua hoặc thực hiện không đầy đủ các bước nghiệp vụ bắt buộc như kiểm tra, đối chiếu giấy tờ tùy thân hợp lệ, so sánh chữ ký mẫu hoặc xác minh sự trùng khớp giữa người trực tiếp giao dịch với thông tin đã được lưu trữ tại QTDND. Cách thức thực hiện nghiệp vụ này là chưa phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành về mở và sử dụng tài khoản tiền gửi. Cụ thể, theo khoản 1 Điều 12 Thông tư số 48/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của NHNN Việt Nam, tổ chức tín dụng có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu giấy tờ tùy thân của khách hàng khi mở tài khoản và trong quá trình giao dịch, bảo đảm người thực hiện giao dịch đúng là chủ tài khoản hoặc người được ủy quyền hợp pháp. Đồng thời, khoản 2 Điều 12 Thông tư số 48/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 cũng yêu cầu tổ chức tín dụng phải lưu giữ chữ ký mẫu của chủ tài khoản và thực hiện đối chiếu chữ ký trong từng giao dịch rút tiền, thanh toán.

Hệ quả trực tiếp của sự lỏng lẻo trong công tác nhận diện và xác thực khách hàng là nguy cơ phát sinh các hành vi giả mạo chữ ký, mạo danh chủ tài khoản để rút tiền gửi trái phép. Đặc biệt, trong điều kiện sinh hoạt cộng đồng tại địa phương, người thực hiện hành vi gian lận thường là người thân hoặc người quen của chủ tài khoản, càng làm gia tăng khả năng lợi dụng sự chủ quan, cả nể của cán bộ giao dịch. Khi không phát hiện kịp thời các dấu hiệu bất thường trong giao dịch, QTDND có thể vô tình tạo điều kiện cho hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người gửi tiền – quyền được pháp luật dân sự bảo vệ theo Điều 105 và Điều 163 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong trường hợp để xảy ra thất thoát tiền gửi do lỗi trong quy trình xác thực khách hàng, QTDND có thể phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người gửi tiền theo quy định về trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ trong

giao dịch dân sự, đồng thời có thể bị NHNN xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng. Ngoài ra, cán bộ giao dịch vi phạm quy trình nghiệp vụ còn có thể bị xử lý kỷ luật nội bộ hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự nếu hành vi có dấu hiệu cấu thành tội phạm theo quy định của pháp luật hình sự.

2.2.4. Thực tiễn thực hiện pháp luật về lãi suất trong hoạt động nhận tiền gửi

Quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 48/2024/TT-NHNN ngày 30/09/2024 của NHNN Việt Nam, trong đó có QTDND, phải tuân thủ mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam theo từng kỳ hạn do Thống đốc NHNN Việt Nam quyết định trong từng thời kỳ. Quyết định 2411/QĐ-NHNN ngày 01/11/2024 quy định riêng cho phép QTDND cho phép áp dụng mức lãi suất tối đa cao hơn Ngân hàng thương mại, cụ thể là 5,25%/năm. Quy định này thể hiện sự ghi nhận của Nhà nước đối với tính đặc thù của mô hình tín dụng hợp tác, cũng như mức độ rủi ro và chi phí huy động vốn cao hơn mà các QTDND phải đối mặt so với các ngân hàng thương mại.

Mặc dù khung pháp lý về lãi suất đã có bước điều chỉnh theo hướng nói lỏng thông qua Thông tư số 48/2024/TT-NHNN, cho phép QTDND được áp dụng mức trần lãi suất cao hơn so với ngân hàng thương mại đối với tiền gửi kỳ hạn ngắn, song thực tiễn triển khai tại tỉnh Lâm Đồng cho thấy các quy định này vẫn chưa thực sự phù hợp với đặc thù của mô hình tín dụng hợp tác. Có thể ví cơ chế trần lãi suất hiện hành như một “chiếc áo quá chật”, khiến QTDND gặp nhiều khó khăn trong việc vận động và mở rộng nguồn vốn huy động hợp pháp.

Thứ nhất, lợi thế chênh lệch lãi suất 0,5%/năm chưa đủ sức tạo ra ưu thế cạnh tranh thực chất. Trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, các ngân hàng thương mại lớn như Agribank, LPBank,... không chỉ có lợi thế vượt trội về uy tín thương hiệu, quy mô mạng lưới mà còn sở hữu hệ sinh thái ngân hàng số phát triển mạnh, đặc biệt là các ứng dụng Mobile Banking với tính tiện lợi và mức độ an toàn cao. Trong bối cảnh Lâm Đồng là địa phương có tốc độ chuyển dịch sang kinh tế số tương đối nhanh, người gửi tiền sẵn sàng chấp nhận mức lãi suất thấp hơn khoảng 0,5%/năm để đổi lấy sự thuận tiện trong giao dịch, khả năng quản lý tài khoản linh hoạt và tâm lý an toàn

khi gửi tiền tại các ngân hàng thương mại lớn. Do đó, khi biên độ lãi suất mà QTDND được phép áp dụng không đủ lớn để bù đắp các bất lợi về công nghệ và thương hiệu, dòng tiền nhàn rỗi của dân cư vẫn có xu hướng dịch chuyển về khu vực ngân hàng thương mại.

Thứ hai, hệ quả tất yếu là sự hình thành và duy trì cơ chế “lãi suất hai tầng” trong thực tiễn. Để giữ chân người gửi tiền, đặc biệt là các hộ sản xuất nông nghiệp quy mô lớn như trồng sầu riêng, cà phê – nhóm khách hàng có dòng tiền tập trung sau mỗi mùa vụ – một số QTDND trên địa bàn vẫn buộc phải sử dụng các biện pháp hỗ trợ tài chính ngoài mức lãi suất niêm yết. Các hình thức như thưởng tiền mặt, quà tặng có thể quy đổi thành giá trị kinh tế, dù đã giảm đáng kể so với giai đoạn trước khi siết chặt trần lãi suất, nhưng vẫn tồn tại như một giải pháp mang tính tình thế nhằm duy trì khả năng cạnh tranh. Thực trạng này không chỉ tiềm ẩn nguy cơ vi phạm quy định về trần lãi suất, mà còn làm giảm tính minh bạch trong hoạt động nhận tiền gửi, đặt QTDND vào thế rủi ro pháp lý kéo dài.

Từ những phân tích trên có thể thấy, mặc dù pháp luật đã bước đầu thừa nhận tính đặc thù của QTDND thông qua việc cho phép áp dụng mức trần lãi suất cao hơn, song mức độ điều chỉnh hiện nay vẫn chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn. Cơ chế lãi suất hiện hành vì vậy chưa thực sự trở thành công cụ hỗ trợ phát triển mô hình tín dụng hợp tác, mà ngược lại, đang tạo ra những sức ép buộc QTDND phải vận hành trong một khuôn khổ pháp lý chưa phù hợp.

Qua thực tiễn tại tỉnh Lâm Đồng cho thấy, 100% các QTDND đều thực hiện niêm yết công khai lãi suất tại quầy giao dịch theo đúng quy định của NHNN. Tuy nhiên, mặt bằng lãi suất niêm yết giữa các QTDND trên cùng địa bàn có xu hướng đồng pha, phản ánh sự “tự điều tiết ngầm” nhằm tránh cuộc đua lãi suất công khai – vốn tiềm ẩn rủi ro mất an toàn hệ thống.

Thực tiễn thanh tra, giám sát và giải quyết tranh chấp liên quan đến hoạt động nhận tiền gửi tại các QTDND trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng cho thấy đã phát sinh nhiều rủi ro pháp lý từ việc thỏa thuận lãi suất ngoài hợp đồng. Một tình huống điển hình được ghi nhận tại một QTDND trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng như sau: khách hàng C gửi số tiền 3 tỷ đồng với lãi suất niêm yết trên sổ tiết kiệm là 5,25%/năm, phù hợp

với mức trần lãi suất do NHNN quy định đối với QTDND. Tuy nhiên, nhằm huy động nguồn vốn lớn phục vụ nhu cầu giải ngân mùa vụ, cán bộ Quỹ đã lập một văn bản cam kết riêng bằng giấy viết tay, thỏa thuận chi trả thêm 1,0%/năm dưới danh nghĩa “chi phí chăm sóc khách hàng”. Khi QTDND lâm vào tình trạng khó khăn về thanh khoản và không thể thực hiện chi trả khoản lãi ngoài theo cam kết, khách hàng đã khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi đối với phần lãi suất bổ sung này. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, Tòa án xác định mức lãi suất hợp pháp duy nhất là mức lãi suất ghi nhận trong sổ tiết kiệm và phù hợp với trần lãi suất do NHNN ban hành; phần thỏa thuận riêng bị tuyên vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật về lãi suất.

Hệ quả pháp lý phát sinh là khách hàng không được bảo vệ quyền lợi đối với khoản lãi ngoài hợp đồng; cán bộ QTDND có liên quan bị xử lý kỷ luật nội bộ, đồng thời QTDND bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 88/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng. Thực tiễn chi trả lãi suất ngoài quy định tại các QTDND đã và đang phát sinh nhiều hệ lụy tiêu cực, không chỉ đối với hoạt động nội tại của từng Quỹ mà còn tiềm ẩn rủi ro đối với sự an toàn của hệ thống tín dụng hợp tác.

Thứ nhất, làm méo mó báo cáo tài chính và che giấu rủi ro thực tế. Các khoản chi trả lãi ngoài không được ghi nhận công khai mà thường bị hạch toán trá hình vào các khoản chi phí quản lý, chi phí tiếp khách hoặc chi phí hỗ trợ thành viên. Cách thức hạch toán này làm sai lệch kết quả kinh doanh thực tế của Quỹ, khiến các chỉ tiêu an toàn tài chính không phản ánh đúng mức độ rủi ro, đồng thời gây khó khăn cho công tác thanh tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước.

Thứ hai, gia tăng nguy cơ nợ xấu và rủi ro thanh khoản. Chi phí vốn đầu vào bị đẩy lên cao buộc các QTDND phải nâng lãi suất cho vay để bù đắp, làm tăng gánh nặng tài chính đối với thành viên vay vốn. Đối với địa bàn tỉnh Lâm Đồng – nơi hoạt động tín dụng chủ yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp (cà phê, sầu riêng, rau, hoa) có thu nhập phụ thuộc lớn vào biến động giá nông sản và thời tiết – việc lãi suất cho vay tăng cao dễ dẫn đến tình trạng thành viên mất khả năng trả nợ đúng hạn, kéo theo nguy cơ phát sinh nợ xấu và đe dọa trực tiếp đến khả năng thanh khoản của Quỹ.

Thứ ba, làm suy giảm nguyên tắc công bằng và tương trợ trong mô hình tín dụng hợp tác. Việc ưu tiên chi trả lãi suất thực tế cao hơn cho các khách hàng gửi tiền lớn đã tạo ra sự phân biệt đối xử giữa các thành viên, đi ngược lại nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi và tương trợ lẫn nhau – nền tảng cốt lõi của mô hình QTDND. Về lâu dài, hiện tượng này có thể làm xói mòn niềm tin của các thành viên nhỏ lẻ, ảnh hưởng tiêu cực đến tính bền vững của hệ thống tín dụng hợp tác tại địa phương.

2.2.5. Thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền là một trong những nguyên tắc cốt lõi trong hoạt động ngân hàng nói chung và hoạt động nhận tiền gửi của QTDND nói riêng. Tại tỉnh Lâm Đồng, công tác này được triển khai thông qua nhiều cơ chế pháp lý khác nhau, bao gồm việc thực hiện chế độ BHTG, bảo đảm quyền được thông tin, tăng cường tính minh bạch trong hoạt động của Quỹ và thiết lập cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành pháp luật cho thấy các cơ chế này vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định.

Theo quy định của Luật BHTG năm 2012 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, tất cả các QTDND đều bắt buộc phải tham gia BHTG và niêm yết công khai bản sao Chứng nhận tham gia BHTG tại trụ sở giao dịch. Thực tiễn tại tỉnh Lâm Đồng cho thấy, 100% các QTDND trên địa bàn đều tuân thủ nghiêm túc nghĩa vụ tham gia BHTG, thực hiện đầy đủ việc đóng phí bảo hiểm đúng thời hạn theo quy định.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật BHTG 2012, *“Bảo hiểm tiền gửi là sự bảo đảm hoàn trả tiền gửi cho người được bảo hiểm tiền gửi trong hạn mức trả tiền bảo hiểm khi tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền hoặc phá sản”*

Đối với thời hạn trả tiền bảo hiểm Điều 23 Luật BHTG 2012 quy định: *“Trong thời hạn 60 ngày, kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi”*, qua đó vừa bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền vừa tạo khoảng thời gian hợp lý cho QTDND chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, dữ liệu phục vụ cho quá trình chi trả. Trên thực tế, quy trình kiểm soát đặc biệt có thể kéo dài nhiều năm, thậm chí lên tới 5-7 năm, tùy theo mức độ phức tạp của rủi ro tài chính, quy mô Quỹ và tiến trình xử lý các

khoản nợ xấu hoặc các tranh chấp pháp lý liên quan. Trong khoảng thời gian này, tiền gửi của người dân bị phong tỏa, họ không thể rút vốn, nhưng đồng thời cũng chưa được hưởng quyền lợi bảo hiểm từ BHTG. Hệ quả là đời sống sinh hoạt hàng ngày của các hộ gia đình bị ảnh hưởng nghiêm trọng, nhất là các hộ nông dân đang cần vốn để tái sản xuất, thu hoạch mùa vụ hoặc duy trì các hoạt động kinh tế thường nhật. Việc chậm trễ trong chi trả BHTG không chỉ làm giảm hiệu quả của công cụ bảo vệ người gửi tiền mà còn có thể dẫn tới các hệ lụy xã hội như căng thẳng dân sự, khiếu kiện đông người và mất niềm tin vào hệ thống QTDND nói riêng và hệ thống tài chính địa phương nói chung.

Khoản 1 Điều 24 Luật BHTG 2012 đã quy định rất rõ: *“hạn mức trả tiền bảo hiểm là số tiền tối đa mà tổ chức bảo hiểm tiền gửi trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của một người tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm”* và hạn mức trả tiền bảo hiểm được Thủ tướng Chính phủ quy định theo đề nghị của NHNN Việt Nam trong từng thời kỳ. Ngày 20/10/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 32/2021/QĐ-TTg về hạn mức tiền trả bảo hiểm. *“Theo Quyết định, số tiền tối đa tổ chức bảo hiểm tiền gửi trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm theo quy định của Luật Bảo hiểm tiền gửi (gồm cả gốc và lãi) của một người tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm là 125.000.000 đồng”*. Quyết định 32/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã nâng hạn mức BHTG tại Việt Nam lên mức 125 triệu đồng cho mỗi người gửi tiền hoặc tổ chức tham gia, nhưng thực tiễn tại các địa phương có nền kinh tế nông nghiệp phát triển mạnh như Lâm Đồng vẫn bộc lộ nhiều khoảng cách lớn giữa quy định pháp lý và nhu cầu thực tế của người dân. Trong bối cảnh kinh tế địa phương dựa nhiều vào sản xuất nông nghiệp có giá trị cao, các hộ gia đình thường tích lũy số dư tiền gửi lớn, đặc biệt là các hộ trồng cây công nghiệp, cây lâu năm, hoặc các doanh nghiệp nhỏ chuyên sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản thương mại. Số dư tiền gửi của một hộ gia đình trong các khu vực này thường dao động từ vài trăm triệu đến hàng tỷ đồng. Trong khi đó, hạn mức 125 triệu đồng chỉ bảo vệ được phần lớn những khoản tiền gửi nhỏ, chủ yếu thuộc về các hộ nông dân có mức thu nhập trung bình hoặc thấp. Việc này dẫn đến tình trạng người gửi tiền có số dư

lớn thường cảm thấy không được bảo vệ đầy đủ, từ đó có xu hướng rút vốn khỏi các QTDND và chuyển sang gửi tại các Ngân hàng thương mại lớn, nơi họ cảm thấy an toàn hơn, đặc biệt khi xuất hiện những biến động nhỏ về thị trường, về uy tín Quỹ hoặc các thông tin tiêu cực liên quan đến rủi ro thanh khoản. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng duy trì nguồn vốn ổn định tại địa phương và làm giảm hiệu quả hoạt động tín dụng hợp tác, vốn là mục tiêu trọng yếu của mô hình QTDND theo Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và các quy định liên quan.

Luật BHTG hiện hành quy định phí BHTG là khoản tiền mà tổ chức tham gia BHTG phải nộp cho BHTG Việt Nam để bảo hiểm cho tiền gửi của người gửi tiền được bảo hiểm tại tổ chức tham gia BHTG. Cơ chế nộp phí BHTG được quy định chi tiết tại Điểm 2, Khoản 4, Điều 1 Nghị định số 109/2005/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/1999/NĐ-CP về BHTG. Theo đó, các tổ chức tham gia BHTG phải nộp phí BHTG với mức 0,15%/năm, được tính trên số dư tiền gửi bình quân của các loại tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia. Việc xác định số dư bình quân tiền gửi làm căn cứ tính phí bảo hiểm nhằm phản ánh chính xác quy mô nguồn vốn của tổ chức tham gia, từ đó bảo đảm nguồn quỹ BHTG đầy đủ để chi trả trong các trường hợp cần thiết. Cơ chế đồng hạng này gây ra một số hệ quả tiêu cực đáng kể. Thứ nhất, nó không tạo ra động lực kinh tế để các QTDND nâng cao năng lực quản trị rủi ro, cải thiện hiệu quả quản lý vốn và tuân thủ các quy trình nghiệp vụ. Các Quỹ hoạt động tốt, quản trị rủi ro hiệu quả vẫn phải đóng mức phí bảo hiểm tương đương với các Quỹ hoạt động yếu kém hoặc có nguy cơ rủi ro cao. Thứ hai, cơ chế này hình thành tâm lý ỷ lại, khiến một số QTDND không nỗ lực nâng cao chất lượng quản trị, từ đó tiềm ẩn rủi ro đạo đức, ảnh hưởng đến tính bền vững của toàn hệ thống BHTG. Nếu xảy ra sự cố tại một Quỹ yếu kém, chi phí bồi thường sẽ tác động không chỉ tới Quỹ đó mà còn làm tăng gánh nặng đối với toàn bộ quỹ bảo hiểm chung, ảnh hưởng tới quyền lợi của các tổ chức và cá nhân khác.

Bên cạnh các vấn đề về hạn mức và phí bảo hiểm, việc quản lý dữ liệu tại một số QTDND vẫn còn lỏng lẻo hoặc thực hiện thủ công. Tình trạng này phổ biến ở những Quỹ quy mô nhỏ, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ. Một số QTDND còn lập song song hai hệ thống sổ sách: một hệ thống vật lý tại quỹ và một

hệ thống quản lý trên máy tính hoặc chưa nhập liệu đầy đủ, dẫn tới sự chênh lệch dữ liệu. Khi rủi ro xảy ra, số liệu báo cáo lên BHTG Việt Nam có thể thấp hơn thực tế số tiền mà người dân đã nộp. Hệ quả là người gửi tiền cảm thấy thiệt nhưng không có tên trong danh sách chi trả bảo hiểm, dẫn đến khiếu kiện kéo dài, mất trật tự tại địa phương, ảnh hưởng nghiêm trọng tới niềm tin của người dân vào hệ thống BHTG. Tình trạng này cũng làm khó khăn cho công tác thanh tra, giám sát của NHNN và BHTG Việt Nam, đồng thời làm giảm tính hiệu quả và minh bạch của cơ chế bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

Thực trạng trên tại các QTDND ở Lâm Đồng còn được khuếch đại bởi đặc thù địa phương. Kinh tế Lâm Đồng tập trung nhiều vào nông nghiệp công nghệ cao, cây công nghiệp lâu năm, du lịch nông thôn và các dịch vụ đi kèm, tạo ra dòng tiền lớn nhưng phân tán. Người dân địa phương, mặc dù có nhu cầu gửi tiền tích lũy, thường phải đối mặt với khó khăn trong việc bảo vệ quyền lợi tài chính cá nhân. Khi số dư tiền gửi vượt hạn mức bảo hiểm, các hộ gia đình phải đối mặt với rủi ro phần vốn vượt hạn mức bị mất trong trường hợp Quỹ gặp sự cố, làm giảm niềm tin vào toàn bộ mô hình QTDND, vốn dựa trên nguyên tắc “tương trợ lẫn nhau” và huy động vốn từ cộng đồng.

Ngoài ra, cơ chế chi trả BHTG hiện nay chưa thực sự linh hoạt trong bối cảnh biến động nhân khẩu và thay đổi cơ cấu thành viên hộ gia đình. Việc xác định đối tượng được bảo hiểm dựa trên dữ liệu do QTDND cung cấp, nhưng khi có sai lệch trong danh sách thành viên hoặc thay đổi số dư, quyền lợi người gửi tiền có thể bị ảnh hưởng, dẫn tới khiếu kiện và tranh chấp pháp lý kéo dài. Điều này càng cho thấy việc quản lý minh bạch, cập nhật đầy đủ dữ liệu là yêu cầu bắt buộc để đảm bảo hiệu lực của BHTG, đồng thời tạo niềm tin cho người dân trong quan hệ tín dụng hợp tác.

Mặc dù hệ thống pháp luật về BHTG, bao gồm Quyết định 32/2021/QĐ-TTg, Luật BHTG 2012, các Thông tư hướng dẫn và quy định nội bộ của QTDND đã thiết lập cơ chế bảo vệ đa tầng cho người gửi tiền, thực tiễn thi hành tại Lâm Đồng vẫn cho thấy nhiều bất cập. Hạn mức bảo hiểm còn thấp so với số dư thực tế, thời điểm phát sinh nghĩa vụ chi trả kéo dài, cơ chế phí bảo hiểm chưa phân biệt rủi ro, và quản lý dữ liệu chưa đồng bộ là những yếu tố khiến quyền lợi của người gửi tiền chưa được

đảm bảo đầy đủ. Những bất cập này dẫn đến hệ quả nghiêm trọng là xói mòn niềm tin của người dân, tăng nguy cơ rút vốn khỏi QTDND, tạo áp lực cho Quỹ trong việc duy trì thanh khoản và hiệu quả hoạt động, đồng thời làm giảm tính bền vững và ổn định của hệ thống tín dụng hợp tác.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Thông qua việc phân tích thực tiễn thi hành pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi của hệ thống QTDND tại tỉnh Lâm Đồng trong Chương 2, có thể khẳng định rằng khuôn khổ pháp luật điều chỉnh hoạt động này đã được các QTDND triển khai tương đối nghiêm túc, góp phần bảo đảm an toàn hoạt động, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, đồng thời phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội tại địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn thi hành pháp luật vẫn bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần được nhận diện để làm cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi.

Xét về tổng thể, hệ thống QTDND tại tỉnh Lâm Đồng trong những năm qua đã phát triển tương đối ổn định cả về quy mô và chất lượng. Hoạt động nhận tiền gửi được tổ chức phù hợp với bản chất của mô hình tổ chức tín dụng hợp tác, lấy thành viên làm trung tâm và ưu tiên huy động nguồn vốn nhân rồi trong cộng đồng dân cư tại địa bàn hoạt động. Quy mô vốn huy động từng bước được mở rộng, cơ cấu tiền gửi có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng tiền gửi có kỳ hạn, góp phần nâng cao tính ổn định của nguồn vốn. Chất lượng tín dụng nhìn chung được kiểm soát, tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức an toàn, qua đó khẳng định vai trò của QTDND trong việc cung ứng vốn cho khu vực nông nghiệp, nông thôn và hạn chế tín dụng đen trên địa bàn tỉnh.

Về việc thực hiện pháp luật liên quan đến chủ thể trong quan hệ nhận tiền gửi, các QTDND tại Lâm Đồng cơ bản tuân thủ các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và các văn bản hướng dẫn của NHNN trong việc xác định đối tượng được phép gửi tiền. Tiền gửi của thành viên vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu, phản ánh đúng tính chất hợp tác, tương trợ của mô hình QTDND. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy còn tồn tại những vướng mắc nhất định, đặc biệt là trong việc xác định điều kiện cư trú hợp pháp của cá nhân, cách hiểu và áp dụng tư cách pháp lý của hộ gia đình, cũng như giới hạn đối với pháp nhân có hoạt động thực tế tại địa phương nhưng không đặt trụ sở chính trên địa bàn. Những bất cập này vừa làm thu hẹp phạm vi huy động vốn hợp pháp, vừa tiềm ẩn rủi ro pháp lý trong quá trình áp dụng pháp luật.

Đối với thủ tục nhận tiền gửi, các QTDND đã có nhiều nỗ lực trong việc chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, tăng cường công tác nhận diện và xác thực khách hàng theo quy định về phòng, chống rửa tiền, từng bước tiếp cận các phương thức định danh điện tử. Tuy nhiên, thủ tục nhận tiền gửi trên thực tế vẫn còn đơn giản hóa về mặt pháp lý, chưa phản ánh đầy đủ bản chất của quan hệ hợp đồng tiền gửi theo quy định của pháp luật. Việc chưa chú trọng đầy đủ đến hình thức và nội dung hợp đồng, cùng với hạn chế trong kiểm soát nội bộ, làm gia tăng nguy cơ phát sinh rủi ro và tranh chấp.

Về lãi suất trong hoạt động nhận tiền gửi, các QTDND tại Lâm Đồng nhìn chung tuân thủ quy định của NHNN về trần lãi suất, phương pháp tính lãi và nghĩa vụ niêm yết công khai. Tuy nhiên, vẫn tồn tại sự chồng chéo và thiếu thống nhất giữa pháp luật dân sự và pháp luật ngân hàng trong việc xác định cơ chế và giới hạn lãi suất tiền gửi, gây khó khăn trong áp dụng pháp luật và tiềm ẩn nguy cơ tranh chấp.

Từ những phân tích trên có thể thấy rằng, mặc dù hoạt động nhận tiền gửi của hệ thống QTDND tại tỉnh Lâm Đồng đã đạt được nhiều kết quả tích cực, song việc thi hành pháp luật trong lĩnh vực này vẫn còn những hạn chế nhất định. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để tác giả tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi của QTDND trong Chương 3.

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG NHẬN TIỀN GỬI TẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân

Nhận tiền gửi là hoạt động cốt lõi và mang tính quyết định đối với sự tồn tại, phát triển của Quỹ tín dụng nhân dân. Thông qua hoạt động này, QTDND hình thành nguồn vốn chủ yếu để thực hiện chức năng cấp tín dụng cho thành viên, hỗ trợ sản xuất – kinh doanh, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Không chỉ mang ý nghĩa tài chính đơn thuần, hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND còn gắn liền với mục tiêu ổn định đời sống kinh tế – xã hội, thúc đẩy phát triển bền vững khu vực nông thôn và góp phần thực hiện chủ trương tài chính toàn diện của Nhà nước.

Đối với các địa phương có nền kinh tế nông nghiệp phát triển mạnh như tỉnh Lâm Đồng, vai trò của QTDND càng trở nên rõ nét. Lâm Đồng là địa bàn tập trung nhiều hộ sản xuất nông nghiệp quy mô vừa và nhỏ, các trang trại trồng cây công nghiệp, cây lâu năm và nông sản hàng hóa có giá trị cao. Trong bối cảnh đó, nguồn vốn huy động từ tiền gửi tại QTDND chính là cơ sở để Quỹ cung ứng tín dụng kịp thời cho nông dân, hộ kinh doanh và các chủ thể kinh tế địa phương. Vì vậy, việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND không chỉ nhằm bảo đảm an toàn cho hệ thống tín dụng hợp tác, mà còn có ý nghĩa trực tiếp đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng pháp luật về nhận tiền gửi tại các QTDND trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng cho thấy vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn, vướng mắc. Những bất cập này thể hiện ở sự thiếu đồng bộ giữa các văn bản pháp luật, sự chưa phù hợp của một số quy định với đặc thù hoạt động của QTDND và điều kiện kinh tế – xã hội địa phương, cũng như những thách thức trong bảo vệ quyền lợi người gửi tiền và quản trị rủi ro thanh khoản. Trên cơ sở đó, việc hoàn thiện pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND cần được đặt ra như một yêu cầu cấp thiết, gắn với các quan điểm và định hướng cụ thể sau đây.

Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật về nhận tiền gửi phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và khả thi. Pháp luật điều chỉnh hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND hiện nay được quy định rải rác trong nhiều văn bản khác nhau như Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Bảo hiểm tiền gửi, Luật Hợp tác xã và các thông tư hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước. Mặc dù các văn bản này đã từng bước hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động của QTDND, song trong thực tiễn áp dụng vẫn tồn tại những điểm chồng chéo, thiếu thống nhất hoặc chưa được hướng dẫn đầy đủ, gây khó khăn cho các Quỹ trong quá trình triển khai. Do đó, việc hoàn thiện pháp luật cần được thực hiện theo hướng rà soát tổng thể, bảo đảm sự liên thông giữa các quy định về nhận tiền gửi, quản lý thành viên, bảo hiểm tiền gửi và các tỷ lệ an toàn tài chính. Nhà nước cần sớm ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết, làm rõ những nội dung còn mang tính nguyên tắc trong luật, đồng thời điều chỉnh các quy định không còn phù hợp với thực tiễn hoạt động của QTDND. Việc xây dựng pháp luật cần đặt trong mối quan hệ tổng thể của hệ thống pháp luật về ngân hàng và tài chính, tránh tình trạng mâu thuẫn hoặc xung đột quy phạm, từ đó tạo lập một hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch và khả thi cho hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND.

Thứ hai, pháp luật về nhận tiền gửi cần phù hợp với đặc thù hoạt động của QTDND và điều kiện kinh tế – xã hội tại Lâm Đồng. QTDND là mô hình tổ chức tín dụng hợp tác, hoạt động trên địa bàn hẹp, đối tượng phục vụ chủ yếu là các thành viên trong cộng đồng dân cư. Khác với ngân hàng thương mại, QTDND không đặt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận mà hướng tới hỗ trợ thành viên và phát triển kinh tế địa phương. Vì vậy, các quy định pháp luật về nhận tiền gửi cần phản ánh đúng đặc thù này, tránh áp dụng máy móc các chuẩn mực được thiết kế cho ngân hàng thương mại.

Thực tiễn tại Lâm Đồng cho thấy, nguồn tiền gửi tại QTDND mang tính mùa vụ rõ rệt, phụ thuộc vào chu kỳ sản xuất nông nghiệp. Điều này đòi hỏi pháp luật không chỉ chú trọng đến các giới hạn an toàn cứng nhắc, mà còn cần tạo dư địa linh hoạt nhất định cho QTDND trong quản trị thanh khoản và cơ cấu nguồn vốn. Bên cạnh đó, trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt với các ngân hàng thương mại tại khu vực nông thôn, pháp luật cần hỗ trợ QTDND nâng cao khả năng huy động vốn, đồng thời vẫn bảo đảm giữ vững bản chất hợp tác và an toàn hệ thống. Việc hoàn

thiện pháp luật theo hướng phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội tại Lâm Đồng sẽ giúp các QTDND phát huy vai trò là kênh dẫn vốn hiệu quả cho sản xuất nông nghiệp, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận nguồn vốn ổn định, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương một cách bền vững.

Thứ ba, hoàn thiện pháp luật về nhận tiền gửi cần gắn với yêu cầu bảo vệ quyền lợi người gửi tiền và quản trị rủi ro. Bảo vệ quyền lợi người gửi tiền là mục tiêu xuyên suốt của pháp luật về ngân hàng nói chung và pháp luật về nhận tiền gửi tại QTDND nói riêng. Trong bối cảnh QTDND có quy mô nhỏ, năng lực tài chính và quản trị còn hạn chế, nguy cơ rủi ro thanh khoản và rủi ro đổ vỡ cục bộ là vấn đề không thể xem nhẹ. Do đó, pháp luật cần thiết lập cơ chế bảo vệ người gửi tiền hiệu quả, minh bạch và kịp thời. Việc hoàn thiện pháp luật cần tập trung làm rõ mối quan hệ giữa người gửi tiền và tư cách thành viên góp vốn, đặc biệt trong trường hợp QTDND rơi vào tình trạng kiểm soát đặc biệt hoặc giải thể, phá sản. Cần có quy định cụ thể về thứ tự ưu tiên thanh toán, phạm vi trách nhiệm của thành viên và cơ chế chi trả bảo hiểm tiền gửi, nhằm tránh cách hiểu và áp dụng không thống nhất trong thực tiễn. Điều này không chỉ bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền mà còn góp phần củng cố niềm tin vào hệ thống QTDND. Song song với đó, pháp luật cần khuyến khích các QTDND nâng cao năng lực quản trị rủi ro, minh bạch hóa thông tin về tình hình tài chính và hoạt động huy động vốn. Việc này giúp người gửi tiền có cơ sở đánh giá mức độ an toàn của Quỹ, đồng thời nâng cao kỷ luật thị trường và trách nhiệm giải trình của QTDND.

Thứ tư, hoàn thiện pháp luật cần đặt trong bối cảnh hội nhập và tham khảo chuẩn mực quốc tế. Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, pháp luật về nhận tiền gửi tại QTDND không thể tách rời các thông lệ và chuẩn mực quốc tế về quản trị rủi ro, bảo vệ người gửi tiền và an toàn hệ thống tài chính. Việc tham khảo kinh nghiệm của các quốc gia có hệ thống quỹ tín dụng phát triển sẽ giúp Việt Nam hoàn thiện khung pháp lý theo hướng hiện đại, hiệu quả và phù hợp với xu thế chung. Tuy nhiên, việc tiếp thu các chuẩn mực quốc tế cần được thực hiện có chọn lọc, phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội và trình độ phát triển của hệ thống QTDND tại Việt Nam. Pháp luật cần tạo cơ chế quản lý linh hoạt, hạn chế cạnh tranh không lành mạnh giữa QTDND

và ngân hàng thương mại, đồng thời bảo đảm an toàn cho cả Quỹ và người gửi tiền. Việc áp dụng các nguyên tắc quản trị tiên tiến cần đi đôi với lộ trình phù hợp, tránh tạo áp lực quá lớn đối với các QTDND quy mô nhỏ, đặc biệt tại các địa bàn nông thôn như Lâm Đồng.

Thứ năm, hoàn thiện pháp luật phải phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách phát triển kinh tế nông thôn. Hoàn thiện pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND cần bám sát chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác và xây dựng nông thôn mới. Việc xây dựng hành lang pháp lý đồng bộ, bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa không chỉ bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền và thành viên QTDND, mà còn tạo điều kiện để hệ thống QTDND phát triển bền vững, hiện đại hóa quản trị và mở rộng các dịch vụ tài chính phục vụ khu vực nông thôn.

Bên cạnh đó, pháp luật cần có cơ chế khuyến khích các QTDND nâng cao năng lực quản trị, cải thiện hiệu quả hoạt động và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, trong đó có hoạt động nhận tiền gửi. Việc hoàn thiện chính sách lãi suất, tăng cường giám sát và hỗ trợ kỹ thuật từ cơ quan quản lý nhà nước sẽ góp phần củng cố hệ thống QTDND vững mạnh, đáp ứng tốt hơn nhu cầu vốn cho sản xuất nông nghiệp và các thành phần kinh tế tại địa phương.

Việc hoàn thiện pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND không chỉ nhằm bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền, mà còn góp phần nâng cao năng lực huy động vốn, quản trị rủi ro và củng cố niềm tin của thành viên vào hệ thống tín dụng hợp tác. Một hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch và phù hợp với thực tiễn sẽ tạo nền tảng quan trọng để QTDND phát huy vai trò là kênh dẫn vốn hiệu quả cho phát triển kinh tế nông thôn, bảo đảm an toàn hệ thống tài chính và thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế – xã hội tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân

3.2.1. Sửa đổi quy định về điều kiện gia nhập của thành viên Quỹ tín dụng nhân dân

Theo quy định hiện hành tại Điều 8 Thông tư số 29/2024/TT-NHNN, điều kiện để cá nhân trở thành thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) chủ yếu được xác định trên cơ sở tiêu chí đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú tại địa bàn hoạt động của Quỹ. Cách tiếp cận này phù hợp trong bối cảnh quản lý dân cư truyền thống dựa trên sổ hộ khẩu giấy, khi yếu tố cư trú hành chính phản ánh tương đối đầy đủ mối quan hệ gắn bó giữa cá nhân với cộng đồng địa phương.

Tuy nhiên, kể từ khi Luật Cư trú năm 2020 chính thức bãi bỏ giá trị pháp lý của sổ hộ khẩu, đồng thời cùng với xu hướng dịch chuyển dân cư ngày càng linh hoạt nhằm phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh, tiêu chí cư trú hành chính đã bộc lộ những hạn chế nhất định. Thực tiễn tại tỉnh Lâm Đồng cho thấy, nhiều cá nhân không đăng ký thường trú hoặc tạm trú tại địa phương nhưng lại có hoạt động sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, sở hữu đất đai, trang trại và nguồn vốn đáng kể, đồng thời gắn bó lợi ích kinh tế lâu dài với địa bàn nơi QTDND hoạt động. Việc các chủ thể này không đáp ứng điều kiện cư trú theo quy định hiện hành dẫn đến hệ quả là họ không đủ tư cách pháp lý để trở thành thành viên QTDND.

Hệ quả pháp lý – kinh tế phát sinh từ thực tiễn trên là không nhỏ. Một mặt, đối tượng thành viên tiềm năng của QTDND bị thu hẹp, làm giảm khả năng mở rộng mạng lưới thành viên gắn bó thực chất với Quỹ. Mặt khác, các khoản tiền gửi của nhóm đối tượng này buộc phải được tiếp nhận với tư cách người gửi tiền không phải là thành viên, từ đó làm gia tăng tỷ trọng tiền gửi phi thành viên trong tổng nguồn vốn huy động, gây áp lực cho QTDND trong việc tuân thủ các giới hạn an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Từ những phân tích trên, tác giả kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều 8 Thông tư số 29/2024/TT-NHNN theo hướng mở rộng và đa dạng hóa tiêu chí xác lập tư cách thành viên QTDND, trên cơ sở bổ sung yếu tố “mức độ gắn kết kinh tế thực tế với địa bàn hoạt động của Quỹ”. Theo đó, có thể đề xuất quy định theo hướng sau:

“Điều 8. Điều kiện trở thành thành viên

Cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân muốn trở thành thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

1. Có đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú tại địa bàn hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật về cư trú;

2. Có hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định hoặc có tài sản đầu tư trực tiếp gắn bó lâu dài với địa bàn hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân.

Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, cá nhân phải cung cấp một trong các giấy tờ chứng minh sau:

a) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất phục vụ sản xuất, kinh doanh có thời hạn từ ba năm trở lên tại địa bàn hoạt động của Quỹ;

b) Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy phép kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp tại địa bàn hoạt động của Quỹ;

c) Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động về việc cá nhân đang trực tiếp sản xuất, canh tác hoặc thực hiện dự án đầu tư ổn định trên địa bàn.”

Đồng thời, để bảo đảm tính thống nhất và khả thi trong áp dụng pháp luật, cần sửa đổi, bổ sung tương ứng các quy định về hồ sơ, thủ tục kết nạp thành viên trong Điều lệ mẫu QTDND. Theo đó, đối với trường hợp không đáp ứng điều kiện cư trú hành chính, hồ sơ kết nạp thành viên cần bao gồm các giấy tờ chứng minh hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tài sản đầu tư thực tế tại địa bàn, làm căn cứ xác lập mối quan hệ gắn bó lâu dài giữa thành viên và Quỹ.

Việc sửa đổi theo hướng nêu trên không nhằm loại bỏ tiêu chí cư trú – vốn vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc bảo đảm tính cộng đồng của QTDND – mà bổ sung một nhánh điều kiện độc lập dựa trên sự gắn kết kinh tế thực chất với địa phương. Giải pháp này vừa góp phần “hợp pháp hóa” tư cách thành viên đối với các cá nhân có tiềm lực kinh tế, có lợi ích gắn bó ổn định với địa bàn hoạt động của QTDND, vừa giúp các Quỹ chủ động kiểm soát tỷ trọng tiền gửi của người không phải là thành viên, qua đó bảo đảm tuân thủ các giới hạn an toàn theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, việc thừa nhận tiêu chí gắn kết kinh tế thông qua đất đai, hoạt động sản xuất và đầu tư còn phản ánh đúng bản chất hợp tác, tương trợ cộng đồng của mô hình QTDND, đồng thời phù hợp với xu hướng hiện đại hóa quản lý dân cư và chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước hiện nay.

3.2.2. Linh hoạt hóa tỷ lệ tiền gửi của người không phải là thành viên đối với Quỹ tín dụng nhân dân quy mô nhỏ

Theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 29/2024/TT-NHNN, Quỹ tín dụng nhân dân bị giới hạn tỷ lệ nhận tiền gửi của người không phải là thành viên nhằm bảo đảm an toàn hoạt động và hạn chế rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên, việc áp dụng cứng nhắc giới hạn này trong thực tiễn đã bộc lộ những bất cập nhất định, đặc biệt đối với các QTDND hoạt động tại địa bàn nông nghiệp, nông thôn.

Thực tiễn tại tỉnh Lâm Đồng cho thấy, trong các thời điểm cao điểm của chu kỳ sản xuất nông nghiệp (thu hoạch cà phê, sầu riêng, rau hoa công nghệ cao...), lượng tiền nhàn rỗi phát sinh trong dân cư tăng đột biến. Do hạn chế về điều kiện trở thành thành viên, nhiều cá nhân gửi tiền với tư cách không phải là thành viên. Khi tỷ lệ tiền gửi phi thành viên tiệm cận hoặc vượt ngưỡng cho phép, QTDND đứng trước hai lựa chọn đều bất lợi: hoặc từ chối tiếp nhận nguồn vốn hợp pháp của người dân, hoặc tiếp tục nhận tiền gửi và đối mặt với nguy cơ vi phạm quy định an toàn theo pháp luật ngân hàng. Tình trạng này không chỉ làm giảm khả năng huy động vốn của QTDND mà còn gián tiếp hạn chế khả năng cho vay quay vòng phục vụ sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

Từ thực tiễn nêu trên, tác giả kiến nghị bổ sung Khoản 3 vào Điều 24 Thông tư số 29/2024/TT-NHNN theo hướng thiết lập cơ chế linh hoạt, có kiểm soát, đối với việc vượt ngưỡng tỷ lệ nhận tiền gửi của người không phải là thành viên, cụ thể như sau:

“Điều 24. Giới hạn mức nhận tiền gửi

3. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân có quy mô nhỏ hoặc hoạt động tại địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố xem xét cho phép vượt ngưỡng tỷ lệ quy định tại Khoản 2 Điều này nhưng không quá 60% trong thời hạn tối đa 12 tháng, với các điều kiện sau đây:

a) Quỹ tín dụng nhân dân chứng minh được các khoản tiền gửi vượt ngưỡng phục vụ trực tiếp cho chu kỳ sản xuất nông nghiệp hoặc các dự án phát triển kinh tế tại địa phương;

b) Có phương án quản trị thanh khoản cụ thể và cam kết lộ trình vận động người gửi tiền chuyển đổi sang tư cách thành viên;

c) Thực hiện báo cáo bằng văn bản về nguyên nhân vượt ngưỡng và chịu sự giám sát tăng cường của Ngân hàng Nhà nước khu vực trong suốt thời gian áp dụng cơ chế này.”

Việc bổ sung quy định theo hướng nêu trên sẽ mang lại nhiều tác động tích cực cả về phương diện quản lý nhà nước, kinh tế và tính khả thi trong thực tiễn.

Thứ nhất, về phương diện quản lý nhà nước, cơ chế này góp phần chuyển trạng thái pháp lý của QTDND từ tình trạng “vi phạm hành chính” sang “vượt ngưỡng có kiểm soát”, qua đó nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của Quỹ. Quy định linh hoạt nhưng có điều kiện sẽ khuyến khích QTDND chủ động báo cáo, xin ý kiến chấp thuận và tuân thủ chế độ giám sát của Ngân hàng Nhà nước, thay vì tìm cách né tránh hoặc xử lý mang tính tình thế khi phát sinh vượt ngưỡng.

Thứ hai, về phương diện kinh tế, cơ chế linh hoạt cho phép QTDND tiếp nhận tạm thời các nguồn vốn hợp pháp phát sinh lớn trong các giai đoạn cao điểm của sản xuất nông nghiệp, bảo đảm người dân và các chủ thể sản xuất tại địa phương có kênh gửi tiền an toàn. Đồng thời, nguồn vốn này tạo điều kiện để QTDND tăng cường cho vay quay vòng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, phù hợp với mục tiêu và bản chất của mô hình tín dụng hợp tác.

Thứ ba, về tính thực tiễn, việc giới hạn thời gian áp dụng tối đa 12 tháng phù hợp với chu kỳ sản xuất của nhiều loại cây trồng chủ lực tại tỉnh Lâm Đồng như cà phê, sầu riêng, rau hoa công nghệ cao. Khoảng thời gian này cũng đủ để QTDND và người gửi tiền hoàn thiện các điều kiện cần thiết nhằm chuyển đổi sang tư cách thành viên chính thức, qua đó bảo đảm việc tuân thủ đầy đủ các giới hạn an toàn trong trung và dài hạn.

3.2.3. Hoàn thiện quy định về cơ chế lãi suất tiền gửi đối với Quỹ tín dụng nhân dân

Căn cứ khoản 3 Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền quyết định và điều hành cơ chế lãi suất trong hoạt động của tổ chức tín dụng nhằm bảo đảm an toàn hệ thống và phù hợp với mục tiêu

chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ. Đồng thời, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 cũng thể hiện rõ nguyên tắc quản lý phân loại, theo đó Ngân hàng Nhà nước được áp dụng các biện pháp quản lý khác nhau đối với từng loại hình tổ chức tín dụng trên cơ sở mức độ rủi ro, quy mô hoạt động và đặc thù mô hình kinh doanh. Trong bối cảnh đó, việc thiết kế và áp dụng cơ chế lãi suất huy động thống nhất cho toàn bộ hệ thống tổ chức tín dụng, không có sự phân biệt giữa ngân hàng thương mại và quỹ tín dụng nhân dân, như quy định hiện hành tại Thông tư số 04/2022/TT-NHNN và các văn bản điều hành lãi suất liên quan, đã bộc lộ những hạn chế nhất định trong thực tiễn.

Theo Quyết định số 2411/QĐ-NHNN ngày 01/11/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trần lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam được áp dụng chung đối với tất cả các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhận tiền gửi của tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, quy định này chưa phản ánh đầy đủ sự khác biệt căn bản về mô hình tổ chức, quy mô vốn, phạm vi địa bàn hoạt động và năng lực cạnh tranh của QTDND – loại hình tổ chức tín dụng hợp tác được thành lập và hoạt động chủ yếu nhằm phục vụ thành viên và phát triển kinh tế – xã hội tại địa phương. Việc áp dụng cùng một mức trần lãi suất huy động đã đặt QTDND vào vị thế bất lợi so với các ngân hàng thương mại có lợi thế vượt trội về thương hiệu, mạng lưới và nguồn vốn, từ đó làm suy giảm khả năng huy động vốn hợp pháp, ổn định của QTDND ngay tại chính địa bàn hoạt động.

Từ những phân tích trên, tác giả kiến nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 Quyết định số 2411/QĐ-NHNN ngày 01/11/2024 theo hướng quy định cơ chế lãi suất tiền gửi riêng đối QTDND, cụ thể như sau:

“Đối với quỹ tín dụng nhân dân được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định khung lãi suất tiền gửi riêng, cho phép áp dụng mức lãi suất huy động cao hơn tối đa từ 0,5% đến 1% so với mức trần lãi suất tiền gửi cùng kỳ hạn áp dụng đối với các ngân hàng thương mại, trên cơ sở bảo đảm an toàn hoạt động, khả năng thanh khoản và tuân thủ đầy đủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật.”

Đồng thời, để bảo đảm kiểm soát rủi ro và phù hợp với nguyên tắc quản lý an toàn hệ thống, cần bổ sung các điều kiện áp dụng mang tính bắt buộc. Theo đó, chỉ những quỹ tín dụng nhân dân được xếp loại hoạt động từ mức trung bình trở lên, không bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt hoặc kiểm soát tăng cường, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo, công khai lãi suất và tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước mới được áp dụng mức lãi suất huy động trong khung ưu tiên nêu trên.

Việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2411/QĐ-NHNN theo hướng này hoàn toàn phù hợp với tinh thần của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 về phân loại và quản lý tổ chức tín dụng theo mức độ rủi ro, đồng thời tạo hành lang pháp lý rõ ràng để QTDND chủ động hơn trong hoạt động huy động vốn. Cơ chế lãi suất linh hoạt, có điều kiện không chỉ góp phần khắc phục tình trạng cạnh tranh không bình đẳng giữa QTDND và ngân hàng thương mại, mà còn hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật như chi lãi ngoài hợp đồng, qua đó nâng cao tính minh bạch và an toàn của hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND. Kiến nghị này không chỉ mang ý nghĩa hoàn thiện pháp luật về lãi suất, mà còn góp phần củng cố vai trò của QTDND trong việc cung ứng vốn cho khu vực nông thôn, thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương và thực hiện mục tiêu bao trùm tài chính theo định hướng của Nhà nước.

3.2.4. Chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ và hệ thống biểu mẫu nhận tiền gửi

Qua khảo sát thực tiễn hoạt động nhận tiền gửi tại các QTDND cho thấy, mặc dù mô hình này đã phát huy vai trò tích cực trong việc huy động nguồn vốn nhân rồi để phục vụ phát triển kinh tế địa phương, song vẫn tồn tại không ít bất cập trong hệ thống biểu mẫu giao dịch, quy trình nghiệp vụ và cơ chế kiểm soát nội bộ. Những bất cập này không chỉ tiềm ẩn nguy cơ xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, mà còn làm giảm hiệu quả công tác thanh tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động của QTDND. Trên cơ sở đó, việc rà soát, sửa đổi và hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành, đặc biệt là các văn bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành, là yêu cầu mang tính cấp thiết nhằm thiết lập khuôn khổ pháp lý thống nhất và nâng cao mức độ an toàn trong hoạt động nhận tiền gửi.

Trước hết, cần xem xét sửa đổi, bổ sung Thông tư số 48/2018/TT-NHNN theo hướng xây dựng hệ thống biểu mẫu thống nhất, áp dụng riêng cho khối QTDND. Theo đó, NHNN nên ban hành kèm theo Thông tư một phụ lục quy định bộ “mẫu chuẩn tối thiểu” đối với các loại giấy tờ như sổ tiết kiệm, thẻ tiết kiệm và hợp đồng tiền gửi do QTDND phát hành. Các mẫu này cần quy định cụ thể những nội dung bắt buộc, bao gồm: thông tin nhận dạng người gửi tiền; thông tin pháp lý của QTDND; kỳ hạn gửi, mức lãi suất áp dụng; chữ ký của các chủ thể có thẩm quyền; cùng với mã định danh giao dịch. Việc chuẩn hóa biểu mẫu là cần thiết trong bối cảnh hiện nay các QTDND được quyền tự thiết kế chứng từ giao dịch, dẫn đến sự thiếu đồng bộ về hình thức và nội dung, gây khó khăn cho người gửi tiền trong việc xác định giá trị pháp lý của sổ tiết kiệm, đồng thời làm gia tăng nguy cơ phát sinh hành vi giả mạo và gây trở ngại cho hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý.

Song song với đó, cần bổ sung các quy định liên quan đến giao dịch điện tử trong nội bộ QTDND nhằm tăng cường tính minh bạch và khả năng kiểm soát rủi ro. Cụ thể, pháp luật cần yêu cầu các QTDND bắt buộc triển khai hệ thống phần mềm nghiệp vụ có khả năng kết nối và cập nhật dữ liệu theo thời gian thực, bảo đảm mọi giao dịch nhận tiền gửi đều được ghi nhận kịp thời trên hệ thống kế toán. Mỗi giao dịch gửi tiền cần được hệ thống tự động cấp một mã tra cứu duy nhất, thể hiện dưới dạng mã vạch hoặc mã QR và in trực tiếp trên chứng từ giao dịch. Thông qua mã tra cứu này, người gửi tiền có thể kiểm tra thông tin về khoản tiền gửi của mình trên cổng thông tin điện tử do Ngân hàng Nhà nước hoặc Hiệp hội QTDND quản lý, qua đó góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch và phát huy vai trò giám sát của xã hội đối với hoạt động của QTDND.

Trên nền tảng hoàn thiện các quy định pháp luật nêu trên, việc chuẩn hóa đồng bộ hệ thống biểu mẫu và quy trình nhận tiền gửi tại các QTDND cần được triển khai dựa trên ba nội dung trọng tâm. Thứ nhất, đối với hợp đồng tiền gửi và sổ tiết kiệm, cần quy định bắt buộc áp dụng mã vạch hoặc mã QR mang tính định danh duy nhất cho từng khoản tiền gửi. Đồng thời, phôi sổ tiết kiệm nên được tổ chức in ấn tập trung bởi Ngân hàng Nhà nước hoặc đơn vị được ủy quyền nhằm hạn chế tối đa nguy cơ sử

dụng sổ ngoài hệ thống hoặc làm giả chứng từ, qua đó bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền.

Thứ hai, đối với quy trình nghiệp vụ, cần áp dụng thống nhất mô hình quy trình ba khâu, bao gồm: giao dịch viên tiếp nhận và nhập liệu hồ sơ; kiểm soát viên thực hiện việc kiểm tra và phê duyệt; thủ quỹ thực hiện thu tiền, quản lý tiền mặt và xác nhận giao dịch. Việc phân tách rõ ràng các khâu nghiệp vụ này nhằm phòng ngừa các hành vi thu tiền không đúng quy định, giữ tiền ngoài sổ sách hoặc không hạch toán giao dịch vào hệ thống kế toán, đồng thời nâng cao trách nhiệm cá nhân trong từng vị trí công tác.

Thứ ba, đối với chứng từ giao dịch, cần quy định bắt buộc biên nhận gửi tiền phải được in trực tiếp từ phần mềm nghiệp vụ của QTDND; tuyệt đối không cho phép sử dụng chứng từ viết tay dưới bất kỳ hình thức nào. Quy định này nhằm bảo đảm mọi giao dịch phát sinh đều được phản ánh đầy đủ, chính xác và kịp thời trên hệ thống kế toán, qua đó hạn chế rủi ro sai lệch số liệu và gian lận.

Bên cạnh đó, NHNN cần phối hợp với Ngân hàng Hợp tác xã xây dựng và ban hành “Cẩm nang quy trình nghiệp vụ chuẩn áp dụng cho QTDND”. Tài liệu này cần hướng dẫn chi tiết về việc lưu trữ, đối chiếu và kiểm soát các giao dịch tiền gửi. Theo đó, toàn bộ hồ sơ giao dịch bằng bản giấy phải được số hóa và lưu trữ ngay trong ngày phát sinh nhằm bảo đảm khả năng truy xuất khi cần thiết. Đồng thời, cần quy định nghĩa vụ của QTDND trong việc định kỳ tối thiểu sáu tháng một lần gửi thông báo số dư tiền gửi đến toàn bộ người gửi tiền thông qua tin nhắn SMS hoặc văn bản, qua đó thiết lập cơ chế đối chiếu độc lập và kịp thời phát hiện các sai sót có thể xảy ra.

Về dài hạn, việc chuẩn hóa hệ thống biểu mẫu và quy trình nghiệp vụ không chỉ góp phần hạn chế rủi ro pháp lý và rủi ro đạo đức trong hoạt động nhận tiền gửi, mà còn giúp QTDND tiết giảm chi phí tuân thủ thông qua việc ứng dụng công nghệ và tự động hóa. Quan trọng hơn, khi đó mỗi cuốn sổ tiết kiệm sẽ thực sự trở thành một “chứng thư pháp lý” có giá trị bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, qua đó củng cố niềm tin của người dân đối với hệ thống QTDND và góp phần bảo đảm an toàn tài chính tại khu vực nông thôn.

3.2.5. Tăng cường quy định về bảo vệ người gửi tiền

Trên cơ sở đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật về BHTG tại các QTDND, đặc biệt trong bối cảnh rủi ro thanh khoản và nguy cơ mất khả năng chi trả có xu hướng gia tăng tại khu vực nông nghiệp, nông thôn, việc sửa đổi, bổ sung Luật BHTG năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành là yêu cầu cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, đồng thời tăng cường kỷ luật thị trường đối với các tổ chức tham gia BHTG.

Thứ nhất, đối với kiến nghị cụ thể hóa cơ chế chi trả tiền bảo hiểm sớm trong giai đoạn kiểm soát đặc biệt, việc xác định rõ các điều kiện kích hoạt chi trả sớm là yêu cầu mang tính tất yếu nhằm bảo đảm hiệu lực thực thi của Luật Bảo hiểm tiền gửi 2025. Trên thực tế, tại các địa bàn nông thôn như tỉnh Lâm Đồng, người gửi tiền chủ yếu là hộ gia đình sản xuất nông nghiệp, có mức độ phụ thuộc cao vào dòng tiền gửi ngắn hạn phục vụ tái đầu tư sau mỗi vụ mùa. Khi QTDND bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, nếu không có cơ chế chi trả kịp thời, tâm lý lo ngại và hiệu ứng lan truyền có thể nhanh chóng phát sinh, làm gia tăng rủi ro mất ổn định tài chính và trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, việc quy định rõ tiêu chí như “mất khả năng chi trả” hoặc “cần thiết để bảo đảm an ninh trật tự” không chỉ giúp tổ chức BHTG có cơ sở pháp lý chủ động can thiệp, mà còn góp phần chuyển hóa vai trò của BHTG từ cơ chế xử lý hậu quả sang công cụ phòng ngừa rủi ro mang tính chủ động.

Thứ hai, đối với kiến nghị áp dụng hệ thống phí bảo hiểm tiền gửi phân biệt theo mức độ rủi ro, việc duy trì mức phí cào bằng trong thời gian dài đã bộc lộ những hạn chế nhất định, đặc biệt là chưa phản ánh đúng mức độ an toàn trong hoạt động của từng QTDND. Trong bối cảnh Luật BHTG và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 đều nhấn mạnh yêu cầu nâng cao kỷ luật thị trường và trách nhiệm quản trị rủi ro, việc thiết kế khung phí lũy tiến dựa trên các chỉ tiêu tài chính cốt lõi như tỷ lệ an toàn vốn, chất lượng tín dụng và kết quả xếp loại là hoàn toàn phù hợp. Cơ chế này vừa tạo động lực kinh tế để các QTDND hoạt động lành mạnh được giảm chi phí, vừa hình thành sức ép điều chỉnh đối với các Quỹ có mức độ rủi ro cao, qua đó góp phần nâng cao an toàn chung của hệ thống tín dụng hợp tác mà không cần gia tăng can thiệp hành chính.

Thứ ba, đối với kiến nghị điều chỉnh hạn mức chi trả tiền bảo hiểm lên mức 200.000.000 đồng, đề xuất này xuất phát từ yêu cầu bảo đảm tính tương xứng giữa hạn mức bảo hiểm và quy mô tích lũy thực tế của người gửi tiền trong điều kiện phát triển kinh tế – xã hội hiện nay. So với thời điểm ban hành Quyết định số 32/2021/QĐ-TTg, mức thu nhập, giá trị sản xuất nông nghiệp và chi phí đầu tư của hộ gia đình tại Lâm Đồng đã có sự gia tăng đáng kể, đặc biệt trong các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao như cà phê, sầu riêng, rau hoa. Về phương diện kinh tế, hạn mức 125.000.000 đồng được ban hành từ năm 2021 đến nay đã chịu tác động đáng kể của lạm phát và tăng trưởng quy mô tích lũy của người dân. Trong khi đó, theo các nguyên tắc cốt lõi về bảo hiểm tiền gửi hiệu quả của Hiệp hội Bảo hiểm tiền gửi quốc tế (IADI), hạn mức chi trả cần bảo đảm bao phủ toàn bộ từ 90% đến 95% số lượng người gửi tiền. Thực tiễn tại các QTDND trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng cho thấy, giá trị tiền gửi của các hộ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực cà phê, sầu riêng và nông nghiệp công nghệ cao, thường vượt xa mức 125.000.000 đồng. Việc nâng hạn mức lên 200.000.000 đồng giúp tái lập tỷ lệ bao phủ khoảng 95% số lượng tài khoản tiền gửi, qua đó bảo đảm mục tiêu an sinh tài chính mà không làm gia tăng quá mức nghĩa vụ chi trả của tổ chức BHTG. Luật Bảo hiểm tiền gửi 2025 không ấn định cứng hạn mức chi trả mà giao Chính phủ quyết định trên cơ sở điều kiện kinh tế – xã hội từng thời kỳ. Cách tiếp cận này thể hiện rõ sự chuyển dịch từ tư duy “bảo hiểm mang tính danh nghĩa” sang tư duy “bảo vệ giá trị thực của khoản tiền gửi”. Do đó, việc điều chỉnh hạn mức không đòi hỏi sửa đổi Luật mà hoàn toàn có thể thực hiện thông qua một Quyết định mới của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm tính linh hoạt và phù hợp với biến động kinh tế.

Về phương diện quản lý rủi ro hệ thống, mức 200.000.000 đồng vẫn được đánh giá là thận trọng, bởi không nhằm bảo vệ toàn bộ giá trị tài sản của người gửi tiền, mà chỉ bảo vệ phần cốt lõi mang tính vốn sản xuất và sinh kế. Cách tiếp cận này phù hợp với nguyên tắc không tạo ra rủi ro đạo đức, đồng thời đủ mạnh để ngăn chặn tâm lý hoang mang và hiện tượng rút tiền hàng loạt khi phát sinh sự cố tại QTDND.

Thứ tư, kiến nghị rút ngắn thời hạn chi trả tiền bảo hiểm xuống 30 ngày. Trong quản trị rủi ro ngân hàng, yếu tố thời gian giữ vai trò then chốt trong việc ngăn chặn

hiệu ứng lan truyền và sự đổ vỡ mang tính dây chuyền của hệ thống tài chính. Đối với người gửi tiền, đặc biệt là các hộ gia đình sản xuất nông nghiệp, khả năng tiếp cận kịp thời nguồn vốn gửi tại tổ chức tín dụng khi rủi ro xảy ra chính là cơ chế bảo vệ hiệu quả nhất, có ý nghĩa trực tiếp đối với ổn định sinh kế và niềm tin vào hệ thống tài chính cơ sở. So sánh giữa các giai đoạn lập pháp cho thấy, pháp luật về bảo hiểm tiền gửi đã có những bước tiến đáng kể nhưng vẫn còn dư địa để tiếp tục hoàn thiện. Theo Luật BHTG năm 2012, thời hạn chi trả lên tới 60 ngày kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ được đánh giá là chưa phù hợp với thực tiễn, bởi khoảng thời gian này khiến dòng vốn của người gửi tiền bị gián đoạn kéo dài. Đối với địa bàn nông thôn như tỉnh Lâm Đồng, nơi hoạt động sản xuất nông nghiệp mang tính mùa vụ rõ nét, sự chậm trễ trong chi trả không chỉ làm gián đoạn kế hoạch tái đầu tư mà còn dễ làm phát sinh tâm lý hoài nghi, bất ổn trong cộng đồng dân cư.

Luật Bảo hiểm tiền gửi 2025 có hiệu lực từ ngày 01/05/2026 đã ghi nhận nỗ lực cải cách của cơ quan lập pháp khi rút ngắn thời hạn chi trả xuống còn 45 ngày. Tuy nhiên, trong bối cảnh yêu cầu bảo vệ người gửi tiền ngày càng cao và sự phát triển nhanh chóng của hạ tầng công nghệ ngân hàng, mốc thời gian này vẫn mang tính an toàn thủ tục hơn là phản ánh đầy đủ khả năng thực thi trên thực tế. Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu lộ trình rút ngắn thời hạn chi trả xuống còn 30 ngày là đề xuất có cơ sở cả về pháp lý lẫn thực tiễn. Về phương diện pháp lý, Luật Các tổ chức tín dụng 2024 đã thiết lập cơ chế can thiệp sớm, theo đó các tổ chức tín dụng có dấu hiệu rủi ro phải chủ động xây dựng phương án phục hồi, đồng thời chịu sự giám sát chặt chẽ và minh bạch hóa dữ liệu tài chính. Cơ chế này cho phép tổ chức bảo hiểm tiền gửi tiếp cận, rà soát và chuẩn hóa dữ liệu người gửi tiền ngay từ giai đoạn trước khi phát sinh nghĩa vụ chi trả, thay vì chỉ bắt đầu thu thập thông tin sau khi tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản. Nhờ đó, khi nghĩa vụ chi trả chính thức phát sinh, phần lớn công việc đối soát đã được thực hiện từ trước, giúp rút ngắn đáng kể thời gian xử lý.

Về phương diện kỹ thuật, sự phát triển của hạ tầng công nghệ ngân hàng, đặc biệt là hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng và cơ chế quyết toán tập trung thông qua Ngân hàng Hợp tác xã, đã tạo điều kiện để việc chuyển tiền được thực hiện nhanh chóng, chính xác và an toàn. Trong điều kiện dữ liệu người gửi tiền được chuẩn hóa

và cập nhật thường xuyên, việc hoàn tất chi trả cho số lượng lớn thành viên QTDND trong vòng 30 ngày là hoàn toàn khả thi, không còn phụ thuộc vào các khâu kiểm kê thủ công kéo dài như trước đây.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, tại nhiều quốc gia có hệ thống bảo hiểm tiền gửi phát triển, thời hạn chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền được quy định ở mức rất ngắn, chủ yếu nhằm nhanh chóng ổn định tâm lý thị trường và ngăn chặn rủi ro lan truyền. Điển hình, tại Hoa Kỳ, Cơ quan Bảo hiểm tiền gửi Liên bang (FDIC) thực hiện chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền trong vòng từ 1 đến 3 ngày làm việc kể từ khi ngân hàng bị đóng cửa. Tại Liên minh châu Âu (EU), Chỉ thị 2014/49/EU về hệ thống bảo hiểm tiền gửi quy định thời hạn chi trả tối đa là 7 ngày làm việc. Tương tự, tại Nhật Bản và Hàn Quốc, cơ chế bảo hiểm tiền gửi cũng được thiết kế theo hướng chi trả nhanh, thông thường trong khoảng từ 7 đến 14 ngày làm việc, trên cơ sở dữ liệu tiền gửi đã được chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên.^[4]

So với các chuẩn mực nêu trên, việc kiến nghị rút ngắn thời hạn chi trả tiền bảo hiểm tại Việt Nam xuống còn 30 ngày không phải là yêu cầu mang tính đột phá vượt quá năng lực thực thi, mà là bước đi thận trọng, phù hợp với điều kiện hạ tầng công nghệ và trình độ quản trị hiện nay, đồng thời tạo áp lực cải cách tích cực để hệ thống bảo hiểm tiền gửi từng bước tiệm cận thông lệ quốc tế.

[4] Federal Deposit Insurance Corporation (FDIC), Deposit Insurance and Resolution Handbook, United States.

Directive 2014/49/EU of the European Parliament and of the Council of 16 April 2014 on deposit guarantee schemes.

International Association of Deposit Insurers (IADI), Core Principles for Effective Deposit Insurance Systems, Basel, 2014 (updated 2023).

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Trên cơ sở phân tích thực tiễn thi hành pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại các QTDND trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong Chương 2, Chương 3 của đề án đã tập trung làm rõ định hướng và các kiến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm khắc phục những bất cập, hạn chế đang tồn tại, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người gửi tiền.

Trước hết, đề án đã xác định việc hoàn thiện pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND cần được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển hệ thống tín dụng hợp tác, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất giữa Luật Các tổ chức tín dụng, pháp luật về BHTG và các văn bản hướng dẫn thi hành của NHNN. Việc hoàn thiện này không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu an toàn hệ thống tài chính, mà còn phải phù hợp với đặc thù kinh tế – xã hội của khu vực nông nghiệp, nông thôn, nơi QTDND giữ vai trò là kênh cung ứng vốn quan trọng cho người dân và doanh nghiệp nhỏ.

Trên cơ sở đó, đề án đã đề xuất các kiến nghị cụ thể theo bốn nhóm vấn đề trọng tâm. Thứ nhất, kiến nghị sửa đổi các quy định về điều kiện thành viên theo hướng linh hoạt hơn trong việc chứng minh hoạt động kinh tế và đơn giản hóa cơ chế đại diện hộ gia đình, qua đó mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính chính thức cho người dân nông thôn, nhưng vẫn bảo đảm nguyên tắc an toàn và bản chất cộng đồng của mô hình tín dụng hợp tác. Thứ hai, đề án kiến nghị bổ sung và hoàn thiện quy định về lãi suất tiền gửi theo hướng thiết kế cơ chế lãi suất riêng đối với QTDND, khắc phục tình trạng cạnh tranh bất bình đẳng với các ngân hàng thương mại và tạo điều kiện để các quỹ chủ động hơn trong hoạt động huy động vốn hợp pháp, ổn định.

Thứ ba, đề án đề xuất chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ và hệ thống biểu mẫu nhận tiền gửi thông qua việc sửa đổi Thông tư số 48/2018/TT-NHNN và ban hành các hướng dẫn nghiệp vụ thống nhất, nhằm nâng cao tính minh bạch, phòng ngừa rủi ro giả mạo chứng từ, thất thoát tiền gửi và tăng cường hiệu quả giám sát của cơ quan quản lý nhà nước. Thứ tư, trên cơ sở đánh giá vai trò của BHTG trong việc bảo vệ người gửi tiền và ổn định tâm lý thị trường, đề án kiến nghị sửa đổi, bổ sung Luật BHTG năm 2012 theo hướng rút ngắn thời gian chi trả, áp dụng cơ chế phí bảo hiểm dựa trên rủi ro và điều chỉnh hạn mức BHTG theo lộ trình phù hợp với thực tiễn phát

triển kinh tế – xã hội, đặc biệt tại các vùng nông nghiệp trọng điểm như tỉnh Lâm Đồng.

Nhìn chung, các kiến nghị hoàn thiện pháp luật được đề xuất trong Chương 3 đều xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, có cơ sở pháp lý rõ ràng và phù hợp với định hướng đổi mới quản lý hoạt động của hệ thống QTDND theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động nhận tiền gửi, tăng cường bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, mà còn củng cố niềm tin của người dân đối với hệ thống tín dụng hợp tác, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội bền vững tại tỉnh Lâm Đồng nói riêng và khu vực nông thôn nói chung.

KẾT LUẬN

Hoạt động nhận tiền gửi giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong mô hình tổ chức và hoạt động của QTDND, vừa là nguồn vốn chủ yếu để thực hiện chức năng cấp tín dụng cho thành viên, vừa là yếu tố cốt lõi bảo đảm sự tồn tại và phát triển bền vững của hệ thống tín dụng hợp tác. Trong bối cảnh đổi mới khuôn khổ pháp luật về tổ chức tín dụng, đặc biệt với việc ban hành Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, việc nghiên cứu, đánh giá và hoàn thiện pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND có ý nghĩa thiết thực cả về mặt lý luận và thực tiễn.

Thông qua việc nghiên cứu các quy định pháp luật hiện hành và phân tích thực tiễn thi hành tại các QTDND trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, đề án đã chỉ ra rằng khuôn khổ pháp luật điều chỉnh hoạt động nhận tiền gửi về cơ bản đã được xây dựng tương đối đầy đủ, tạo hành lang pháp lý cho các QTDND triển khai hoạt động huy động vốn một cách hợp pháp, góp phần bảo đảm an toàn hệ thống và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người gửi tiền. Tuy nhiên, trước sự phát triển nhanh của kinh tế – xã hội, đặc thù của địa bàn nông nghiệp trọng điểm và yêu cầu nâng cao năng lực quản trị rủi ro, một số quy định pháp luật vẫn bộc lộ những hạn chế, bất cập nhất định.

Thực tiễn tại tỉnh Lâm Đồng cho thấy các QTDND vẫn gặp khó khăn trong việc mở rộng đối tượng nhận tiền gửi do quy định chặt chẽ về điều kiện thành viên; cơ chế lãi suất tiền gửi chưa phản ánh đầy đủ đặc thù hoạt động của mô hình tín dụng hợp tác; quy trình, biểu mẫu nghiệp vụ nhận tiền gửi chưa được chuẩn hóa thống nhất, tiềm ẩn rủi ro pháp lý và nguy cơ xâm hại quyền lợi người gửi tiền; đồng thời, vai trò bảo vệ của BHTG trong một số trường hợp chưa thực sự phát huy hiệu quả như kỳ vọng. Những tồn tại này, nếu không được kịp thời khắc phục, có thể ảnh hưởng đến niềm tin của người dân và sự an toàn, ổn định của hệ thống QTDND.

Trên cơ sở đó, đề án đã đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND theo hướng đồng bộ, khả thi và phù hợp với thực tiễn. Các kiến nghị tập trung vào việc sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện thành viên; hoàn thiện cơ chế lãi suất tiền gửi theo hướng linh hoạt, có tính đến đặc thù của QTDND; chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ và hệ thống biểu mẫu nhận tiền gửi nhằm tăng cường tính minh bạch, phòng ngừa rủi ro; đồng thời hoàn thiện pháp luật về

BHTG, trong đó có việc điều chỉnh hạn mức chi trả theo lộ trình phù hợp với mức sống và quy mô tiền gửi thực tế của người dân tại các vùng nông nghiệp trọng điểm như tỉnh Lâm Đồng.

Có thể khẳng định rằng, việc hoàn thiện pháp luật về hoạt động nhận tiền gửi tại QTDND không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng, mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc củng cố niềm tin của người gửi tiền, thúc đẩy huy động nguồn lực tài chính trong dân cư, phục vụ phát triển kinh tế – xã hội bền vững ở khu vực nông thôn. Trong thời gian tới, cùng với sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật và việc tăng cường năng lực quản trị nội bộ của các QTDND, hoạt động nhận tiền gửi tại các QTDND trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng nói riêng và cả nước nói chung sẽ ngày càng đi vào ổn định, an toàn và phát triển đúng với bản chất của mô hình tín dụng hợp tác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Văn bản quy phạm pháp luật

- 1/ Quốc hội (2010), Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Hà Nội.
- 2/ Quốc hội (2010), Luật Các tổ chức tín dụng, Hà Nội.
- 3/ Quốc hội (2012), Luật Bảo hiểm tiền gửi, Hà Nội.
- 4/ Quốc hội (2024), Luật Các tổ chức tín dụng, Hà Nội.
- 5/ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2017), Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/09/2017 quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng, Hà Nội.
- 6/ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2018), Thông tư số 48/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về tiền gửi tiết kiệm, Hà Nội.
- 7/ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2018), Thông tư số 49/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về tiền gửi có kỳ hạn, Hà Nội.
- 8/ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2019), Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019 quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, Hà Nội.
- 9/ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2024), Thông tư số 29/2024/TT-NHNN ngày 28/06/2024 quy định về Quỹ tín dụng nhân dân, Hà Nội.
- 10/ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2024), Thông tư số 48/2024/TT-NHNN quy định về việc áp dụng lãi suất đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam
- 11/ Chính phủ (2013), Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 28/06/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật bảo hiểm tiền gửi, Hà Nội.
- 12/ Thủ tướng chính phủ (2021), Quyết định số 32/2021/QĐ-TTg ngày 20/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về hạn mức trả tiền bảo hiểm tiền gửi, Hà Nội.
- 13/ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2024), Quyết định số 2411/QĐ-NHNN ngày 01/11/2024 quy định về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam

II. Sách, giáo trình, tài liệu nghiên cứu

- 1/ Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), Giáo trình Luật Ngân hàng, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

2/ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2019), Giáo trình Tài chính – Ngân hàng, Nxb. Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

3/ Lê Thị Thu Thủy (2018), Pháp luật về hoạt động của các tổ chức tín dụng hợp tác ở Việt Nam, Tạp chí Luật học, số 6/2018.

4/ Phạm Duy Nghĩa (2020), Bảo vệ người gửi tiền trong hệ thống tài chính, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 15/2020.

III. Luận văn, luận án, đề tài khoa học

1/ Nguyễn Thị Hồng Nhung (2019), Pháp luật về bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

2/ Trần Văn Hùng (2020), Pháp luật về hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân, Luận văn Thạc sĩ Luật Kinh tế, Học viện Ngân hàng.

3/ Phạm Thị Lan Anh (2022), Hoàn thiện pháp luật về huy động vốn của tổ chức tín dụng, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

IV. Báo cáo, tài liệu thực tiễn

1/ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh khu vực 10 (2025), Báo cáo hội nghị chuyên đề “Mục tiêu hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã”, Khánh Hòa.

2/ Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân Việt Nam (2025), Báo cáo tình hình hoạt động hệ thống QTDND, Hà Nội.

PHỤ LỤC 1



DANH SÁCH UBND XÃ, PHƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG CÓ TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG CỦA QTDND

STT	UBND xã/phường	Tên QTDND
1	Xã Đức Lập	QTDND Thị Trấn Đăk Mil
2	Phường Bắc Gia Nghĩa	QTDND Đăk Nông
3	Xã Quảng Tín	QTDND Thành Đức
4	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	QTDND Xuân Trường
5	Xã Di Linh	QTDND Di Linh
		QTDND Liên Đầm
		QTDND Tân Châu
6	Xã Bảo Lâm 2	QTDND Lộc An
7	Xã Đức Trọng	QTDND Liên Nghĩa
8	Phường 1 Bảo Lộc	QTDND Lộc Thanh
		QTDND Lộc Phát
9	Phường B'Lao	QTDND Lộc Sơn
		QTDND B'Lao
10	Phường Lâm Viên -Đà Lạt	QTDND Phường 12
		QTDND Liên Phường
11	Phường 2 Bảo Lộc	QTDND Phường II
12	Xã Bảo Thuận	QTDND Đình Lạc
13	Xã Đình Văn Lâm Hà	QTDND Bình Thạnh
14	Xã Hiệp Thạnh	QTDND Liên Hiệp
15	Xã Gia Hiệp	QTDND Gia Hiệp
16	Xã Tân Hội	QTDND Tân Hội
17	Xã Bảo Lâm 1	QTDND Lộc Thắng
		QTDND Lộc Ngãi
18	Phường 3 Bảo Lộc	QTDND Lộc Tiến
		QTDND Lộc Châu
19	Xã Tân Hà Lâm Hà	QTDND Tân Hà
20	Xã Nam Ban Lâm Hà	QTDND Nam Ban
21	Xã Bảo Lâm 3	QTDND Lộc Nam

22	Xã Phan Rí Cửa	QTDND Chí Công
23	Xã Hàm Tân	QTDND Tân Xuân
24	Phường Phước Hội	QTDND La Gi
25	Xã Hàm Thuận Nam	QTDND Hàm Minh
26	Xã Nghị Đức	QTDND Nghị Đức
27	Phường Phú Thủy	QTDND Liên phường Phú Bình
28	Phường Bình Thuận	QTDND Hàm Hiệp
29	Xã Tánh Linh	QTDND Lạc Tánh
30	Phường Phan Thiết	QTDND Đức Nghĩa
31	Xã Hoài Đức	QTDND Đức Tài
		QTDND Đức Hạnh
32	Xã Liên Hương	QTDND Phước Thê
		QTDND Liên Hương
33	Xã Bắc Bình	QTDND Chợ Lầu
		QTDND Phan Rí Thành
34	Xã Đức Linh	QTDND Võ Xu
		QTDND Vũ Hòa
35	Phường Hàm Thắng	QTDND Hàm Thắng
		QTDND Hàm Nhơn
36	Xã Nam Thành	QTDND Mé Pu
		QTDND Sùng Nhơn
		QTDND Đa Kai
37	Xã Hàm Thuận	QTDND Thuận Đức
		QTDND Ma Lâm
		QTDND Hàm Chính

PHỤ LỤC 2: BẢNG SO SÁNH CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Nội dung so sánh	Luật BHTG năm 2012	Luật BHTG năm 2025	Đề xuất của đề án
Thời điểm chi trả	Khi TCTD phá sản hoặc mất khả năng chi trả sau khi chấm dứt KSDB.	Cho phép chi trả sớm ngay trong giai đoạn Kiểm soát đặc biệt	Cụ thể hóa "điểm kích hoạt" chi trả ngay khi Ban KSDB xác nhận mất thanh khoản.
Thời hạn chi trả	60 ngày	45 ngày	30 ngày
Hạn mức chi trả	125 triệu đồng (QĐ 32/2021)	Tiếp tục áp dụng theo Quyết định của Thủ tướng	Nâng lên 200 triệu đồng
Cách tính phí BHTG	Mức phí đồng nhất (0,15%)	Chưa quy định cụ thể phí phân biệt	Phí phân biệt theo rủi ro (Risk-based) dựa trên CAR và nợ xấu.

PHỤ LỤC 3

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH KHU VỰC 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO HỘI NGHỊ

Chuyên đề “Mục tiêu hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã”

Theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, tại khoản 30 Điều 4 quy định “*Quỹ tín dụng nhân dân* là tổ chức tín dụng do pháp nhân, cá nhân, hộ gia đình tự nguyện thành lập dưới hình thức hợp tác xã để thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ nhau phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống”. Hệ thống quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) hoạt động với mục tiêu cốt lõi là huy động nguồn lực trong cộng đồng để tương trợ lẫn nhau giữa các thành viên, đặc biệt tại khu vực nông thôn - nơi người dân còn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận dịch vụ tài chính. QTDND hoạt động dựa trên nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, cùng góp vốn, cùng quản lý và cùng hưởng lợi theo mô hình hợp tác xã.

Với mục tiêu hoạt động như vậy, các Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) trên địa bàn Khu vực 10 đã cơ bản phát triển theo mục tiêu, tôn chỉ của loại hình tổ chức tín dụng là hợp tác xã (HTX); có cơ cấu tổ chức, năng lực tài chính, năng lực quản trị, điều hành, kiểm soát, bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả, ổn định và bền vững, đáp ứng nhu cầu về vốn cho các thành viên QTDND, góp phần thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn, hạn chế cho vay nặng lãi, đảm bảo an sinh xã hội và xóa đói, giảm nghèo tại địa phương.

Trên cơ sở hoạt động của các QTDND, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 10 (NHNN KV10) đánh giá việc thực hiện mục tiêu tương trợ giữa các thành viên của QTDND trên địa bàn như sau:

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC QTDND TRÊN ĐỊA BÀN

NHNN KV10 được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-NHNN ngày 24/02/2025 của Thống đốc NHNN Việt Nam về thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN chi nhánh Khu vực 10, trên cơ sở hợp nhất Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh: Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận và quản lý 63 QTDND.

Ngày 16/6/2025, Thống đốc NHNN Việt Nam đã ban hành Quyết định số 2310/QĐ-NHNN về việc sửa đổi Quyết định số 310/QĐ-NHNN ngày 24/02/2025 của Thống đốc NHNN Việt Nam về thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN chi nhánh Khu vực 10, theo đó quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối trên địa bàn các tỉnh: Khánh Hòa và Lâm Đồng.

Như vậy, hiện nay NHNN Khu vực 10 quản lý, giám sát hoạt động của 60 QTDND trên địa bàn 02 tỉnh Khánh Hòa (07 QTDND) và Lâm Đồng (53 QTDND).

II. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ HỢP TÁC XÃ

1. Quy mô hoạt động

1.1. Về thành viên

- Tổng số thành viên đến 31/8/2025 là 124.348 người, tăng 5% so với năm 2024. Thành viên QTDND chủ yếu là thành viên cá nhân (chiếm tỷ lệ 95%, thành viên hộ gia đình chiếm 5%, thành viên pháp nhân chỉ chiếm 0,02%).

- Số liệu tỷ lệ vốn góp của thành viên góp vốn từ 5% trở lên, thành viên góp vốn từ 1% trở lên:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	31/8/2025
	Tổng số thành viên (người)	124.953	118.163	124.348
1	Số thành viên góp vốn $\geq$ 5% vốn điều lệ (người)	166	151	189
	Tỷ lệ tổng vốn góp của nhóm thành viên nêu trên/Vốn điều lệ (%)	15%	14%	15%
2	Số thành viên góp vốn $\geq$ 1% vốn điều lệ (người)	1.865	1.838	1.858
	Tỷ lệ tổng vốn góp của nhóm thành viên nêu trên/Vốn điều lệ (%)	54%	58%	58%

- Thành viên có quan hệ giao dịch với QTDND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	31/8/2025
	Tổng số thành viên (người)	124.953	118.163	124.348
1	Số thành viên vay vốn (người)	40.396	38.538	35.900
	Tỷ lệ /Tổng số thành viên (%)	32%	33%	29%
2	Số thành viên gửi tiền (người)	22.785	23.231	21.752
	Tỷ lệ /Tổng số thành viên (%)	18%	20%	17%
3	Số lượt thành viên sử dụng dịch vụ chuyển tiền CF-Ebank (người)	26.830	29.445	19.893
	Tỷ lệ /Tổng số thành viên (%)	21%	25%	16%

Nhận xét:

Đến 31/8/2025, số lượng thành viên các hệ thống QTDND trên địa bàn là 124.348 người, tăng 5% so với năm 2024 và giảm 0,5% so với năm 2023, trong đó tỷ lệ vốn góp của các thành viên có vốn góp trên 5% chiếm tỷ lệ 15% và tỷ lệ vốn góp của các thành viên có vốn góp trên 1% chiếm tỷ lệ 58%.

Mặc dù các QTDND có số lượng thành viên lớn, tuy nhiên số lượng thành viên vay vốn chỉ chiếm tỷ lệ 29-33% trong giai đoạn 2023 – 2025, số lượng thành viên gửi

tiền chiếm tỷ lệ thấp hơn là 17-20% trong giai đoạn 2023 – 2025. Số lượt thành viên sử dụng dịch vụ chuyển tiền CF – Ebank có xu hướng tăng từ 21% năm 2023 lên 25% năm 2024 và đạt 16% trong 8 tháng đầu năm 2025.

1.2. Vốn huy động

- Huy động vốn từ tiền gửi tiết kiệm của 59 QTDND đến 31/8/2025 là 16.437 tỷ đồng, tăng 7,9% so với năm 2024 và tăng 17% so với năm 2023. Trong đó tiền gửi tiết kiệm trong thành viên là 11.680 tỷ đồng, chiếm 71%, tập trung vào tiền gửi tiết kiệm các kỳ hạn từ 6 tháng trở lên là 13.188 tỷ đồng, chiếm 80%.

- Vay ngân hàng Hợp tác xã đến 31/8/2025 là 89 tỷ đồng, chiếm 0,5% tổng số vốn huy động, giảm 61% so với năm 2024 và giảm 56% so với năm 2023, có 11/59 QTDND đang vay vốn Ngân hàng Hợp tác xã, 48/59 QTDND không vay Ngân hàng Hợp tác xã. Bên cạnh đó, 59/59 QTDND gửi vốn điều hòa tại NH Hợp tác xã, không có QTDND có số dư tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác.

Nhìn chung, huy động vốn từ tiền gửi tiết kiệm tăng trong giai đoạn 2023 – 2025 và giảm vay vốn từ Ngân hàng HTX, cho thấy uy tín của hệ thống QTDND trong việc huy động tiền nhân rộng trong dân cư tăng, giúp các QTDND chủ động nguồn vốn hoạt động, giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn vay.

1.3. Về cho vay

Dư nợ cho vay đến 31/8/2025 là 13.059 tỷ đồng, giảm 1,4% so với năm 2024 và tăng 4,7% so với năm 2023. Trong đó:

- Dư nợ cho vay thành viên là 13.040 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 99,9%/tổng dư nợ cho vay.

- Dư nợ cho vay ngắn hạn là 12.060 tỷ đồng, chiếm 92% tổng dư nợ, dư nợ cho vay trung, dài hạn là 999 tỷ đồng, chiếm 8% tổng dư nợ.

- Phân theo mục đích vay: Dư nợ cho vay phục vụ sản xuất, kinh doanh là 12.131 tỷ đồng, chiếm 93% tổng dư nợ, giai đoạn năm 2023-2025 tỷ lệ này lần lượt là 90%, 92%, 93%.

- Phân theo ngành kinh tế: Dư nợ cho vay lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản là 9.925 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 76%, dư nợ cho vay lĩnh vực công nghiệp, xây dựng là 914 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 7%, dư nợ cho vay lĩnh vực thương mại, dịch vụ, tiêu dùng là 2.220 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 17% tổng dư nợ.

- Dư nợ cho vay bình quân trên một khách hàng của hệ thống QTDND trên địa bàn là 364 trđ, trong đó QTDND cho vay cao nhất là 1.049 trđ/thành viên, QTDND cho vay thấp nhất là 47 trđ/thành viên.

- Dư nợ cho vay có tài sản bảo đảm là 12.275 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 94%, tỷ lệ cho vay không có TSBĐ là 6%.

Nhận xét: Nhìn chung, năm 2025 hệ thống QTDND trên địa bàn gặp nhiều khó khăn trong việc tăng trưởng tín dụng trong khi huy động vốn từ tiền gửi tiết kiệm tăng,

dẫn đến các QTDND tăng tiền gửi vào Ngân hàng HTX 38,6% so với năm 2024 và tăng 62,7% so với năm 2023.

Dư nợ tín dụng của hệ thống QTDND chủ yếu là cho vay thành viên (99,8%), tập trung vào cho vay ngắn hạn phục vụ sản xuất, kinh doanh (93%), phần lớn là cho vay lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản (76%), phù hợp với chủ trương phát triển mô hình tổ chức tín dụng là hợp tác xã.

Việc cho vay có tài sản bảo đảm chiếm 94% tổng dư nợ giúp giảm thiểu rủi ro trong hoạt động tín dụng, tuy nhiên chưa đảm bảo nguyên tắc hoạt động của mô hình QTDND là gần gũi, hiểu biết và hỗ trợ thành viên.

1.4. Số liệu lãi suất bình quân

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	31/8/2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm			
1.1	Lãi suất bình quân các kỳ hạn dưới 6 tháng			
	Lãi suất trung bình	4%	3,3%	3,2%
	Lãi suất thấp nhất	2,3%	0,7%	0,5%
	Lãi suất cao nhất	7,8%	5,5%	5,4%
1.2	Lãi suất bình quân các kỳ hạn từ 6 tháng trở lên			
	Lãi suất trung bình	6,9%	5,2%	5,1%
	Lãi suất thấp nhất	3,2%	3,9%	3,9%
	Lãi suất cao nhất	9,3%	8,2%	7,8%
2	Lãi suất cho vay điều hòa vốn của NH HTX	7,5%	6,4%	5,9%
3	Lãi suất cho vay			
3.1	Ngắn hạn			
	Lãi suất trung bình	12,2%	10,8%	10,4%
	Lãi suất thấp nhất	9,8%	8,8%	8,6%
	Lãi suất cao nhất	14,8%	14,6%	13,2%
3.2	Trung, dài hạn			
	Lãi suất trung bình	13%	11,7%	11,5%
	Lãi suất thấp nhất	11%	8,5%	8,8%
	Lãi suất cao nhất	16%	14,9%	14%

- Lãi suất cho vay bình quân trong thời kỳ 2023-2025 giao động từ 12,2% - 10,4% đối với cho vay ngắn hạn và từ 13% - 11,5% đối với cho vay trung, dài hạn. Lãi suất huy động và lãi suất cho vay có xu hướng giảm từ năm 2023 đến năm 2025, phù hợp với chỉ đạo của Chính phủ và NHNN trong việc tiết giảm chi phí nhằm giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ khách hàng phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Trong 8 tháng đầu năm 2025, lãi suất cho vay thỏa thuận ngắn hạn thấp nhất là 8,6%, cao nhất từ 13,2%; lãi suất cho vay trung, dài hạn thấp nhất là 8,8%; lãi suất cho vay trung, dài hạn cao nhất là từ 14%.

- Chênh lệch giữa lãi suất cho vay bình quân ngắn hạn và lãi suất huy động vốn bình quân (kỳ hạn từ 6 tháng trở lên) các năm trong giai đoạn 2023 - 2025 là: 5,3%, 5,6%, 5,3%.

- 23/59 QTDND áp dụng mức cộng thêm lãi suất tiền gửi tiết kiệm từ 0,1% - 0,5% đối với khách hàng là thành viên.

Nhìn chung, lãi suất cho vay của QTDND cao hơn lãi suất cho vay trung bình của toàn ngành trên địa bàn, chênh lệch lãi suất cho vay và huy động còn cao, chưa áp dụng cơ chế ưu đãi lãi suất huy động cho khách hàng là thành viên, điều này làm giảm khả năng cạnh tranh của hệ thống QTDND so với các loại hình TCTD khác, chưa thể hiện vai trò tương trợ, hỗ trợ thành viên.

1.5. Mức độ tập trung tín dụng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	31/8/2025
1	Tỷ lệ Dư nợ cho vay từ 300 trở đến dưới 400 trở			
	Mức bình quân	10%	10%	9%
	Mức cao nhất	76%	73%	74%
	Mức thấp nhất	0%	0%	0%
2	Tỷ lệ Dư nợ cho vay từ 400 trở đến dưới 500 trở			
	Mức bình quân	8%	8%	7%
	Mức cao nhất	37%	35%	28%
	Mức thấp nhất	0%	0%	0%
3	Tỷ lệ Dư nợ cho vay từ 500 trở đến dưới 800 trở			
	Mức bình quân	17%	16%	15%
	Mức cao nhất	43%	42%	44%
	Mức thấp nhất	0%	0%	0%
4	Tỷ lệ Dư nợ cho vay trên 800 trở			
	Mức bình quân	45%	51%	53%
	Mức cao nhất	69%	76%	77%
	Mức thấp nhất	0%	0%	0%

Nhìn chung, hệ thống QTDND trên địa bàn cho vay khách hàng có dư nợ từ 300 trở đến dưới 800 trở chiếm tỷ lệ bình quân 35% năm 2023 giảm xuống 31% đến 30/6/2025, trong khi cho vay khách hàng có dư nợ từ 800 trở chiếm tỷ lệ bình quân từ 45% năm 2023 tăng lên 53% đến 30/6/2025. Trong đó, QTDND cho vay khách hàng có dư nợ trên 800 trở chiếm tỷ lệ lớn nhất là 77%.

Việc tập trung cho vay khách hàng có dư nợ trên 800 trđ (chiếm tỷ lệ bình quân tại thời điểm 31/8/2025 là 53%) cho thấy các QTDND chưa ưu tiên cho vay các món nhỏ, lẻ, phân khúc tài chính vi mô, vốn là lợi thế của mô hình QTDND.

2. Các chỉ tiêu về tình hình tài chính

- Các tỷ lệ sinh lời

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	31/8/2025
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên tổng nguồn vốn	1,52%	1,6%	1,2%%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ	47,4%	47,5%	37,3%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên dư nợ cho vay	1,94%	2,07%	1,7%

Nhìn chung, các QTDND trên địa bàn hoạt động ngày càng hiệu quả, các chỉ tiêu sinh lời, tỷ lệ lợi nhuận có sự tăng trưởng từ năm 2023 đến 8 tháng đầu năm 2025.

- Phân tích các tỷ lệ chi phí trên lợi nhuận gộp

Đơn vị tính: %

STT	Tiêu chí	Năm 2023	Năm 2024	31/8/2025
1	Chi phí nhân viên/Lợi nhuận gộp			
	Bình quân	52%	53%	44,6%
	Quỹ có tỷ lệ cao nhất	79% (QTDND Phú Bình)	83% (QTDND Hàm Hiệp)	72% (QTDND Đức Nghĩa)
	Quỹ có tỷ lệ thấp nhất	37% (QTDND Liên Phương)	37% (QTDND Lộc Nam)	23% (QTDND Di Linh)
2	Chi phí quản lý/Lợi nhuận gộp	7%	6,9%	5,7%
3	Chi phí về tài sản /Lợi nhuận gộp	3%	3%	2,9%
4	Chi phí DPRR, Quỹ bảo toàn, BHTG /Lợi nhuận gộp	6%	5,8%	5,8%

- Qua số liệu trên cho thấy, các QTDND đã tích cực tiết giảm chi phí hoạt động trong giai đoạn 2023-2025. Trong đó, tỷ lệ chi phí nhân viên/lợi nhuận gộp chiếm tỷ lệ lớn trong tổng cơ cấu các chi phí, với tỷ lệ bình quân tại thời điểm 31/8/2025 là 45%.

- Việc chia lãi theo vốn góp và mức độ sử dụng sản phẩm dịch vụ chưa phổ biến tại các QTDND. Các QTDND phần lớn chia lãi theo vốn góp, việc chia lãi theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ chiếm tỷ lệ thấp so với lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (nhỏ hơn 10%), một số QTDND chỉ áp dụng cộng thêm tỷ lệ 1%-3% đối với thành viên có sử dụng sản phẩm, dịch vụ, là chưa thể hiện tính chất mô hình hợp tác xã (lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ được phân phối theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc theo công sức đóng góp của thành viên).

3. Về bộ máy quản trị, điều hành

Cơ cấu tổ chức của các QTDND trên địa bàn được thiết lập theo hướng tách bạch chức năng nhiệm vụ giữa bộ máy quản lý và điều hành, giảm thiểu xung đột lợi ích trong hoạt động kinh doanh. Đến 31/8/2025, 59/59 QTDND có cơ cấu tổ chức, bộ máy quản trị điều hành, kiểm soát, kiểm toán nội bộ đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện tại Luật Các tổ chức tín dụng và Thông tư 29/2024/TT-NHNN. Tuy nhiên, vẫn còn một số QTDND còn tồn tại trong cơ cấu tổ chức, cụ thể:

- Một số QTDND có trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ tại Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024. đây là những trường hợp được bầu, bổ nhiệm trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 có hiệu lực thi hành, phương hướng xử lý là QTDND tiếp tục duy trì đến hết nhiệm kỳ và sẽ bầu các thành viên HĐQT đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật trong nhiệm kỳ tiếp theo.

- Một số trường hợp chưa đảm bảo quy định về những người không được làm kế toán theo Điều 52 Luật Kế toán năm 2015.

- Có trường hợp nhiều người có liên quan làm việc trong cùng một Quỹ, dẫn đến khó thực hiện việc chuyển đổi vị trí công việc và đảm bảo tính độc lập, khách quan trong việc thực hiện nhiệm vụ, kiểm tra, giám sát của các bộ phận có liên quan.

- Hệ thống quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ cơ bản đã đáp ứng quy định pháp luật hiện hành, các QTDND đã ban hành tương đối đầy đủ các quy định nội bộ. Mặc dù hoạt động của Ban kiểm soát và bộ phận kiểm toán nội bộ đã từng bước được nâng cao, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế như: nội dung kiểm toán chưa chú trọng vào các bộ phận, lĩnh vực trọng yếu, tiềm ẩn nhiều rủi ro; chất lượng kiểm tra, kiểm toán còn thấp thể hiện qua các tồn tại, vi phạm được phát hiện qua thanh tra, kiểm toán độc lập. Một số QTDND có hoạt động kiểm soát, KTNB chưa đảm bảo tính khách quan, giảm hiệu quả giám sát nội bộ và khả năng cảnh báo sớm rủi ro, sai phạm.

4. Công tác đầu tư, mua sắm các trang thiết bị, trụ sở làm việc, kho tiền, hệ thống công nghệ thông tin và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu về quản trị, điều hành và quản lý rủi ro

- Nhìn chung, hệ thống QTDND trên địa bàn đã quan tâm đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất như: xây dựng trụ sở mới khang trang, hiện đại, đầu tư mua sắm trang thiết bị, hệ thống giám sát an ninh, thiết bị lưu trữ dữ liệu và kho tiền đảm bảo an toàn kho quỹ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Từ đó, các QTDND đã nâng cao chất lượng hoạt động, tăng thương hiệu, vị thế của Quỹ trên địa bàn hoạt động, thu hút sự tham gia mới của thành viên, khách hàng.

- Hệ thống công nghệ thông tin tiếp tục được duy trì ổn định và từng bước nâng cấp đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện về hệ thống công nghệ thông tin theo quy định. Quỹ đã trang bị máy chủ, máy trạm, phần mềm nghiệp vụ (CoreBanking), máy quét chữ ký, thiết bị lưu trữ sao lưu dữ liệu, đường truyền mạng nội bộ và kết nối mạng Internet tốc độ cao. Đến thời điểm báo cáo, hầu hết các QTDND trên địa bàn đã hoàn tất việc cập nhật, chỉnh sửa phần mềm nội bộ để đáp ứng yêu cầu kết nối, báo cáo đến Hệ thống thông tin phục vụ giám sát hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô.

- Việc đầu tư, nâng cấp công nghệ thông tin giúp sử dụng hiệu quả nguồn quỹ đầu tư phát triển, đảm bảo tiết kiệm, minh bạch, phù hợp với quy mô, nhu cầu hoạt động của đơn vị, nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ, giảm thiểu sai sót, tăng hiệu quả xử lý giao dịch và khả năng truy xuất, đối chiếu dữ liệu. Cán bộ nghiệp vụ được đào tạo sử dụng thành thạo phần mềm, bảo đảm khai thác đầy đủ tính năng phần mềm.

III. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỦA NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ

1. Các Ngân hàng Hợp tác xã quản lý các QTDND trên địa bàn

- Ngân hàng Hợp tác xã chi nhánh Lâm Đồng: quản lý 25 QTDND trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (cũ).

- Ngân hàng Hợp tác xã chi nhánh Bình Thuận: quản lý 25 QTDND trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (cũ).

- Ngân hàng Hợp tác xã chi nhánh Đắk Lắk: quản lý 03 QTDND trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (cũ).

- Ngân hàng Hợp tác xã chi nhánh Khánh Hòa: quản lý 04 QTDND trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (cũ).

2. Công tác điều hòa vốn

Công tác điều hòa vốn luôn là hoạt động trọng tâm của các Chi nhánh NHHTX nhằm giữ vững hoạt động QTDND an toàn, ổn định. Các Chi nhánh NHHTX đã chủ động theo sát hoạt động của các QTDND để kịp thời nắm bắt nhu cầu vay điều hòa vốn của các QTDND.

DVT: Tỷ đồng

STT	Tiền gửi điều hòa vốn	Năm 2023	Năm 2024	31/8/2025
1	Lâm Đồng	2.311,08	2.657,85	3.793,88
2	Bình Thuận	354,34	507,46	703,96
3	Khánh Hòa	60,2	60,04	65,15
4	Ninh Thuận	65,23	74,8	83,21
5	Đắk Nông	32,45	14,24	31,69
	Tổng cộng	2.823,3	3.314,39	4.594,13

Qua bảng số liệu cho thấy, tiền gửi điều hòa của các QTDND có xu hướng tăng dần trong qua các năm; thể hiện sự ổn định và tự chủ về nguồn vốn của các QTDND, ít phụ thuộc vào vốn vay của NHHTX....

STT	Các kỳ hạn (trả lãi cuối kỳ)	Ngân hàng HTX chi nhánh Bình Thuận (Quyết định 272/QĐ-NHHT-BT ngày 04/8/2025)	Ngân hàng HTX chi nhánh Lâm Đồng (Quyết định 531/QĐ-NHHT-LĐ ngày 04/8/2025)	LS bình quân 04 NHTM Nhà nước
1	Không kỳ hạn	0,2%/năm	0,2%/năm	0,13%
2	01-02 tháng	3%/năm	2,9%/năm	1,73%

3	03-05 tháng	3,3%/năm	3,2%/năm	2,03%
4	06-08 tháng	3,7%/năm	3,6%/năm	3%
5	09-11 tháng	3,9%/năm	3,8%/năm	3,1%
6	12-18 tháng	4,9%/năm	4,8%/năm	4,68%

Qua bảng số liệu cho thấy các chi nhánh NHHTX áp dụng mức lãi suất huy động từ QTDND cao hơn lãi suất huy động tiền gửi cùng kỳ hạn từ dân cư và các tổ chức kinh tế khác và cao hơn mức lãi suất huy động bình quân đang áp dụng tại các Ngân hàng thương mại có vốn nhà nước. Đặc biệt, với các QTDND gặp khó khăn trong hoạt động (QTDND được kiểm soát đặc biệt, QTDND được can thiệp sớm, QTDND được giám sát tăng cường) được Ngân hàng Hợp tác xã áp dụng lãi suất tiền gửi điều hòa cộng thêm 0,3%/năm nhằm giúp các QTDND gặp khó khăn trong hoạt động sớm phục hồi và trở lại hoạt động bình thường, thể hiện vai trò hỗ trợ thành viên QTDND, tăng cường tính liên kết trong toàn hệ thống

3. Về công tác cho vay QTDND, việc kiểm tra sử dụng vốn, khả năng trả nợ khoản vay của khách hàng vay vốn tại QTDND

3.1. Về công tác cho vay QTDND

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Cho vay điều hòa vốn	Năm 2023	Năm 2024	31/8/2025
1	Lâm Đồng	88,3	64,02	40,14
2	Bình Thuận	91,59	94,37	23,38
3	Khánh Hòa	2,9	3,7	0
4	Ninh Thuận	0	0	0
5	Đắk Nông	20	66,76	0
	Tổng cộng	202,79	228,85	88,98

Tổng dư nợ cho vay điều hòa vốn đến ngày 31/8/2025 đạt 88,98 tỷ đồng, giảm 139,87 tỷ đồng (-61%) so với đầu năm, không có nợ xấu. Hiện nay có 11/59 QTDND vay điều hòa vốn tại NHHT.

ĐVT: %

STT	Loại cho vay	Ngân hàng HTX chi nhánh Bình Thuận (Quyết định 163/2024/QĐ-CNBT ngày 17/4/2024)	Ngân hàng HTX chi nhánh Lâm Đồng (Quyết định 642/QĐ-NHHT-LĐ)
1	Lãi suất cho vay mở rộng tín dụng:		
	Ngắn hạn	5,3%/năm	5,8%/năm
	Trung dài hạn	6,3%/năm	6,3%/năm
2	Lãi suất cho vay xử	6,6%/năm	6,6%/năm

	lý khó khăn tạm thời về thanh khoản		
3	Lãi suất cho vay cầm cố số dư tiền gửi:	Lãi suất huy động + 2%/năm	Lãi suất huy động + 2%/năm

Nhìn chung, mức lãi suất cho vay của các chi nhánh NH HTX mang tính hỗ trợ, giúp các QTDND mở rộng tín dụng khi có nhu cầu hoặc xử lý khó khăn tạm thời về thanh khoản. Tuy nhiên, việc QTDND vay vốn để cho vay trong thành viên chỉ tập trung tại một số Quỹ gặp khó khăn trong công tác huy động. Nguyên nhân, do người dân nói chung và thành viên của QTDND nói riêng ngừng hoặc co hẹp sản xuất và tiêu dùng dẫn đến nhu cầu vay vốn giảm. Bên cạnh đó, giá nông sản tăng cao và nguồn vốn huy động tại chỗ của QTDND tăng mạnh, đủ để đáp ứng nhu cầu cho vay nên không có nhu cầu vay vốn NHHT.

3.2. Việc hướng dẫn đào tạo nghiệp vụ ngân hàng, công nghệ thông tin, hỗ trợ hoạt động ngân hàng đối với QTDND thành viên

- Về đào tạo nghiệp vụ: để hỗ trợ các QTDND nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nhận diện và cảnh báo cho QTDND các rủi ro trong quá trình hoạt động, NHHTX đã tổ chức các lớp đào tạo về nghiệp vụ ngân hàng điện tử (CF-eBank), ứng dụng và phát triển sản phẩm thẻ thanh toán, nghiệp vụ tín dụng, kế toán, quản lý, quản trị rủi ro, kiểm soát kiểm toán nội bộ, góp phần chuẩn hóa trình độ cán bộ quản lý điều hành theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, trong khuôn khổ Dự án hỗ trợ kỹ thuật STEP đã đẩy mạnh triển khai công tác đào tạo tập huấn những nội dung nghiệp vụ mới và giới thiệu nền tảng E-learning cho các lãnh đạo, thành viên Ban kiểm soát và cán bộ tín dụng của QTDND...

- Về hỗ trợ hệ thống công nghệ thông tin, hoạt động ngân hàng

NHHTX đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giới thiệu, cung cấp tài liệu hướng dẫn cho các QTDND ứng dụng Co-opbank Mobile Banking, cập nhật, nâng cấp ứng dụng với nhiều tính năng mới, tiện ích, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Bên cạnh đó, chi nhánh NH HTX đã tổ chức các hội nghị chuyên đề về chuyển đổi số và thanh toán không dùng tiền mặt đến thành viên QTDND. Đến nay, toàn bộ 59/59 QTDND trên địa bàn đều tham gia mạng lưới chuyển tiền điện tử của NHHT, hoạt động thanh toán chuyển tiền của các QTDND đã đạt được kết quả khả quan, các giao dịch xử lý an toàn, chính xác.

NHHTX đã hỗ trợ kịp thời các hoạt động ngân hàng cho QTDND trên địa bàn phụ trách như: công tác điều hòa vốn, công tác đào tạo, cung cấp dịch vụ thanh toán, ngân hàng số, sổ tiết kiệm trắng....

- Công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ QTDND

NHHTX thường xuyên giám sát tình hình hoạt động của QTDND thông qua Hệ thống quản lý thông tin báo cáo QTDND; kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ của NHHT

đối với các QTDND; các thông tin từ NHNN, từ chính quyền địa phương và kết quả kiểm tra định kỳ sử dụng vốn vay theo Quy chế điều hòa vốn đối với các QTDND để từ đó đánh giá tình hình hoạt động của từng QTDND. Trường hợp QTDND có một hoặc nhiều chỉ tiêu chưa đáp ứng đúng quy định của NHNN thì NHHTX khuyến cáo để các QTDND có hướng khắc phục, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế nhằm hạn chế rủi ro.

Thực hiện chỉ đạo của Thống đốc NHNN và Trụ sở chính NHHTX, NHHTX đã thực hiện kiểm tra bao gồm các nội dung: hoạt động huy động tiền gửi tiết kiệm, quản lý và sử dụng ấn chỉ quan trọng, chấp hành quy định về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động và hoạt động cho vay.

- Kiểm toán nội bộ QTDND: hiện nay các chi nhánh NHHTX chưa thực hiện kiểm toán các QTDND.

IV. NHẬN XÉT VIỆC THỰC HIỆN MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ HỢP TÁC XÃ

Trên cơ sở những thông tin, số liệu đã nêu ở trên, việc thực hiện mục tiêu hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã đã đạt được một số kết quả như sau:

1. Việc phát triển thành viên, mối liên kết giữa thành viên với Quỹ, việc tăng, giảm vốn điều lệ, vốn góp của thành viên

- Công tác phát triển thành viên mới được QTDND quan tâm thực hiện, các QTDND thường xuyên rà soát để chấm dứt tư cách thành viên không phát sinh giao dịch trong thời gian dài. Tuy nhiên, số lượng thành viên phát sinh giao dịch với QTDND không nhiều, trong đó số lượng thành viên vay vốn, gửi tiền và số lượt sử dụng dịch vụ chuyển tiền CF-Ebank đến 31/8/2025 chỉ chiếm tỷ lệ lần lượt là 29%, 17% và 16%.

- Công tác chăm sóc thành viên được quan tâm thực hiện thông qua việc khen thưởng các thành viên gửi tiền, thành viên vay vốn có uy tín, thực hiện tốt nghĩa vụ trả nợ tại Đại hội thành viên hàng năm, thực hiện công tác an sinh xã hội trên địa bàn hoạt động để hỗ trợ thành viên gặp khó khăn, hộ nghèo không phải là thành viên. Tuy nhiên, công tác chăm sóc thành viên chỉ tập trung một số ít đối tượng, chưa được thực hiện rộng rãi.

- Căn cứ vào tình hình hoạt động và định hướng kinh doanh, hàng năm HĐQT xây dựng kế hoạch tăng, giảm vốn điều lệ trình Đại hội thành viên thông qua để tổ chức thực hiện. Đa số QTDND thực hiện đúng quy định về tăng, giảm vốn điều lệ. Tuy nhiên, việc góp vốn bổ sung của thành viên chỉ tập trung vào số ít thành viên là nhân viên QTDND và người có liên quan.

- Việc chia lãi theo vốn góp và mức độ sử dụng sản phẩm dịch vụ chưa phổ biến tại các QTDND. Các QTDND phần lớn chia lãi theo vốn góp, việc chia lãi theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ chiếm tỷ lệ thấp so với lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, chưa thể hiện tính chất của mô hình hợp tác xã (*lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ phải được phân phối theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc theo công sức đóng góp của thành viên*).

2. Việc xây dựng, kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch hoạt động hàng năm

Hàng năm, HĐQT xây dựng kế hoạch hoạt động trình đại hội thành viên thông qua để làm cơ sở thực hiện. Trong giai đoạn 2023-2024, đa số các quỹ thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, bên cạnh đó vẫn còn một số đơn vị thực hiện chưa đạt kế hoạch đối với chỉ tiêu cho vay và chỉ tiêu lợi nhuận. Trong năm 2025, một số quỹ hoạt động không tăng trưởng được, có xu hướng suy giảm, thu nhập không bù đắp đủ chi phí.

Bên cạnh đó, nhiều quỹ xây dựng chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận chưa phù hợp với thu nhập từ hoạt động kinh doanh. Cụ thể là xây dựng kế hoạch lợi nhuận thấp để thông qua phương án tiền lương từ đó chi lương kinh doanh chiếm tỷ lệ lớn trên lợi nhuận thực tế, dẫn đến tỷ lệ chi nhân viên đa số các quỹ chiếm trên 45% lợi nhuận gộp, giảm lợi nhuận sau khi quyết toán năm tài chính, chưa quan tâm đến việc tích lũy để phát triển bền vững.

3. Việc hiện mục tiêu tương trợ thành viên qua hoạt động của QTDND

- Trong 8 tháng đầu năm 2025, hệ thống QTDND trên địa bàn gặp nhiều khó khăn trong việc tăng trưởng tín dụng. Dư nợ tín dụng tập trung cho vay thành viên, chủ yếu là cho vay ngắn hạn phục vụ sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản nhằm hỗ trợ vốn cho thành viên phát triển kinh tế, cải thiện đời sống, góp phần thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp, nông thôn. Các QTDND cho vay có tài sản bảo đảm chiếm 94% tổng dư nợ giúp giảm thiểu rủi ro nhưng chưa đảm bảo việc gắn giữ, hiểu biết và hỗ trợ thành viên.

- Lãi suất tiền gửi và tiền vay của các QTDND có xu hướng giảm từ năm 2023 đến năm 2025, phù hợp với chỉ đạo của Chính phủ và NHNN trong việc tiết giảm chi phí nhằm giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ khách hàng phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, mặt bằng lãi suất cho vay vẫn còn cao so với mức bình quân của toàn ngành, chênh lệch lãi suất cho vay và huy động cao và chưa áp dụng cơ chế ưu đãi lãi suất huy động cho khách hàng là thành viên, điều này làm giảm khả năng cạnh tranh của hệ thống QTDND so với các loại hình TCTD khác, chưa thể hiện vai trò tương trợ, hỗ trợ thành viên.

- Việc tập trung cho vay khách hàng có dư nợ trên 800 trđ chiếm tỷ lệ cao, tăng từ 45% năm 2023 tăng lên 53% đến 31/8/2025, cho thấy các QTDND chưa ưu tiên cho vay các món nhỏ, lẻ, phân khúc tài chính vi mô, vốn là lợi thế của mô hình QTDND.

- Đa số các QTDND hoạt động trên địa bàn nông thôn, nhưng chưa cho thành viên vay vốn ngắn hạn với lãi suất ưu đãi đối với các mục đích sử dụng vốn phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn là chưa đáp ứng việc thực hiện mục tiêu tương trợ thành viên. Nguyên nhân, do khách hàng chưa đáp ứng điều kiện về tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh theo quy định nội bộ của QTDND.

- Tỷ lệ chi cho nhân viên chiếm phần lớn lợi nhuận gộp (bình quân 45%), trong khi tỷ lệ chi phí tài sản chiếm tỷ trọng không đáng kể trong lợi nhuận gộp (bình quân 2,9%). Điều này cho thấy, các QTDND có xu hướng tập trung vào chi trả lương và các chế độ cho người lao động, chưa chú trọng vào đầu tư trang thiết bị, phương tiện, trụ sở làm việc, chưa quan tâm ứng dụng công nghệ thông tin và tăng cường công tác bảo đảm

an toàn thông tin, cũng như tiếp cận với các dịch vụ ngân hàng số và tham gia vào quá trình chuyển đổi số ngành Ngân hàng, là chưa đáp ứng việc thực hiện mục tiêu tương trợ, hỗ trợ thành viên.

- Việc gia nhập thành viên chủ yếu khi khách hàng có nhu cầu vay vốn. Các QTDND chưa có cơ chế khích lệ khách hàng gửi tiền tham gia thành viên, dẫn đến việc huy động tiền gửi từ thành viên khó thực hiện, từ đó làm cho Quỹ khó khăn trong việc tăng trưởng huy động và duy trì tỷ lệ tiền gửi từ thành viên.

4. Về đa dạng hóa và hiện đại hóa các sản phẩm dịch vụ; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động, an toàn hoạt động

Đến 31/8/2025, trên địa bàn khu vực có 52/59 QTDND có thu nhập từ hoạt động phi tín dụng (hầu hết là cung cấp dịch vụ chuyển tiền theo chương trình CF-ebank của ngân hàng hợp tác xã, thu hộ, chi hộ cho thành viên của QTDND). Tuy nhiên tỷ trọng thu nhập từ hoạt động này chiếm tỷ trọng nhỏ chỉ đạt 0,6% tổng thu nhập.

Các QTDND trên địa bàn đều trang bị hệ thống máy tính kết nối mạng internet và cài đặt phần mềm giao dịch phục vụ cho công tác hạch toán kế toán, quản lý cho vay, quản lý kho quỹ và phục vụ công tác truyền file báo cáo về NHNN khu vực đúng quy định. Tuy nhiên việc ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ việc quản trị, điều hành và quản lý rủi ro tại các quỹ chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

5. Về tổ chức bộ máy

59/59 QTDND có cơ cấu tổ chức, bộ máy quản trị điều hành, kiểm soát, kiểm toán nội bộ đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện tại Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, một số QTDND có nhân viên kế toán chưa đảm bảo quy định không được làm kế toán theo Điều 52 Luật Kế toán năm 2015; một số QTDND có nhân sự thuộc nhóm người có liên quan cùng làm việc, ảnh hưởng tới tính độc lập trong công tác quản trị, điều hành, kiểm soát. Ngoài ra, hoạt động kiểm soát, KTNB chưa đảm bảo tính khách quan, hiệu quả và khả năng cảnh báo sớm rủi ro, sai phạm.

6. Về vai trò và trách nhiệm của Ngân hàng Hợp tác xã

NHHTX Chi nhánh Bình Thuận, Lâm Đồng, Bình Định, Đắk Lắk đã thực hiện tốt vai trò là ngân hàng của QTDND, hỗ trợ vốn kịp thời, đầy đủ, áp dụng chính sách lãi suất hỗ trợ; thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ qua đó kịp thời đưa ra các khuyến nghị, cảnh báo giúp QTDND trên địa bàn chấn chỉnh kịp thời, tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đồng thời, các chi nhánh NHHTX chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên QTDND, hỗ trợ đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, cung cấp sản phẩm dịch vụ số cho QTDND giúp QTDND ngày càng hiện đại hóa và hoạt động an toàn, hiệu quả. Tuy nhiên, vẫn còn một số QTDND còn chưa chú trọng phát triển theo định hướng thanh toán không dùng tiền mặt.

V. VỀ CHẤP HÀNH CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG

Qua công tác thanh tra, giám sát của NHNN chi nhánh trong thời gian qua, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, thách thức song các QTDND trên địa bàn cơ bản đã tuân thủ

Luật Các TCTD năm 2024, Nghị quyết của Đại hội thành viên, Phương án củng cố và phát triển QTDND đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, đảm bảo hệ thống QTDND được tiếp tục củng cố, phát triển, hoạt động an toàn, hiệu quả. Quá trình hoạt động đã chấp hành các quy định của pháp luật, của Ngành và quy chế, quy định nội bộ... Kết quả hoạt động đã tạo điều kiện hỗ trợ thành viên phát triển sản xuất kinh doanh, góp phần tích cực phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, sai phạm trong quá trình hoạt động đã được NHNN chi nhánh Khu vực xử lý, chấn chỉnh, cảnh báo, đề nghị khắc phục.

VI. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân khách quan

- Quy mô hoạt động, năng lực tài chính của hệ thống QTDND nhỏ, nhân sự của các QTDND còn hạn chế nên việc triển khai đầy đủ các tiêu chuẩn, yêu cầu bảo mật về hệ thống công nghệ thông tin và tổ chức thực hiện các mục tiêu, yêu cầu đặt ra đối với hệ thống kiểm soát còn nhiều khó khăn.

- Các QTDND chủ yếu hoạt động ở địa bàn vùng nông thôn, thành viên tham gia là những cá nhân với ngành nghề sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nhưng chưa am hiểu sâu về hoạt động tiền tệ - ngân hàng do đó việc tham gia quản lý và giám sát của thành viên đối với hoạt động của QTDND còn hạn chế.

- Sản phẩm dịch vụ của QTDND phần lớn tập trung vào huy động và cho vay, chưa có các dịch vụ gia tăng khác, do đó chịu nhiều áp lực cạnh tranh từ các NHTM và các công ty tài chính tiêu dùng,

- Công tác xử lý nợ xấu gặp nhiều khó khăn, chủ yếu xử lý từ quỹ dự phòng rủi ro tín dụng, nguyên nhân chính do thành viên vay vốn chây ỳ, không có ý thức trả nợ, một số khách hàng đã đi khỏi địa phương, tài sản bảo đảm có tính thanh khoản thấp, công tác thi hành án còn chậm.

- Địa bàn hoạt động chủ yếu của QTDND nằm ở khu vực nông thôn, nơi dân số già chiếm tỷ lệ cao và người trẻ có xu hướng rời quê để học tập, làm việc tại các đô thị. Bên cạnh đó, phần lớn QTDND chưa có chiến lược thu hút nhóm khách hàng trẻ, thiếu các sản phẩm, dịch vụ phù hợp như cho vay học tập, vay mua nhà, dịch vụ thanh toán điện tử, ngân hàng số... khiến người trẻ ít quan tâm hoặc lựa chọn các tổ chức khác thay vì QTDND. Thêm vào đó, công tác truyền thông, tiếp cận khách hàng trẻ thông qua kênh số hoặc mạng xã hội vẫn còn rất hạn chế. Tình trạng già hóa thành viên và khách hàng đang là thách thức đối với sự phát triển bền vững của hệ thống QTDND.

2. Nguyên nhân chủ quan

- QTDND chưa chủ động xây dựng chiến lược để tái định vị vai trò, mở rộng cộng đồng thành viên – vốn là nền tảng cốt lõi của mô hình HTX, tập trung phục vụ nhóm khách hàng yếu thế, người có thu nhập thấp, người dân vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa là những khách hàng ít được các tổ chức tài chính lớn quan tâm.

- Một số QTDND chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc tích lũy vốn nhằm nâng cao mức độ an toàn – một yêu cầu bắt buộc trong hoạt động QTDND.

- HĐQT, Ban điều hành chưa có giải pháp hiệu quả trong công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia thành viên, chưa có các cơ chế, chính sách nhằm tăng tính hỗ trợ, giúp đỡ thành viên, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh và tính bền vững của mô hình QTDND.

- Chưa quan tâm và nhận thức rõ mức độ quan trọng của việc ban hành các quy định nội bộ, hệ thống kiểm soát nội bộ, công tác bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động.

- Trình độ quản lý ở các QTDND chưa cao, còn thiếu tính chuyên nghiệp, nhiều vị trí trong HĐQT, BĐH, BKS chưa được đào tạo bài bản, chỉ hoàn thiện bằng cấp mang tính hình thức dẫn đến hạn chế hiểu biết về hoạt động ngân hàng, tư duy đổi mới và khả năng ứng dụng CNTT. Một số QTDND còn tồn tại tình trạng cán bộ chủ chốt tuổi đời cao dẫn đến tư duy bảo thủ, quản lý theo kiểu “cố hữu, kinh nghiệm”, thiếu minh bạch và dễ phát sinh lạm quyền, rủi ro mất đoàn kết nội bộ, ảnh hưởng đến hiệu quả điều hành, uy tín và thương hiệu của mô hình HTX.

- Một bộ phận cán bộ ý thức chấp hành pháp luật và tuân thủ quy định trong hoạt động ngân hàng còn thấp, tiềm ẩn rủi ro đạo đức. Tại một số QTDND, các vị trí quản trị, điều hành, kiểm soát, tín dụng do người có quan hệ họ hàng, huyết thống nắm giữ, làm gia tăng nguy cơ xung đột lợi ích, lợi dụng chức vụ để thao túng hoạt động của QTDND, giảm khả năng đưa ra các quyết định quản trị, điều hành, kiểm soát mang tính độc lập.

VII. GIẢI PHÁP ĐỂ QTDND TRÊN ĐỊA BÀN TIẾP TỤC HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ, THỰC HIỆN ĐÚNG MỤC TIÊU CHỦ YẾU LÀ TƯƠNG TRỢ THÀNH VIÊN

1. Đối với NHNN Khu vực

- Tiếp tục triển khai nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, chỉ đạo điều hành của NHNN Việt Nam liên quan đến QTDND, đặc biệt là Quyết định số 1638/QĐ-NHNN ngày 31/3/2025 của Thống đốc NHNN Việt Nam về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 12/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo an toàn hoạt động, củng cố vững chắc hệ thống quỹ tín dụng nhân dân và Quyết định số 209/QĐ-NHNN ngày 31/01/2019 của Thống đốc NHNN về việc phê duyệt Đề án “Củng cố và phát triển hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” (Giai đoạn 2: năm 2025-2030),

- Giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021- 2025 và giai đoạn tiếp theo.

- Tăng cường công tác thanh tra, giám sát cảnh báo rủi ro và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra QTDND. Tập trung giám sát đối với các QTDND được kiểm soát đặc biệt, can thiệp sớm, giám sát tăng

cường, có vụ việc nổi cộm và vấn đề cần lưu ý nhằm đảm bảo an toàn hoạt động, tránh xảy ra điểm nóng tại địa bàn.

- Thường xuyên báo cáo tình hình hoạt động của hệ thống QTDND trên địa bàn cho UBND cấp tỉnh. Tiếp tục tăng cường công tác phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã trong công tác quản lý, giám sát QTDND, kịp thời phát hiện dấu hiệu sai phạm, vi phạm pháp luật và các dấu hiệu bất thường khác trong tổ chức, hoạt động của QTDND để có biện pháp xử lý kịp thời, bao gồm cả xử lý nhân sự quản lý, điều hành, kiểm soát; không để xảy ra tình trạng mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và an toàn hệ thống QTDND trên địa bàn.

2. Đối với chính quyền địa phương

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về bản chất tốt đẹp của mô hình tổ chức tín dụng là hợp tác xã nhằm thu hút thành viên mới tham gia QTDND; tăng cường phối hợp với NHNN Khu vực 10 trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của QTDND, phối hợp giám sát, tăng cường trao đổi thông tin về tình hình hoạt động của QTDND, kịp thời xử lý các sự cố phát sinh, đặc biệt là việc xử lý các QTDND yếu kém, được kiểm soát đặc biệt, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

- Tăng cường quản lý nhà nước đối với cán bộ làm việc tại QTDND, phối hợp cho ý kiến nhân sự QTDND khi nhận được đề nghị của NHNN Khu vực 10, đảm bảo nhân sự của QTDND có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chấp hành đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước nhằm hạn chế các vi phạm và rủi ro trong hoạt động.

- Quan tâm, tạo điều kiện về cơ sở vật chất và an ninh trật tự nhằm đảm bảo QTDND hoạt động ổn định, an toàn; hỗ trợ các QTDND trong công tác cho vay, đánh giá khách hàng, cung cấp thông tin người có liên quan của khách hàng nhằm đảm bảo chất lượng các khoản vay, phục vụ đúng đối tượng; hỗ trợ QTDND trong công tác thu hồi nợ, xử lý nợ xấu, tài sản của QTDND do bị khách hàng chây ỳ trả nợ;

- Phối hợp tích cực với NHNN Khu vực 10 trong việc thực hiện xử lý về địa bàn hoạt động của QTDND do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, đảm bảo định hướng “mỗi đơn vị hành chính cấp xã chỉ có một QTDND hoạt động”, tránh việc cạnh tranh nội bộ trong hệ thống QTDND.

- Phối hợp thiết lập đường dây nóng nhằm trao đổi các thông tin khi phát hiện dấu hiệu sai phạm, vi phạm pháp luật và dấu hiệu bất thường khác ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và an toàn hệ thống QTDND trên địa bàn theo các văn bản của NHNN Khu vực 10 đã gửi UBND cấp xã.

- Quan tâm, hỗ trợ, thực hiện cập nhật thông tin đăng ký hợp tác xã của các QTDND trên địa bàn theo các thông báo của NHNN Khu vực 10, đồng thời hỗ trợ QTDND tra cứu thông tin đăng ký hợp tác xã để phục vụ hoạt động kinh doanh.

3. Đối với Ngân hàng Hợp tác xã

- Nâng cao vai trò đầu mối hệ thống của NHHTX như: kiểm tra, kiểm toán, giám sát, xử lý các vấn đề của QTDND cũng như các vấn đề của hệ thống; cam kết hoạt động vì mục tiêu đảm bảo an toàn, lành mạnh và phát triển bền vững của hệ thống QTDND.

- Nâng cao tính kịp thời và hiệu quả trong việc cho vay hỗ trợ tài chính, hỗ trợ thanh khoản, điều hòa vốn nhân rồi giữa các QTDND, hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ nhân sự của QTDND, giúp QTDND phát triển các sản phẩm dịch vụ tài chính hiện đại, đáp ứng yêu cầu của khách hàng, thành viên trên địa bàn.

4. Đối với hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân

- Tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật và chỉ đạo của NHNN Khu vực 10 trong quá trình hoạt động. Chủ động xây dựng chiến lược đề tái định vị vai trò, mở rộng cộng đồng thành viên. Tăng cường nhận thức, có giải pháp cơ chế hiệu quả, thiết thực nhằm thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của mô hình hợp tác xã là tương trợ giữa các thành viên của QTDND nhằm phát huy sức mạnh tập thể và của từng thành viên, giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh, cải thiện đời sống, phát triển cộng đồng và cùng nhau xây dựng QTDND hoạt động lành mạnh, hiệu quả.

- Thu hút, mở rộng tối đa các thành viên bao gồm người dân, hộ kinh doanh cá thể, tổ chức... cư trú trên địa bàn hoạt động của QTDND. Đồng thời rà soát, có biện pháp xử lý đối với các thành viên không giao dịch với QTDND trong thời gian dài. Nghiên cứu, sửa đổi quy định về góp vốn bổ sung theo hướng phù hợp với nguyện vọng của đa số thành viên tại địa bàn hoạt động và đúng quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước quy định về Quỹ tín dụng nhân dân.

- Nâng cao vai trò của các thành viên thông qua hoạt động của Đại hội thành viên, tham gia vào lựa chọn, đề cử, giám sát nhân sự của QTDND; hỗ trợ, giám sát lẫn nhau trong việc sử dụng khoản vay hiệu quả và trả nợ.

- Tăng cường công tác tuyên truyền về bản chất tốt đẹp của mô hình QTDND, vận động người dân tham gia thành viên, giáo dục và nâng cao hiểu biết, kỹ năng của thành viên về tài chính, ngân hàng và kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh để cải thiện đời sống. Thường xuyên cảnh báo cho thành viên về các thủ đoạn lừa đảo, hành vi phạm tội thông qua sử dụng các sản phẩm dịch vụ tài chính ngân hàng.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT, Ban điều hành và BKS. Tăng cường trách nhiệm giải trình và tính độc lập trong quản lý, điều hành, giám sát của HĐQT, BKS, Giám đốc.

- Có kế hoạch, phương án tăng cường tỷ trọng chia lãi theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ nhằm khuyến khích thành viên chủ động tham gia đóng góp vào sự phát triển của QTDND. Có cơ chế ưu đãi lãi suất (vay và gửi tiền) nhằm vận động khách hàng tham gia thành viên và giao dịch tại QTDND.

- Tăng cường công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, quan tâm tạo nguồn nhân sự kế cận để nâng cao hiệu quả hoạt động, tính bền vững của QTDND, rà soát đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của người quản lý, người điều hành.

- Thực hiện tiết giảm chi phí để điều chỉnh giảm lãi suất cho vay thành viên. Điều chỉnh cân đối, hợp lý các khoản mục chi phí đảm bảo hoạt động an toàn và có tích lũy để phát triển, trong đó, tiết giảm chi phí nhân viên để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm đáp ứng yêu cầu quản trị, quản lý tài chính, hạch toán, kế toán của QTDND.

- Thường xuyên bồi dưỡng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, nhân viên. Tuân thủ các quy định về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ theo quy định của pháp luật, có giải pháp không để xảy ra tình trạng xung đột lợi ích, lợi dụng chức vụ để thao túng hoạt động của QTDND hoặc ảnh hưởng đến tính độc lập trong công tác quản trị, điều hành, kiểm soát, thực hiện nghiệp vụ.

- Phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Hợp tác xã trong việc vay vốn, gửi tiền để điều hòa vốn, phát triển và ứng dụng các sản phẩm, dịch vụ mới, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ; tạo điều kiện để Ngân hàng Hợp tác xã thực hiện kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của NHNN Việt Nam. Chủ động tiếp cận các dịch vụ ngân hàng số khi Ngân hàng Hợp tác xã triển khai và tham gia vào quá trình chuyển đổi số quốc gia và chuyển đổi số ngành Ngân hàng.

- Chủ động làm việc, đề xuất Đảng ủy, chính quyền địa phương hỗ trợ khi gặp khó khăn trong hoạt động. Tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, để nắm bắt kịp thời các chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế địa phương từ đó chủ động huy động vốn, đầu tư tín dụng, nâng cao hoạt động của QTDND trong thời gian tới.

Trên đây là báo cáo của NHNN KV 10 phục vụ Hội nghị QTDND với chuyên đề “Mục tiêu hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã”./.

BAN TỔ CHỨC HỘI NGHỊ